

JULES VERNE

20.000 DẠM DƯỚI ĐÁY BIỂN

(20.000 LIEUES SOUS LES MERS)

1

NHÀ XUẤT-BẢN SỔNG MƠI

**Bản dịch của
NGUYỄN - QUÂN**

20.000 dặm dưới đáy biển

Jules Verne

Bản dịch của
Nguyễn Quân

**20.000 dặm
dưới đáy biển
(tập 1)**

Jules Verne
Bản dịch của Nguyễn Quân

Bìa: NXB Sống Mới
Nguồn: Internet
Trình bày: Muôn Phương

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

**20.000 dặm
dưới đáy biển**

JULES VERNE
Bản dịch của Nguyễn Quân

Nhà xuất bản Sống Mới
30b Phạm Ngũ Lão – Saigon
1962

MỤC LỤC

Đôi điều về tác giả Jules Gabriel Verne	11
--	----

Đôi điều về dịch giả Nguyễn Quân	30
-------------------------------------	----

Lời nói đầu	38
-------------	----

Phần thứ nhất

1. Chương 1 Một phiêu vật	43
------------------------------	----

2. Chương 2 Điều hơn lẽ thiệt	62
----------------------------------	----

3. Chương 3	79
Xin tùy ý ông	
4. Chương 4	96
Nề Lang (Ned Lang)	
5. Chương 5	116
Cuộc liêu lĩnh	
6. Chương 6	130
Dùng hết tốc lực	
7. Chương 7	158
Một loài cá voi chưa từng thấy	
8. Chương 8	180
Chuyển động trong yếu tố chuyển động	
9. Chương 9	200
Cơ giận của Nề Lang	
10. Chương 10	219
Con người của biển cả	

11. Chương 11	247
Con tàu Nam Tị Lũy (Nautilus)	
12. Chương 12	266
Hoàn toàn bằng điện lực	

ĐÔI ĐIỀU VỀ TÁC GIẢ JULES GABRIEL VERNE

1. Đôi điều về Jules Verne

Jules Gabriel Verne (sinh ngày 8 tháng 2 năm 1828 - mất ngày 24 tháng 3 năm 1905) là một nhà văn, nhà khoa học, là người đi tiên phong trong thể loại tiểu thuyết khoa học viễn tưởng và được công nhận rộng rãi là một trong những người đã khai sinh ra thể loại văn học này. Ông được cho là một người có tầm nhìn vô cùng rộng rãi, tiến bộ và đi trước thời đại trong ngành khoa học,

nhờ vậy ông có khả năng tưởng tượng và viết ra những tác phẩm vẫn còn giá trị tham khảo về mặt khoa học đến tận ngày nay.



Nhà văn Jules Verne để lại những tác phẩm kinh điển cho nền văn học Pháp

Trong những cuốn tiểu thuyết của mình, ông thường viết về các chủ đề phiêu lưu bằng máy bay, tàu ngầm rất hiện đại, hay những chuyến du hành vào vũ trụ bằng những công nghệ vô cùng

tiên tiến trước cả khi con người thật sự phát minh ra được chúng trong thực tế. Theo tổ chức Index Translationum, ông là tác giả có những tác phẩm được dịch nhiều thứ 3 trên thế giới, và những đầu truyện của ông cũng đã được chuyển thể thành phim, phim hoạt hình, kịch nghệ rất nhiều lần.

Jules Verne sinh ra ở Nantes, Pháp, và là con trai trưởng trong số 5 người con của Pierre Verne, một luật sư và bà Sophie Allote de la Fuÿe Verne. Vào mùa hè, cả nhà ông sống trong một căn nhà ở ngoại ô thành phố, cạnh con sông Loire. Cảnh tàu thuyền tấp nập ở đây đã bắt đầu củng cố cho Jules Verne một trí tưởng tượng vô cùng phong phú như ông đã ghi lại trong cuốn truyện ngắn «Souvenirs d'enfance et de jeunesse» (Kỷ niệm thời niên thiếu).

Vào năm 11 tuổi, ông lén gia đình thuê một chỗ trên một chiếc thuyền buồm 3 tầng đi đến Ấn Độ để khám phá. Tuy chuyến đi không thành công do bị cha ông phát hiện, nhưng đam mê phiêu lưu và khám phá vẫn luôn cháy âm ỉ bên trong ông. Khi lớn lên, ông học tại trường Đại học Bách Khoa Paris, khoa luật, để trở thành một luật sư giống như cha của ông. Song với tâm hồn bay bổng và khả năng tưởng tượng trời cho của mình, ông cũng đã dành nhiều thời gian để tập tành viết lách. Khoảng thời gian đầu, ông tập trung vào viết những vở kịch, thơ, ông thích viết về những giấc mơ, những chuyến phiêu lưu khám phá để thỏa mãn đam mê của mình.

Jules bắt đầu xuất bản những tác phẩm đầu tiên của mình trên tờ *Le Musée de familles*, bao gồm các truyện ngắn

như *Les Premiers navires de la marine mexicaine* (Những chiếc tàu đầu tiên của hải quân Mexico) hay *Un Drame dans les airs* (Bi kịch giữa không trung) vào năm 1851. Một năm sau, ông vào làm việc tại nhà hát Théâtre-lyrique, tại đây ông đã tham gia sáng tác phần lời cho rất nhiều tác phẩm sân khấu khác nhau, trong đó đáng chú ý nhất là vở nhạc kịch *Colin-Maillard*.

Năm 1862, Jules Verne gặp nhà xuất bản Pierre-Jules Hetzel, một trong những người quan trọng nhất của ngành xuất bản Pháp thế kỷ thứ 19, người đã từng phát hành các tác phẩm của những nhà văn lớn như Victor Hugo hay Georges Sand. Cuốn tiểu thuyết đầu tiên của Jules Verne được in tại Hetzel là *Cinq semaines en ballon* (Năm tuần trên khinh khí cầu) vào năm 1863. Là một tác phẩm đã từng

bị rất nhiều nhà xuất bản từ chối vì nó quá “khoa học”, Năm tuần trên khinh khí cầu trở thành một hiện tượng văn học lúc bấy giờ, vượt qua cả biên giới nước Pháp.

Trong vòng 40 năm, Jules Verne đã sáng tác loạt truyện *Voyages extraordinaires* (Những cuộc du hành kỳ lạ) bao gồm những tiểu thuyết lẻ nói về những cuộc phiêu lưu mang hơi hướng khoa học giả tưởng, có hơn 54 tiểu thuyết đã được in thành sách, trong đó thành công nhất phải kể đến *Voyage au centre de la Terre*, *Vingt mille lieues sous les mers* và *Le tour du monde en quatre-vingts jours* (Tám mươi ngày vòng quanh Thế giới).

Sau khi ông qua đời, rất nhiều tiểu thuyết mới của ông vẫn được tiếp tục xuất bản bởi người con trai Michel Verne, người có trách nhiệm quản lý số lượng

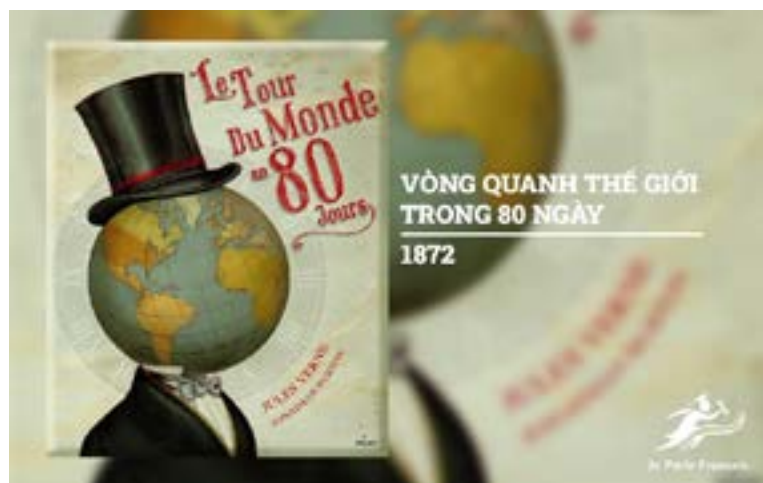
bản thảo khổng lồ lúc ông còn sống.

2. Những tác phẩm nổi bật của Jules Verne

Tám mươi ngày vòng quanh Thế giới (Le tour du monde en 80 jours)

Tác phẩm được viết khi bản thân tác giả cũng gặp rất nhiều khó khăn về tài chính, cũng như cha của ông vừa qua đời. Những đổi mới công nghệ của thế kỷ thứ 19 đã giúp cho người ta có thể đi từ Châu lục này đến Châu lục khác một cách nhanh chóng, và điều này đã vô cùng thôi thúc, mê hoặc Verne và độc giả của ông. Đặc biệt, trên thế giới vừa có 3 đột phá về công nghệ vào giai đoạn 1869-1870 đó là hoàn thành tuyến đường sắt xuyên lục địa đầu tiên của Mỹ (1869), mở cửa kênh đào Suez (1869), và sự liên kết các tuyến đường sắt Ấn Độ

xuyên tiểu lục địa (1870). Việc này khơi dậy ham muốn di chuyển của tất cả mọi người rằng bất cứ cứ ai cũng có thể ngồi xuống, lên lịch trình, mua vé và bắt đầu chuyến đi vòng quanh thế giới. Một điều mà trước đây chỉ dành cho những nhà thám hiểm gan dạ.



Tác phẩm Vòng quanh thế giới
trong 80 ngày

Cuốn tiểu thuyết bắt đầu câu chuyện
tại Luân Đôn vào ngày 2 tháng 10 năm

Dịch giả: Nguyễn Quân

1872. Phineas Fogg là một người đàn ông giàu có, chưa lập gia đình cùng những thói quen sinh hoạt vô cùng bình thường. Lý do vì sao ông trở nên giàu có cũng không ai biết và ông cũng có một cuộc sống khá khiêm tốn tuy có phần nguyên tắc. Ông đã từng sa thải người giúp việc trước đây, James Forster vì đem đến nước cạo râu lạnh hơn 2 độ so với thường lệ, và một nhân viên cũ của ông cũng bị đuổi vì dọn bữa sáng cho ông trễ hơn hàng ngày 1 phút. Ông thuê một người tùy tùng người Pháp mới tầm khoảng 30 tuổi tên là Passpartout. Tại Câu lạc bộ Cải cách, ông tham gia vào một cuộc tranh cãi về một bài báo trên tờ The Daily Telegraph, là một tờ nhật báo có thật trong lịch sử, nói rằng với việc mở ra đoạn đường sắt Ấn Độ, con người ta đã có thể đi vòng quanh thế giới trong 80 ngày.

20.000 dặm dưới đáy biển (tập 1)

Ông chấp nhận tổ chức một cuộc đánh cược trị giá 20.000 Bảng Anh với các thành viên trong câu lạc bộ rằng ông có thể hoàn thành chuyến đi trong 80 ngày. Cùng với người tùy tùng Passepartout, ông rời khỏi Luân Đôn bằng tàu hỏa vào 8 giờ 45 phút tối ngày 2 tháng 10 năm 1872, hẹn sẽ quay trở lại câu lạc bộ sau 80 ngày, đó là ngày 21 tháng 12. Trên chuyến đi, ông đã gặp rất nhiều khó khăn, thử thách như người bản địa tấn công, bị cho vào tù, ra tòa, con tàu gặp bão...v.v... Những cuối cùng với lòng dũng cảm, kiên cường, ông đã hoàn thành chuyến đi.

Hành trình vào tâm Trái đất (Voyage au centre de la Terre)

Là một cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng được xuất bản vào năm 1864. Đây là một tác phẩm tiêu biểu khẳng

định cho câu nói “Thứ duy nhất giới hạn chúng ta chính là khả năng tưởng tượng”. Jules Verne đã rất thành công trong việc phác họa một thế giới dưới lòng đất vô cùng phong phú, màu sắc, cùng những tình tiết li kỳ, hấp dẫn, cuốn hút người đọc. Nhưng nếu nhìn từ góc độ khoa học, câu chuyện này không có giá trị tuổi thọ cao như những tác phẩm khác của ông vì những ý tưởng của ông về lõi của Trái Đất đều dần đã được chứng minh là không chính xác.



Tác phẩm Hành trình vào tâm trái đất

Tuy vậy, điểm cộng cho tác phẩm này chính là niềm tin của Verne, được kể qua quan điểm của nhân vật chính rằng, lòng đất thật sự khác xa so với những gì các nhân vật dự đoán. Một điều độc đáo của tác phẩm này còn việc giáo dục cho độc giả bằng cách đưa ra vào những sinh vật đã tuyệt chủng vào đúng thời kỳ địa chất của chúng, ông đã cho người đọc hình dung về thế giới cổ đại từ kỷ băng hà cho đến thời kỳ khủng long.

Câu chuyện kể về một giáo sư người Đức tên Lidenbrock bắt đầu nghiên ngẫm về cuốn sách mà ông vừa mua, một cuốn biên niên sử của Snorri Sturluson viết về các nhà vua người Na Uy từng trị vì xứ Iceland vào thế kỷ 12, trong đó ông vô tình tìm thấy những ghi chú bằng ký tự cổ. Sau vài ngày giải mã, ông dịch được

đoạn ghi chú rằng hãy đi xuống miệng núi lửa Snæfellsjökull. Giáo sư Lidenbrock lập tức lên đường đến Iceland để khám phá miệng núi lửa này. Sau khi tiến sâu vào miệng núi lửa, đoàn thám hiểm gồm giáo sư Lidenbrock, cậu cháu trai của ông Axel, và người dẫn đường Hans đã gặp phải rất nhiều hiện tượng kỳ lạ và cả những nguy hiểm chết người.

Càng tiến sâu vào lòng đất, bọn họ lại được chứng kiến những thứ chưa bao giờ xuất hiện trên mặt đất như một thảm thực vật vô cùng mới mẻ, hệ sinh thái của nhiều loại cây hóa thạch và những cây nấm khổng lồ, những loài khủng long đã bị tuyệt chủng.

Hành trình vào tâm Trái Đất còn mang đến những bài học nhân văn, sâu sắc, đó là dạy con người phải biết khát khao theo đuổi lý tưởng của mình như

cách mà Giáo sư Lidenbrock đã làm. Sự dũng cảm không chùn bước trước nguy hiểm của Axel và sự thật thà, biết giúp đỡ mọi người như Hans. Đây cũng là một tác phẩm thích hợp với lứa tuổi học sinh vì nó giúp kích thích sự tò mò, sáng tạo và khả năng viết truyện cho lứa tuổi nhỏ.

Hai vạn dặm dưới biển (Vingt mille lieues sous les mers: Tour du monde sous-marin)

Được xuất bản lần đầu từ tháng 3 năm 1869 đến tháng 6 năm 1870 trong tạp chí định kỳ Magasin d'Éducation et de Récréation. Phiên bản có tranh minh họa được xuất bản bởi Hetzel vào tháng 11 năm 1871 gồm 111 tranh minh họa của họa sĩ Alphonse de Neuville và Édouard Riou. Đây được xem là một trong những cuốn tiểu thuyết phiêu lưu

mạo hiểm xuất sắc nhất mọi thời đại và là một trong những sáng tác vĩ đại nhất của Verne. Bản mô tả và ghi chú con tàu “Nautilus”, con tàu mà các nhân vật chính dùng để khám phá dưới biển trong tác phẩm, được coi là đi trước thời đại, vì nó mang những đặc tính vô cùng chính xác của tàu ngầm hiện đại, trong khi thời kỳ cuốn sách được viết ra mới chỉ có những chiếc tàu ngầm rất sơ khai.



Tác phẩm Hai vạn dặm dưới biển

Ngoài ra tiêu đề của cuốn sách Hai vạn dặm, thật ra không phải là độ sâu 20.000 dặm như người đọc vẫn lầm tưởng, mà đó là khoảng cách mà tàu Nautilus đã di chuyển ở dưới biển. Độ sâu lớn nhất được đề cập trong cuốn sách là 4050 league (tương đương 16000km).

Câu chuyện bắt đầu vào năm 1866, tàu biển của một số quốc gia đã phát hiện ra những con quái vật biển bí ẩn. Chính phủ Hoa Kỳ khởi động một cuộc thám hiểm trên biển để tìm và tiêu diệt con quái vật đó. Giáo sư Pierre Aronnax, nhà sinh học biển, giáo sư viện bảo tàng Paris cùng người cộng sự Conseil và người thợ săn cá voi Ned Land đã có một cuộc hành trình bất đắc dĩ khi đột nhiên bị rơi vào con tàu Nautilus kỳ lạ, dưới sự chỉ huy của người thuyền trưởng bí ẩn Nemo.

Cuộc phiêu lưu vào chốn đại dương mênh mông bao la đã cho cả đoàn được chiêm ngưỡng những kỳ quan đã mất như lục địa Atlantis, tham gia vào những cuộc chiến đấu với những loại sinh vật biển to lớn, hung dữ trong truyền thuyết và cả những con tàu chiến hạm của con người. Sau tất cả chúng ta lại nhận ra, những loại sinh vật biển đáng sợ và kỳ lạ nhất hóa ra lại là chính con người.

Ở phần cuối chuyện, những cuộc giao tranh và thiệt hại lên con tàu đã thay đổi tính cách của Nemo, mọi người đã dần mất đi ý chí sinh tồn. Sau cùng, Ned Land, Conseil và Aronnax được những ngư dân trên bờ biển Na Uy giải cứu, còn số phận của Nautilus cùng thuyền trưởng Nemo vẫn sẽ mãi mãi là một bí ẩn ngoài đại dương.

Có thể nói rằng trí tưởng tượng của Jules Verne chính là kho báu cho cả nhân loại. Cũng có vài người nói rằng bản thân Jules Verne chính là một “nhà tiên tri”. Những tác phẩm của ông hiện lên trong mắt người đọc thật đẹp và đầy màu sắc, và nó mang đến cho độc giả những phút giây đắm chìm vào thế giới phiêu lưu li kỳ nhất.

Nguồn:

<https://jpf.edu.vn/blog/jules-verne-tac-gia-nguoi-phap-voi-nhung-cau-chuyen-khoa-hoc-gia-tuong>

**ĐÔI ĐIỀU VỀ DỊCH GIẢ
NGUYỄN QUÂN**
(1923 – 2011)

Mộng Bình Sơn là một nhà văn, dịch giả người Việt Nam. Trong sự nghiệp văn chương của mình, ông sử dụng nhiều bút danh như Phan Canh, Phan Cảnh Trung, Phan Hồng Trung, Hồng Trung, **Nguyễn Quân**, Phan Quân và tham gia trên các lĩnh vực sáng tác văn học nghệ thuật, phê bình, khảo cứu, biên soạn, sưu tầm, dịch thuật.

Dịch giả: Nguyễn Quân



Dịch giả Mộng Bình Sơn – Phan Canh
(hình chụp tháng 6 - 1993)

Tiểu sử:

Dịch giả Mộng Bình Sơn, tên thật là Phan Canh, sinh năm 1923 tại xóm Thọ

20.000 dặm dưới đáy biển (tập 1)

Sơn, Thôn Thọ Lộc, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Ông là con thứ 13 của một gia đình chức sắc thời Bảo Đại, học đến trung học, nhưng thi tú tài Tây không đậu, ảnh hưởng nhiều bởi nền Tây học, giao du và quan hệ với người Pháp nhiều nên ông rành tiếng Pháp hơn tiếng Hán.

Năm 1946, ông được theo học lớp đào tạo Tư Pháp tại Bồng Sơn, rồi được bổ vào làm thẩm phán tại Tòa án tỉnh Phú Yên (Chính phủ quốc gia miền nam Việt Nam – thời Bửu Lộc). Thời trẻ, ông còn có tài sử dụng Violon, họa chân dung và... rất đào hoa với nữ giới; chính vì thế mà cuộc đời ông luôn lao đao và chôn chân vì những người phụ nữ.

Có người nói rằng, từ khi vướng vào mối duyên với “Nhị Kiều” năm 1967, cuộc đời ông quanh quẩn trong nhà, và

chỉ có sáng tác và sáng tác, mọi mối quan hệ bên ngoài hầu như ngưng trệ. Nhất là thời điểm sau năm 1975, đến nỗi nhiều tác phẩm của ông bị đổi tên, thay tác giả, xuất bản lậu ông cũng không hề biết, thậm chí không quan tâm.

Ông tạ thế vào tháng 5 năm 2011, thọ 89 tuổi.

Tác phẩm:

Là một nhà văn, dịch giả nổi tiếng, trong sự nghiệp văn chương của mình, ông tham gia hầu hết các lĩnh vực sáng tác văn học nghệ thuật, phê bình, khảo cứu, biên soạn, sưu tầm, dịch thuật... Đặc biệt, ông được coi là người tiên phong khai sinh ra tiểu thuyết kiếm hiệp Việt Nam.

Dịch thuật:

Ông nổi tiếng với các bản dịch tiểu thuyết lịch sử Trung Hoa, tiểu thuyết phiêu lưu Pháp như:

1. Hán Sở Tranh Hùng (tên Hán Việt là «Tây Hán Chí») (48 hồi) – Nhà xuất bản Trẻ TP Hồ Chí Minh (năm 1989)

2. Tái Sanh Duyên (còn gọi là «Sự tích Mạnh Lệ Quân») (74 hồi)

3. Thuyết Đường (27 hồi)

4. Vạn Huê Lầu Diễn Nghĩa (47 hồi) – Nhà xuất bản Văn học (năm 2000)

5. Nhạc Phi Diễn Nghĩa

6. Xuân Thu Chiến Quốc

7. Diệp Gia Kiếm

8. Phong Thần Diễn Nghĩa (bộ 04

tập) – Nhà xuất bản Tổng hợp Kiên Giang (năm 1989)

9. Chung Vô Diệm

10. Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa

Phê bình, khảo cứu:

1. Ôn Cổ Tri Tân – Những Tấm Gương Phản Chiếu Muôn Đời Trong Truyện Đông Châu Liệt Quốc

2. Từ điển Danh Ngôn (Với Hơn 10.000 Câu Danh Ngôn Của Các Danh Nhân Từ Cổ Chí Kim)

3. Tìm hiểu Phong Thổ Học Qua Quan Niệm Triết Đông (Văn Hóa Phương Đông)

4. Điển tích chọn lọc, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1989: Sách viết về các điển tích Trung Quốc

mà tập trung vào các điển tích thời Tam Quốc dựa vào tác phẩm Tam Quốc diễn nghĩa

Nguồn:

https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%99ng_B%C3%ACn-h_S%C6%A1n

https://m.facebook.com/nclspage/posts/4010902585640313/?comment_id=4022666264463945

LỜI NÓI ĐẦU

Thưa các bạn,

Sống giữa thời đại nguyên tử, máy bay, hỏa tiễn kêu rít trong không trung, vệ tinh đang quay tít trên thượng tầng không khí. Tàu ngầm ngày đêm rẽ nước các đại dương, tôi tưởng giới thiệu với các bạn một bộ tiểu thuyết khoa học này cũng không phải là vô bổ.

Ngược lại dòng thời gian, ở vào cuối thế kỷ 19, thời kỳ mà loài người mới tự hào công trình khoa học vừa đạt được kết quả vượt trên những ngọn sóng trùng

dương bằng những chiếc tàu chạy hơi nước có bánh xe chân vịt, thế mà nhà văn hào Jules Verne (1828-1905) đã tưởng tượng ra một chiếc tàu lặn Nautilus có thể chạy dưới đáy biển sâu 20.000 dặm bằng điện lực.

Vì lẽ ấy, chúng tôi xin giới thiệu bạn quyển **20.000 dặm dưới đáy biển**.

Điều đặc biệt, không phải Jules Verne tưởng tượng theo lối thần thoại mà dẫn giải theo khoa học, cụ thể:

Óc tưởng tượng của Jules Verne, căn cứ vào Khoa học nên phần nhiều sự tưởng tượng ấy đã thành thực tế: loài người đã làm được được tàu lặn chạy dưới bề sâu, và đến bây giờ nhắc đến chiếc tàu “tưởng tượng Nautilus” của Jules Verne ai cũng cúi đầu khâm phục...

Tuy nhiên con tàu “tưởng tượng Nautilus” của Jules Verne trong quyển **20.000 dặm dưới đáy biển** đã làm cho thế giới hồi đó chấn động như thế nào, và còn biết bao nhiêu những cái huyền bí dưới đáy biển theo óc tưởng tượng của Jules Verne mà khoa học ngày nay chưa tìm thấy, khiến cho các bạn đọc quyển **20.000 dặm dưới đáy biển** thấy say sưa hứng thú lạ thường.

Cốt chuyện này người ta đã đem quay thành phim, chiếu khắp thế giới, đâu đâu cũng hoan nghinh nhiệt liệt.

Đọc **20.000 dặm dưới đáy biển**, chúng ta cảm thấy hòa mình trong khoa học, hợp với tình cảm thực tại, thiết tưởng cũng có đôi phần bổ ích.

Trong quyển **20.000 dặm dưới đáy biển**, tác giả đã vận dụng rất nhiều danh từ khoa học để giảng giải. Những danh từ

đó lúc phiên dịch tôi cố tình giản dị hóa cốt làm cho các bạn dễ hiểu, nếu có sự khiếm khuyết mong các bạn vui lòng bỏ qua cho.

Saigon, ngày 10-12-1961

Dịch giả

PHẦN THỨ NHẤT

CHƯƠNG 1 MỘT PHIÊU VẬT

Năm 1866 đánh dấu một biến cố lạ lùng, một quái tượng khó hiểu, và cũng không thể nào hiểu nổi, khiến mọi người khó mà quên được.

Không cần nói đến những nguồn dư luận làm xôn xao dân chúng khắp các hải cảng, làm hoang mang trong óc mọi người dân sống giữa lục địa, đáng kể nhất là những người sống về nghề biển, ai nấy đều nơm nớp lo sợ.

Các nhà doanh thương, các vị chủ tàu, các viên thuyền trưởng từ Âu sang Mỹ, các sĩ quan hàng hải khắp xứ, và, ngoài họ ra, còn có các viên Tổng Trưởng nơi các miền đặc biệt trên hai lục địa ấy, đều bận tâm đến câu chuyện quái quái này.

Thật vậy, từ mấy lúc nay, nhiều tàu bè đã gặp trên mặt biển ruột vật gì to tướng, dài thườn thượt, không rõ nổi hình trạng có lúc lại chói ngời như lân tinh trong một vùng rộng lớn, và lù lù như một con cá voi khổng lồ vậy.

Qua các tin tức vụn vặt, ghi nhận được ở các tàu bè, người ta xác định rằng quái tượng ấy phải là một vật, hay một con vật gì, có một sức lạnh lẽ phi thường, một sức mạnh không thể tưởng tượng, và sống một cuộc sống hùng cứ riêng biệt.

Nếu đó là một con cá voi, thì con cá voi này to lớn bội phần, mà khoa học chưa từng thấy. Cả đến ông Cuvier (Cuvier), ông Lã-Si-Bích (Lacépède) ông Dũ-Mai-Liên (Duméril) ông Quách-Phả (Quatrefages) cũng thế, mặc dầu họ chưa trông thấy tường tận trước cặp mắt khoa học của họ, họ vẫn cho đó là một hiện tượng kỳ lạ.

Lần lần góp nhặt các nguồn dư luận, những kẻ có tánh sợ sệt, phỏng định vật ấy có một chiều dài chừng lối hai trăm bước [Pied: một đơn vị chiều dài 0m,328.]: ngược lại, những kẻ có tánh đại ngôn, cho rằng vật phi thường ấy lớn lên một ngàn dặm, và chiều dài gấp ba lần hơn. Thực là, con vật quái gở ấy đã to hơn sự ước đoán của các nhà ngư loại học lúc bấy giờ.

Thế mà nó lại xuất hiện. Hiện tại trước mắt không một ai có thể chối cãi

được. Người ta biết con vật kỳ lạ ấy sẽ làm chấn động dư luận hoàn cầu, và các giải pháp ước đoán lần lần sẽ vô hiệu.

Quả vậy, ngày 20 tháng bảy, năm 1864, con tàu Hỷ-Lý-Sơn (Govener Higginson) của hội thương thuyền Calcutta - Ấn Độ và Bu-Nec (Burnach) đã gặp cái khối khổng lồ biết cử động ấy cách phía đông bờ biển Úc-châu chừng năm hải lý. Ban đầu, thuyền trưởng Ba-Kê (Baker) tưởng đó là một khối đá ngầm, nhưng khi thấy vật phi thường ấy có hai vòi nước rất lớn phụ lên cao chừng một trăm rưỡi bước, phát ra tiếng kêu vun vút, thì ông ta không còn phân định được vật gì nữa cả.

Nếu đó là tảng đá ngầm thì ít ra tảng đá ấy cũng phải bị phát sinh bởi một suối nóng phụt ra, viên thuyền trưởng tàu Hỷ-Lý-Sơn cho đó hẳn là một con vật chúa

tể của loài có vú, xưa nay chưa từng thấy phun ra ở các lỗ hơi thở bằng những vòi nước trộn trong không khí.

Cũng trong năm ấy, vào ngày 23 tháng bảy, trên mặt Thái bình dương, con tàu Kích-Sơn-Long (Cristobal Colon) của hãng thương thuyền miền Tây Ấn Độ và Thái Bình dương, cũng thấy một hiện tượng y hệt như thế.

Như vậy, tức là con thủy quái kia có thể di dịch từ nơi này sang nơi khác với một tốc độ phi thường: bởi vì, chỉ cách nhau trong ba ngày, mà hai chiếc tàu Hỷ-Lý-Sơn và Kích-Sơn-Long cùng trông thấy nó ở hai cứ điểm cách nhau hơn bảy trăm hải lý.

Mười lăm hôm sau, cách nơi đó chừng hai ngàn dặm, con tàu Hăng-Vi-Ta (l'Helvetia) của hãng Quốc Doanh (la

Compagnie Nationale) và con tàu Sa-Nông (le Shannon) của Hoàng Gia Mai (Royal Mail), cùng chạy ngược vào bờ trong vùng Đại Tây dương giữa khoảng hai dãy đất liền Hiệp Chúng Quốc và Âu Châu đều trông thấy rõ con quái vật ấy cách $42^{\circ} 15'$ vĩ bắc và $60^{\circ} 35'$ về phía tây kinh tuyến Greenwich.

Với sự gặp gỡ cùng một lúc ấy, người ta ước lượng con vật có vú này ít ra cũng có một chiều dài hơn ba trăm năm mươi bước Anh [khoảng 106 mét. Một foot (feet) = 30,48 cm.] vì rằng hai chiếc tàu Sa-Nông và Hăng-Vi-Ta mặc dầu có một chiều dài trăm thước, nhưng vẫn còn thua kém.

Ồ! Những con cá voi khổng lồ thường xuất hiện nơi vùng lân cận các đảo Lê-Uu-Tiên (Aléoutienne), Cú-Lăng-Mác (Kulammak), Ung-Gai-Liên (Ungul-

lick) chưa bao giờ dài quá năm mươi sáu thước kia mà!

Những lời đồn đãi và những tin tức nhận xét gởi về tới tấp. Đặc biệt là lời phúc trình của những viên sĩ quan trong bộ tham mưu thủy chiến Pháp tại vùng Nọt-Măng-Đi (Normandie), trên con tàu Lục-Lý (Lord-Clyde) làm chấn động cả dư luận.

Trong những tiểu quốc, người ta rất thích thú: trái lại, những cường quốc kỹ nghệ như Anh, Mỹ, Đức lúc bấy giờ họ rất lo lắng.

Khắp lục địa, câu chuyện con “thủy quái” kia được đưa lên làm đề tài mới mẻ nhất.

Người ta tán dương nó trong các quán cà phê! Người ta nhạo báng nó trên

các báo chí! Người ta diễn hình nó trong các rạp hát để làm trò vui! Thật là một cơ hội tốt để cho những “con vịt” có cơ hội đẻ trứng đủ màu.

Người ta thấy rải rác xuất hiện trên các báo – bằng cách bắt chước vẽ lại – những con vật cực kỳ to tướng, đủ hình dáng theo lối tưởng tượng. Thậm chí đến nỗi người ta đồn rằng con vật không lồ ấy có thể dùng hai cái vòi quật một con tàu chở hàng trăm tấn, đem vùi sâu xuống đáy biển.

Chỉ một vấn đề “con quái vật” các học giả trong giới khoa học và trí thức chia làm nhiều phe chống đối nhau.

Các ký giả thuộc giới khoa học tranh luận ráo riết với các ký giả thuộc giới trí thức. Họ đổ ra rất nhiều mực, và sôi nổi, quyết liệt hơn nữa, có một đôi người đi

đến chỗ đổ máu để bảo vệ lập trường của mình.

Sáu tháng trời trôi qua, các cuộc tranh luận gắt gao và thay đổi đủ mọi chiều hướng,

Qua các bài bình luận của Địa-lý Học-viện xứ Ba-tây, của Học viện khoa học Hoàng gia Bá-linh, của hội thương thuyền Anh-quốc, của viện khảo cứu Hoa-thịnh-đốn, và các loạt bài trên những tờ báo lớn ở nước Pháp và ngoại quốc người ta thấy họ đả kích nhau rất kịch liệt. Những ngòi bút siêu hình đã lớn tiếng kết thúc bằng một câu: “Vũ trụ không tạo ra những cái điên rồ”. Cuối cùng, một tờ báo trào phúng, được mọi người ưa chuộng nhất, góp nhặt mọi lời tranh luận đó, coi như là một hiện tượng quái gở, đưa ra làm một trò cười cho đại

đa số độc giả. Thế là phe trí thức đã thắng phe khoa học.

Vào những tháng đầu năm 1867, câu chuyện quái tượng hình như lần lần bị lu mờ: vì thực ra mặc dầu là câu chuyện quan hệ, song không ai còn một lý luận nào để ỨC ĐOÁN NỮA. Quái tượng kia trở thành một hòn đảo, rồi một khối đá, rồi một tảng đá ngầm, mà là tảng đá ngầm biết di chuyển, rồi gì... gì... nữa đủ thú, không ai còn nhớ nổi.

Vào ngày 5 tháng ba năm 1867, chiếc tàu Mô-Ra-Văng (Moravian) của công ty hàng hải Mông Trang (Montreal Ocean Copany) đang vượt bể trong đêm tối ở vĩ độ 27° 30', và kinh độ 72° 15', bỗng chạm phải một khối khổng lồ cứng như đá, ở dưới trôn tàu, mà đoạn đường ấy trong các bản đồ hàng hải không thấy có ghi

một trở ngại nào cả. Lạ lùng làm sao! Trong lúc ấy con tàu Mô-Ra-Văng vẫn lướt sóng với tốc độ bốn trăm mã lực, và chở hai trăm ba mươi bảy hành khách trên đường sang Gia-nã-đại (Canada).

Tai nạn xảy ra vào lối năm giờ sáng, giữa lúc ánh bình minh bắt đầu lờ mờ trên mặt biển.

Các sĩ quan đương trực trên tàu vội vã chen nhau ra phía sau để nhìn lại mặt biển. Họ nhìn ngấm rất kỹ, nhưng không trông thấy gì cả. Trên mặt biển chỉ thấy gợn lên một vùng rộng lớn như một dòng nước xoáy, rồi từ từ phẳng lặng như thường, và con tàu Mô-Ra-Văng vẫn tiếp tục cuộc hành trình, không thấy bị hư hỏng gì rõ rệt cả.

Như thế thì con tàu Mô-Ra-Văng đã chạm phải một tảng đá ngầm, hay một

xác tàu hư nào bị đắm? Không một ai biết cả.

Lúc về đến bến, người ta kiểm soát lại mới hay lườn tàu bị bể ra một lỗ khá lớn.

Tuy câu chuyện khá quan trọng thực, song người ta cũng sẽ quên đi như bao nhiêu câu chuyện trước, nếu cách đó ba tuần, con tàu Mô-Ra-Văng không bị một vỡ tương tự như thế nữa.

Chính nhờ ở các chuyến đi của con tàu Mô-Ra-Văng đem về những tin tức đột ngột, khiến cho nguồn dư luận trở lại sôi trào.

Hồi đó, ai cũng biết tiếng ông Cự-Năng (Cunard), một vị chủ tàu người Anh-cát-lợi. Ông ta là một kỹ nghệ gia rất thông thái. Vào năm 1840, ông ta lập

lên một trạm thư giữa vùng Lý-Vạn-Bôn (Liverpool) và Hạ-Li-Phát (Halifax). Với ba con tàu bằng gỗ, chạy bằng bánh xe, sức kéo bốn trăm ngựa, và trọng tải một ngàn một trăm sáu mươi hai tấn.

Tám năm sau, hội thương thuyền của ông ta tăng thêm bốn con tàu nữa, với sức kéo sáu trăm năm mươi ngựa, và trọng tải một ngàn tám trăm hai mươi tấn. Và, cách đó hai năm sau, hai con tàu nữa được đóng thêm, với sức kéo và trọng tải gấp bội. Với đà tiến triển ấy, vào năm 1867, hãng thương thuyền của ông Cự-Năng có đến mười hai chiếc tàu: tám chiếc chạy bằng bánh xe và bốn chiếc chạy bằng chong chóng. Sở dĩ tôi cần nói rõ những chi tiết là để các bạn thấy rõ tầm quan trọng của hội thương thuyền này trên phương diện hàng hải.

Không có một hội doanh thương hàng hải nào được tổ chức khéo léo như vậy. Không có một công việc nào của hội bị bê tha, ứ đọng.

Hai mươi sáu năm qua, những con tàu của hãng Cự-Năng đã vượt hơn hai ngàn lần trên mặt Đại-Tây-dương, và không có một chuyến đi nào khiếm khuyết, không có một hành khách hoặc một bao thư nào bị trễ nải, hoặc một kiện hàng nào bị mất. Do đó, hành khách làm sao không kén chọn các con tàu của hãng Cự-Năng, mặc dầu lúc ấy có sự cạnh tranh ráo riết của người Pháp.

Và, cũng vì thế mà không một ai khỏi ngạc nhiên khi nghe trong những con tàu tốt nhất của hãng Cự-Năng bị ngộ nạn.

Vào ngày 13 tháng tư năm 1967 mặt

biển phẳng lặng như tờ, gió mùa man mác thổi, con tàu Cô-Ta (Scotia) hãng Cự-Năng đang vượt bể vào vĩ độ 15° 12' và kinh độ 45° 37', với tốc độ mười ba gút bốn mươi ba, của sức mạnh một ngàn mã lực, bánh xe quay nước đều, bỗng vào khoảng bốn giờ chiều, lúc hành khách đang tụ họp ăn trưa trong phòng tàu, thì một tiếng động phớt qua dưới lườn tàu: gần nơi bánh xe sau. Hành khách không cảm thấy gì đáng sợ lắm, vì con tàu chở nhẹ, tiếng động lại không gắt lắm. Tuy nhiên, những người gác tàu từ trên sân tàu hoảng hốt la rối rít:

– Chúng ta bị đắm rồi! Chúng ta bị đắm rồi!

Hành khách nghe la đều khiếp vía. Viên thuyền trưởng An-Đệ-Sơn (Anderson) vội vã chạy đến trấn tĩnh mọi người:

– Không sao cả, nếu có tai nạn thì tai nạn này không phải cấp thiết lắm.

Thật thế, con tàu Cô-Ta bảy ngăn, dầu bị thủng, nước cũng khó mà vào được mau.

Thuyền trưởng An-Đệ-Sơn vội vã ra lệnh cho tàu dừng lại và phái một thủy lặn xuống để xem sự thiệt hại vừa rồi.

Một lúc sau, người thủy thủ trở lên tàu cho biết sườn tàu bị thủng một lỗ chừng hai thước. Nhưng may thay, lỗ thủng chỉ sâu độ năm tấc, và vậy con tàu chưa đến nỗi nguy hiểm lắm.

Thuyền trưởng ngơ ngác, không rõ vật gì đã đâm vào con tàu Cô-Ta một cách nhẹ nhàng và thiệt hại nặng đến thế, đành cho lệnh con tàu bệnh hoạn của ông tiếp tục cuộc hành trình.

Sau ba ngày trễ nải, con tàu Cô-Ta mới lần mở đến Lý-Vạn-Bôn, và cập vào bến.

Các nhà kỹ sư hay tin vội vã đến xem, ai nấy đều sững sờ nhìn vết thương đen ngòm của con tàu Cô-Ta sờ sờ trước mắt lẫn với những cái gì hoài nghi, khó hiểu.

Và, cũng từ ngày hôm đó, mặt biển hình như bị bao trùm cả một bầu tang tóc, vì con quái vật ấy là đầu đề của tất cả mọi cuộc đắm tàu kinh khủng.

Hơn ba ngàn tàu máy và tàu buồm lưu thông trên mặt biển cứ lần hồi biến mất, cả người lẫn tài sản, mà viện thống kê đã ghi nhận hơn hai trăm chiếc. Ô! chỉ tại con “Thủy quái” kia! Dù đúng dù không chính sự xuất hiện của nó đã làm cho các cuộc giao thông liên lục địa trở nên bội phần nguy hiểm.

Dân chúng phần uất, và đòi hỏi, dù với giá nào, nhứt quyết phải trừ cho được con “thủy quái” ấy.

* * *

CHƯƠNG 2

ĐIỀU HƠN, LỄ THIỆT

Thời kỳ xảy ra biến cố này, tôi sống ở Nê-bá-ca (Nebraska) một vùng hẻo lánh nơi Hiệp Chúng Quốc. Vì, sau khi qua khỏi chức vụ Giáo sư phụ khuyết ở viện Bác-vật Bá-lê, Chánh phủ Pháp đưa tôi sang đó để nghiên cứu về khoa vạn vật.

Qua sáu tháng, tôi rời khỏi Nê-bá-ca, mang những tài liệu sưu tầm của tôi

đến Nữu Ước để chờ ngày trở về nước. Lúc đó vào khoảng tháng ba, và cuộc hồi hương của tôi quyết định vào ngày một tháng năm.

Trong lúc chờ đợi, tôi đang thu xếp tài sản của tôi: khoáng vật, thực vật, động vật, thì cái tin tàu Cô-Ta của hãng Cự-Năng ngộ nạn.

Hằng ngày tôi vẫn nhận được tin tức trong câu chuyện này. Nhưng biết phải làm sao? Cũng như mọi người khác, tôi đọc đi, đọc lại rất kỹ các báo Pháp, báo Mỹ, và rồi cũng đành chịu, không có một giải pháp nào hơn. Màn bí hiểm bao trùm cả sự băn khoăn, lo lắng của lòng tôi, không có cách nào thoát ra được.

Cố tìm ra một ước đoán, thì mọi ước đoán của tôi, cuối cùng tôi tự thấy đều nằm trong nghi hoặc. Lúc tôi bước chân

đến Nữ-ước, luồng dư luận lang sôi nổi, vì vết thương của con tàu Cô-Ta vừa rồi đã đánh bật cả mọi dư luận lúc bấy giờ. Giả thuyết “hòn cù lao nổi”, “tảng đá ngầm”, “sườn tàu bê” đều liệt vào hạng phi lý.

Thật vậy, nếu đó là một “hòn cù lao nổi”, hay một “tảng đá ngầm” thì ít ra trong ruột hai vật ấy cũng phải có một bộ máy tinh vi mới có thể di chuyển bằng một tốc độ mau lẹ như vậy được.

Cũng như, nếu cho đó là một sườn tàu bị đắm thì làm sao lại có thể xuất hiện từ nơi này sang nơi khác trong chớp mắt như vậy được?

Chỉ còn có hai giả thuyết của hai phái trí thức được mọi người chú ý: Một đảng cho đó là một con thủy quái khổng lồ, có một sức mạnh phi thường. Một đảng

cho đó là một chiếc tàu ngầm, có một bộ máy tinh vi.

Trong hai giả thuyết đó, giả thuyết thứ hai được mọi người theo dõi nhiều nhất, nhất là các cường quốc ở hai lục địa Âu Mỹ. Tuy nhiên, người ta vẫn thắc mắc. Một công trình kỹ nghệ như thế làm sao có thể thực hiện một cách hoàn toàn kín đáo được? Hơn nữa, giữa lúc các cường quốc đang tranh nhau phát triển kỹ nghệ chiến tranh thì công trình kỹ nghệ nằm trong tay Chính phủ, và dưới tầm mắt dòm ngó của ngoại bang, giấu nhem một công trình như thế đối với tư nhân là một điều không thể có, mà đối với Chính phủ cũng không thể được.

Vì vậy, sau cuộc điều tra, dò dẫm ở các nước Anh, Pháp, Nga, Đức, Tây-ban-nha, Ý-đại-lợi, Mỹ-châu và cả Thổ-nhĩ-kỳ nữa, thì giả thuyết “tàu ngầm” tự

nhiên không còn được chú trọng nữa.

Con thủy quái kia lại trở về với báo chí, làm trò cười trước quần chúng, làm đề tài cho các cuộc châm biếm với thiên hình vạn trạng theo lối tưởng tượng.

Vừa bước chân đến Nữu-ước, tôi được nhiều chính khách đến phỏng vấn qua vấn đề con thủy quái. Trước sự bí hiểm nan giải ấy lẽ ra tôi có thể từ chối, không trả lời. Nhưng khổ thay, hồi tôi còn ở Pháp, tôi có viết ra cuốn sách nhan đề là “Những bí hiểm dưới đáy biển”. Quyển sách này rất được giới độc giả trí thức tán thưởng, mặc dầu quyển sách tôi có những phần đi quá xa về môn vạn vật học. Vì vậy, trước câu chuyện này, tôi thực khó mà im hơi, lặng tiếng. Hơn nữa, viên giáo sư ở Viện Bác-học Ba-lê lại gửi thư đến Nữu ước bảo tôi cho biết ý kiến, thành thử, tôi phải tuân lời.

Tôi bày tỏ lý do mà tôi chưa lên tiếng. Tôi kích bác tất cả mọi ước đoán về chính trị và khoa học, để cuối cùng tôi kết luận như sau, qua số báo ngày 20 tháng tư trong năm ấy:

“Sau khi nghiên cứu các giả thuyết và mọi lời tranh luận, tôi thấy điều đáng để ý là sức mạnh phi thường của con “thủy-quái”.

Bề sâu của trùng dương chúng ta hoàn toàn không biết được, và cũng chưa có cách gì để tìm hiểu nổi. Như thế thì trong cái bề sâu thăm thẳm này có những gì? Có một con vật nào có thể sống dưới mặt biển với bề sâu mười lăm dặm không? Nếu có thì cơ quan sinh thực của giống vật ấy như thế nào? Đó là điều mà chúng ta khó có thể ước đoán được.

Đặt những câu hỏi trên, tôi hy vọng góp phần làm sáng tỏ các giả thuyết đã có.

Thử hỏi chúng ta đã có thể biết được mọi sinh vật xa lạ sống trên tinh cầu chưa?

Nếu chúng ta chưa biết tất cả, nếu vũ trụ còn có nhiều cái huyền bí trong phạm vi ngư loại học thì không còn có một ước đoán nào khác hơn là nhìn nhận con “thủy quái” đó hẳn là một giống cá, một giống cá voi, hay một giống đặc biệt sống ngoài tầm dò xét của khoa học, và do một trường hợp nào đó nó nổi lên trên mặt biển.

Ngược lại, nếu chúng ta tự cho là chúng ta đã biết tất cả mọi sinh vật trong vũ trụ, thì chúng ta cũng nên xác định con “thủy quái” ấy thuộc về loại thủy vật

nào trong bảng phân loại của chúng ta.

Trong trường hợp này, tôi xin chứng minh một loại cá như loại Độc-giác-ngư chẳng hạn.

Loại Độc-giác-ngư thường, có một chiều dài sáu chục bước, nếu là loại cá đặc biệt thì chúng ta thử gấp bội hình vóc và sức mạnh của nó lên, chúng ta sẽ tìm thấy con vật mà chúng ta đang muốn tìm thấy. Con Độc-giác-ngư có chiều dài tương đương với chiếc tàu Sa-Nông thì hẳn nó phải có một sức mạnh đâm thủng vỏ tàu được.

Thực thế, con Độc-giác-ngư có một cái sừng bằng ngà bén như lưỡi kiếm, dùng làm khí-giới tự vệ. Cái sừng ấy cứng hơn thép.

Thỉnh thoảng người ta tìm thấy

nó dính trong mình những con cá voi. Điều đó chứng tỏ rằng loại Độc-giác-ngư chiến thắng rất tài. Và lại, trước đây người ta cũng thường nhặt loại sừng ấy dưới lườn tàu, vướng vào đó như một cái khoan dùi vào một chiếc thùng tôn vậy. Tại y-khoa bảo tàng viện Ba-lê hiện nay cũng có giữ một chiếc sừng của loại cá ấy, bề dài hai thước hai mươi lăm phân, và gốc sừng to đến bốn mươi tám phân.

Vậy thì, chúng ta thử tưởng tượng chiếc sừng ấy to gấp mười lần, và con vật ấy lớn hơn mười lần, với sức bơi lội tốc độ ngàn dặm một giờ thì hẳn những tai nạn chúng ta vừa vấp phải từ bấy lâu nay không phải là chuyện không thể có.

Căn cứ theo những tài liệu đã thu thập được, riêng tôi, tôi cho đó là một loại Độc-giác-ngư, mà là loại Độc-giác

ngư khổng lồ, có một thứ mũi nhọn sắc bén như những chiếc ngư lôi, và một sức mạnh ngoài sức tưởng tượng.

Tuy nhiên, cắt nghĩa một hiện tượng mơ hồ, không đủ những bằng cứ xác đáng, thì đó cũng chỉ là một ước đoán mà thôi.”

Câu cuối cùng chứng tỏ lý luận tôi rất yếu đuối. Song đó là sự dè dặt, tôi muốn bảo vệ lấy thanh danh của tôi nên cố chừa một lối thoát, sợ người ta chê cười, nhất là người Mỹ, khi họ đã cười thì họ cười rất độc.

Mặc dầu vậy, bài báo của tôi đưa lại một tiếng vang khá lớn. Sau một thời gian tranh luận sôi nổi, một số đông học giả đứng về phe tôi để ủng hộ. Và lại, bài báo của tôi mở rộng đường để cho mọi

người được tự do suy luận, do đó người ta rất thích thú.

Thói thường, bộ óc loài người thích những cái gì vĩ đại, siêu phàm, mà mặt biển là nơi duy nhất, có thể chứa đựng bao nhiêu điều bí hiểm, lạ lùng, những con vật khổng lồ có thể nảy nở và phát sanh nơi đó lắm. Trong cái khối nước bất tận ấy chúng ta đã trông thấy những con vật có vú to tướng, biết đâu nó lại còn có những con ốc khổng lồ, những con tôm trông thấy rợn người, những con tôm hùm dài trăm thước, hoặc những con cua cân nặng hàng trăm tấn. Tại sao lại không? Hồi xưa, thời tạo thiên lập địa, trên mặt đất cũng có những con thú khổng lồ như loài bốn tay, loài bốn chân, loài rắn, loài chim, vũ trụ đã tạo ra những con vật to tướng đó, nhưng lần lần bị tiêu diệt bởi thời gian, thế thì tại

sao nơi biển cả, trong cái bể sâu bất tận kia, ngàn đời không thay đổi, lại không giữ được những con vật nguyên tướng ấy? Tại sao nó lại không giữ được những con vật khổng lồ trong lúc nó vẫn tồn tại mãi với thời gian?

Tôi mãi mê với ý nghĩ đó. Và, đối với dư luận, cũng không ai chối cãi rằng không phải một con vật khổng lồ xuất hiện trên mặt biển. Có điều là kẻ thì cho đó là một bài toán, cần phải dùng khoa học để giải quyết, có kẻ lại đề nghị tìm con vật ấy giết phăng đi để củng cố lối giao thông trên mặt biển.

Các báo kỹ nghệ và thương mại nêu vấn đề này lên trang nhất, và đồng lòng treo giải thưởng cho kẻ nào dám thám hiểm, trừ được con thủy quái kia.

Dư luận sôi trào. Các nước đua nhau

trù tính việc mạo hiểm. Hiệp-Chủng-Quốc lên tiếng trước tiên, Tại Nữu-ước, người ta sắm sửa hành trang cần thiết để thực hiện việc theo đuổi con Độc-giác-ngư. Chiếc tàu Lanh-Công (L'Abraham Lincoln), một chiến hạm ngư lôi, có một tốc độ siêu vời, được trang bị sẵn sàng. Các xưởng đóng tàu mở rộng để cho vị chỉ huy Phan-Úc (Farragut) được tự do lựa chọn những vũ khí cần thiết cho chiếc ngư lôi.

Nhưng, lạ lùng làm sao! Trong lúc mọi người đang xôn xao lo việc truy tìm con thủy quái, thì con thủy quái không thấy xuất hiện nữa. Trong hai tháng trời không nghe một ai nhắc đến, và cũng không có một chiếc tàu nào gặp nó nữa. Hình như con Độc-giác-ngư là một linh vật, biết trước được mọi dự tính của loài người vậy.

Thật là một dịp tốt để cho những kẻ khô hài có cơ hội trở tài trào phúng.

Mọi người bàn tán xôn xao, trong lúc ấy thì chiếc ngư lôi Lanh-Công sẵn sàng chờ cuộc viễn du, không biết hướng nào để xuất phát. Lòng người nóng như lửa đốt.

Bỗng, vào ngày 2 tháng bảy, người ta nghe tin đồn chiếc tàu Tam-Bích (Tampico) chạy trên đường Phăng-xi-cô — Sang-gai, trước đó ba tuần, có thấy con thủy quái xuất hiện nơi phía bắc Thái-bình-dương.

Tin này làm cho mọi người hồi hộp và sôi nổi. Người ta không chấp thuận lệnh hoãn lại hai mươi bốn tiếng đồng hồ của vị chỉ huy Phan-Úc. Lương thực đã đem xuống tàu đầy đủ. Than củi ở hầm

tàu đã đầy nhóc. Đoàn thủy thủ không một ai vắng mặt. Chỉ còn có đống lửa lên là con tàu Lanh-Công rời bến. Người ta nhất thiết không chịu để trễ nửa ngày. Vả lại, viên chỉ huy Phan-Úc cũng đã sẵn sàng cất bước kia mà!

Ba giờ trước khi con tàu Lanh Công nhổ neo, tôi nhận được bức thư viết như sau:

Ông LONG-ĐẮC (Aronnax)

Giáo-sư viện Bác-vật Ba-lê

Số 5, đường Khách Sạn

NỮU ƯỚC

Thưa ông,

Nếu ông muốn dự cuộc thám hiểm trên con tàu Lanh-Công, thì chánh phủ

Mỹ sẽ vui vẻ tiếp ông như một đại diện của nước Pháp trong việc gian nan này.

Thân ái

HỒ SƠN (Hobson)

Thư ký hàng hải

CHƯƠNG 3

XIN TÙY Ý ÔNG

Ba giây đồng hồ trước khi nhận được bức thư của Hồ-Sơn, tôi không có ý định vượt miền Tây-Bắc để theo đuổi con Độc-giác-ngư. Nhưng, ba giây đồng hồ, sau khi nhận được bức thư của thư ký hàng hải tôi tự thấy mục đích duy nhất của đời tôi là phải thi hành sứ mệnh thiêng liêng, theo đuổi con thủy quái, để trừ một tai họa cho nhân quần xã hội.

Mặc dầu, vừa trải qua một cuộc hành trình gian nan, khổ sở, chưa được nghỉ ngơi, mặc dầu đang ước ao được trở về xứ sở, thăm viếng quê hương, bè bạn nhà cửa và vườn cây yêu dấu của tôi, song những cái đó không làm cho tôi do dự. Nhiệm vụ đã bảo tôi quên tất cả, và nhận nhả ý của chính phủ Mỹ một cách sốt sắng.

Vả lại, tôi tự nghĩ, trên con đường theo đuổi con Độc-giác-ngư biết đâu tôi sẽ có dịp đến gần bờ biển nước Pháp, biết đâu con Độc-giác-ngư sẽ bị hạ nơi bờ biển Âu châu: và theo nguyện vọng của tôi, tôi không muốn đem về cho Viện Bác-Vật một chiếc sừng không quá nửa thước.

Tuy nhiên, trong lúc nuôi hy vọng được dịp tốt trên mặt biển Âu châu, thì hiện nay tôi phải khởi hành qua miền

bắc Thái-bình-dương để tìm con thủy quái, con đường này đối với việc trở về nước Pháp thực là cách biệt.

Thấy lòng rạo rức, tôi cất tiếng gọi:

– Anh Côn-Sơn!

Côn-Sơn là người đầy tớ của tôi, một chàng trai rất trung thành và tận tụy, đã từng theo tôi trong các cuộc viễn du. Anh ta vốn người miền bắc nước Pháp, tánh trầm tĩnh, mực thước, ít nói, song rất lanh lẹ, khéo léo, đủ sức đảm đương mọi công việc khó khăn.

Được gán gửi trong công việc nghiên cứu. Thực vật học, anh ta cũng hiểu được đôi phần. Tôi rất hãnh diện nhờ tài khéo léo của anh ta sắp xếp các loại thực vật theo thứ bậc. Song sự hiểu biết của anh ta chỉ đến thể thôi, suốt đời cũng chỉ với

công việc sắp xếp. Tuy nhiên, anh ta rất tận tụy và trung hậu.

Đã mười năm, anh ta theo tôi dẫn thân trên con đường nghiên cứu khoa học, và chẳng bao giờ phàn nàn việc đường xa, cực nhọc. Từ Trung Hoa sang Công-gô, qua các miền núi non hẻo lánh, và cho đến nay, không một trở ngại nào có thể làm nản chí anh ta cả. Con người mạnh khỏe, bắp thịt nở nang, cứng rắn ấy, đã thắng tất cả các bệnh tật, bất kỳ nơi nào.

Năm nay anh ta được ba mươi tuổi, so với tôi thì anh ta trông có vẻ trẻ trung lắm. Duy chỉ có một điều hơi bực mình là anh ta chẳng bao giờ trở chuyện với ai cả,

Không thấy anh ta đến, tôi hấp tấp sửa soạn hành trang và gọi tiếp:

– Anh Côn-Sơn!

Tôi hiểu rõ lòng trung trực của Côn-Sơn lắm. Mọi chuyến đi chẳng bao giờ tôi hỏi ý kiến anh ta, nhưng lần này, theo dõi con thủy quái là một điều nguy hiểm, có thể bỏ mạng một cách dễ dàng, vì vậy cần phải để cho anh ta được tự do suy tính.

Tôi gọi tiếp:

– Anh Côn-Sơn!

Côn-Sơn chậm rãi bước vào phòng tôi, hỏi:

– Thưa, ông gọi tôi.

– Phải, anh ạ! Anh sửa soạn hành trang cho tôi và cả cho anh nữa. Chúng ta sắp khởi hành sau hai tiếng đồng hồ.

Côn-Sơn vẫn bình thản đáp:

– Xin tùy ý ông ạ.

– Không còn thì giờ chậm trễ nữa, anh sắp gọn vào rương tôi tất cả các vật dụng cần thiết để đi đường: quần áo, giày vớ, được bao nhiêu càng tốt, nhưng phải gấp lăm mới được.

Côn-Sơn nhìn tôi, hỏi:

– Thưa ông, còn những vật sưu tầm của ông?

– Cái đó sẽ tính sau.

– Thưa ông, những vật sưu tầm về vạn vật kia mà?

Thấy vẻ ngơ ngác của Côn-Sơn, tôi mỉm cười đáp:

– Không hề chi, các vật đó chúng ta gọi lại khách sạn trong thời gian vắng

mặt. Hay tốt hơn, tôi cho gửi về Pháp tất cả.

Côn-Sơn nghe tôi nói, càng thêm ngơ ngác, hỏi:

– Chúng ta không trở về Ba-lê hay sao?

Tôi nói một cách mập mờ:

– Về chứ.., nhưng phải đi... một đường vòng.

– Vâng, nếu đường vòng ấy ông thích.

–Ồ! đường vòng ấy chẳng có gì lạ cả! Nó chỉ là một con đường ngoằn ngoèo thể thôi. Chúng ta sẽ đi trên con tàu Lanh-Công.

Côn-Sơn trầm lặng nhìn tôi đáp:

– Xin tùy ý ông định liệu.

– Anh ạ! tôi cần nói để cho anh biết là vừa rồi trên mặt biển có xuất hiện một con thủy quái... con Độc-giác-ngư khổng lồ...

Chúng ta phải mạo hiểm để tiêu trừ nó!.. Tác giả quyển “Những bí hiểm dưới đáy biển” không thể nào từ chối cuộc mạo hiểm này được. Đó là một sứ mệnh vinh dự... nhưng rất nguy hiểm!!! Không ai rõ mình sẽ đi về đâu, và con thủy quái kia có lẽ là một con vật phi thường. Mặc dầu vậy, chúng ta nhất quyết ra đi. Ông Phan-Úc, viên chỉ huy, đối với chúng ta không lãnh đạm lắm...

– Vâng, thưa ông, ông đã quyết định, tôi xin theo.

– Anh cần phải nghĩ kỹ. Tôi không

muốn giấu anh điều gì cả. Đây là một trong những chuyến đi không hẹn ngày về.

– Được, xin tùy ý ông.

Mười lăm phút sau, hòm rương chúng tôi được sắp xếp gọn gàng. Tuy chỉ trong loáng mắt, song với sự lệ làng của Côn-Sơn, tôi tin chắc hành trang của tôi sẽ không thiếu.

Chiếc thang máy từ từ đặt chúng tôi xuống vỉa hè, tôi bước vào phòng khách của nhà hàng – nơi đây lúc nào cũng đông nghẹt – để thanh toán tiền trọ, và cho gọi những vật liệu của tôi đã sưu tầm được về Ba-lê. Đoạn, Côn-Sơn theo tôi bước lên một chiếc xe ngựa.

Đoạn đường từ khách sạn đến bến tàu phải mất hai mươi phút-lãng. Xe

chúng tôi chạy theo con đường số bốn xuống đến đường “Vòm cây” rẽ qua đường “Cao-Lạng” rồi dừng lại nơi bến tàu thứ ba mươi bốn¹. Ở đây, có một con đò chở chúng tôi, cả người, cả ngựa lẫn xe, sang Bờ-Rút-Lanh (Brooklyn), một vùng phụ cận trù phú nhất của thành phố Нью-уорк, nằm về phía tả ngạn sông Đông.

Chỉ trong vài phút sau, chúng tôi đã đến bến tàu Lanh-Công, con tàu này đang chuẩn bị rời bến, hai ống khói tàu đưa nhau nhả ra những ngum khói đen cao vút.

Hành lý tôi được đưa xuống tàu và hỏi thăm viên chỉ huy Phan-Úc. Một thủy thủ dẫn tôi sang phòng thuyền trưởng.

¹ Loại bến tàu đặc biệt dành riêng từng chiếc.

Vừa đến nơi, tôi thoáng thấy một viên võ quan, mặt mày vạm vỡ đưa tay đón tôi, hỏi:

– Ông Long-Đắc?

Tôi đáp:

– Vâng, chính tôi, và ngài là vị chỉ huy Phan-Úc?

– Đúng vậy. Thưa Giáo sư, căn phòng của ngài đang chờ sẵn.

Tôi cúi chào, và để mặc cho vị chủ tàu lo việc điều khiển con tàu rời bến, tôi xin phép được về phòng riêng của tôi.

Con tàu Lanh-Công là một con tàu đóng theo kiểu mới, gọn gàng và đẹp đẽ. Đó là một loại chiến hạm sẵn giặc trang bị bằng máy móc trừ nhiệt, có thể chứa bảy lần cường độ hơi nước.

Với sức ép ấy, con tàu Lanh-Công trung bình có thể chạy hơn mười tám dặm một giờ. Tuy nhiên với tầm thước nhỏ bé ấy không thể nào chiến thắng nổi loài cá voi to tướng được.

Nhìn lối trang bị bên trong, chúng ta đã thấy giá trị của con tàu ấy rồi.

Căn phòng của tôi ở đằng lái, trở mặt về phía các phòng của các viên sĩ quan. Tôi rất hài lòng, nói với Côn-Sơn:

– Chúng ta ở phòng này rất tiện lợi.

Côn-Sơn nhìn tôi đáp:

– Thưa ông, tiện lắm! Chắc chắn hơn một con sên nằm trong vỏ ốc.

Để cho Côn-Sơn tự tiện xếp đặt hành lý, tôi bước lên sân tàu, xem con tàu rời bến.

Giữa lúc đó, thuyền trưởng Phan-Úc đã ra lệnh nhổ chiếc dây neo cuối cùng. Như vậy tức là nếu tôi trễ mười lăm phút, con tàu sẽ rời bến không có tôi, và tôi bị mất một cơ hội hiếm có: hơn nữa, câu chuyện thực tế này sẽ bị giảm một đôi phần xác đáng.

Thuyền trưởng Phan Úc không muốn để mất một ngày, một giờ nào cả. Ông ta nóng lòng cho tàu rẽ nước chạy về hướng con thủy quái đã xuất hiện lần cuối cùng. Ông ta gọi viên kỹ sư đến, hỏi:

– Hơi nước đã đủ chưa?

Viên kỹ sư đáp:

– Thưa ngài, đủ rồi ạ!

Thuyền trưởng Phan-Úc hô to:

– Cú thẳng đường, tiến.

Lệnh vừa ban bố, guồng máy bốc hơi, chuyển động. Các thủy thủ điều khiển bánh xe khởi hành. Hơi nước chuyển vào lỗ pít-tông, đẩy những cây thanh chuyển rít lên ken két. Những cánh quạt cử động và bắt đầu khuấy nước. Con tàu Lanh-Công hùng hổ từ từ rời bến, tiến giữa hàng trăm chiếc tàu hàng ở bến, đang chờ đầy hành khách.

Bến tàu Bờ-Rốt-Lanh, và một phần lớn thành phố Nữu-ước dọc theo bờ sông Đông, đều chứa đầy những bộ mặt hân hoan. Hàng năm trăm ngàn người nổi lên hoan hô một lượt, hàng ngàn chiếc khăn phát phới trên rừng người, chen chúc nhau trong khung cảnh náo nhiệt. Tiếng reo hò vang dội mãi cho đến lúc con tàu Lanh-Công ra đến mũi Húc-Sơn (Hudson) mới thôi. Mũi Húc-

Sơn là mũi nhọn của bán đảo, tạo nên thành phố Nữu Ước.

Lúc bấy giờ con tàu chạy dọc theo hướng Ghát-xay (Jessaz) lướt qua các dãy nhà lầu và các biệt thự san sát ở hữu ngạn sông Đông: qua đến các đồn lính, những tiếng súng đại bác chào mừng nổi lên rền vang cả một góc trời. Để đáp lại tàu Lanh-Công kéo ba lần cờ hiệu, ngọn cờ Mỹ quốc bọc ba mươi chín ngôi sao chói ngời, phát phơ trước gió.

Đến đây, con tàu dừng bớt tốc lực để tiến qua lạch sông có cắm phù tiêu, và chạy vòng theo doi cát bao tròn ở mũi Hóc (Sandy Hook). Công chúng lại một lần nữa hoan hô nhiệt liệt.

Vào lối ba giờ chiều, người hoa tiêu hải cảng rời khỏi con tàu Lanh-Công để xuống thuyền trở về bến.

Con tàu được đặt thêm lửa, và cánh chong chóng đập nước mỗi lúc một nhanh thêm, lướt mình vùn vụt chạy dài theo bờ biển cát vàng và phẳng phiu của xứ Ích-lan (Island).

Tám giờ tối, sau khi ánh lửa của thành phố Ích-lan dần dần mất hút về phía tây bắc, con tàu Lanh-Công mở hết tốc lực, vượt trên mặt sóng đen ngòm của Đại-tây-dương.

CHƯƠNG 4

NỄ-LANG (NED LAND)

Viên chỉ huy Phan-Úc là một thủy thủ lành nghề, đáng mặt điều khiển chiếc ngư lôi chiến hạm của ông ta. Con tàu với ông ta được xem như một. Ông là linh hồn của con tàu oanh liệt đó. Trước vấn đề con thủy quái óc ông ta không hề bận rộn, vì ông tin chắc rằng con thủy quái kia không thể nào đánh đắm con tàu ông được.

Thực vậy, ông tin tưởng điều đó cũng như những người đàn bà tin ở số phận vậy, bằng lòng tin chứ không phải bằng lý lẽ. Ông dự tính, nếu gặp con thủy quái, ông sẽ cho con tàu rượt nó khắp các mặt biển bất kỳ đến nơi nào. Có điều không ai đoán trước được là chẳng biết ông Phan-Úc sẽ giết được con thủy quái, hay con thủy quái sẽ giết ông Phan-Úc.

Các sĩ quan đương trực trên tàu đều góp phần bàn tính công việc với vị chỉ huy. Họ tranh luận nhau, họ nêu lên các trường hợp chạm trán bất ngờ, và ước lượng bề rộng của trùng dương.

Mọi người đều hăm hở, không một ai có một ý nghĩ hoài công.

Mặt trời ló bóng. Ánh nắng mỗi lúc một gắt gao. Trên sân tàu lô nhô đoàn thủy thủ, họ vẫn kiên nhẫn đứng dưới

các cột buồm nóng bức. Con tàu quạt nước tiến đều, nhưng chưa vượt đến vùng “quyết liệt” trên mặt Thái-bình-dương.

Ai nấy đều trông mong tìm thấy con Độc-giác-ngư để họ có dịp trò tài đàm, chém. Đôi mắt mọi người luôn luôn dính liền với mặt biển.

Và lại, thuyền trưởng Phan-Úc lại còn tuyên bố treo giải thưởng hai ngàn đô la cho bất kỳ một ai trên tàu, trông thấy con thủy quái trước nhất, do đó làm sao đôi mắt của họ không chăm chú cho được.

Về phần tôi, mặc dầu có đôi ý nghĩ riêng biệt, song tôi không để lộ cho mọi người biết những cử chỉ hàng ngày của tôi. Chỉ có Côn-Sơn, về bất bình của anh ta rõ rệt, khiến cho mọi người hơi phật ý

trước nguyện vọng chung của họ.

Như tôi đã nói, viên chỉ huy Phan-Úc trang bị con tàu Lanh-Công rất đầy đủ: đầy đủ những dụng cụ đánh cá mà một chiếc tàu săn cá voi cũng chưa bì kịp. Từ những mũi lao phóng tay, đến những viên đạn nỏ, dùng để bắn vịt trời, đến những mũi tên có ngạnh mỗi mỗi đều chuẩn bị đầu đó sẵn sàng. Trước đầu tàu có đặt một khẩu súng đại bác kiểu mới (1867). Thử vũ khí này do nước Mỹ chế ra, có thể bắn một đầu đạn nặng bốn kí-lô, và xa đến mười sáu cây số ngàn. Thực là một thử vũ khí đáng kể vào thời bấy giờ. Tóm lại, về phương diện trang bị con tàu Lanh Công không thiếu gì cả.

Đáng kể hơn nữa, trên tàu lại có tên Nễ-Lang, một tay thiện nghệ về môn ném lao. Người ta gọi Nễ-Lang là “vua” ném lao.

Nễ-Lang người Gia-nã đại, tuy có một tài năng đặc biệt trong cái nghề nguy hiểm ấy thật, song trí hiểu biết chẳng bao nhiêu. Anh ta chỉ có tài lanh lẹ và gan dạ đuổi theo một con cá voi hoặc một con cá nhà táng, phóng vào chúng nó những ngọn lao đích đáng thế thôi,

Anh ta độ bốn mươi tuổi, thân hình cao lớn vạm vỡ, sức mạnh dồi dào, bắp thịt nở nang, đôi mắt sáng ngời như một cặp kính viễn vọng, và lúc nào cũng hằng hái như một nòng súng đại bác sắp nhả đạn vậy.

Tôi thiết tưởng ông Phan-Úc đem anh ta theo trong cuộc mạo hiểm này thực khôn ngoan đáo để.

Tuy ít nói, và ít làm bạn với ai, song Nễ-Lang nói được cả tiếng Gia-nã-đại và tiếng Pháp, vì gia đình anh ta gốc ở

Quê-Bắc (Québec) một vùng chài lưới nổi tiếng, trước kia thuộc Pháp.

Thật là một dịp tiện lợi để anh có cơ hội chuyện trò, và tôi có cơ hội nghe lại giọng nói Ra-Bơ-Le (Rabelais) hiện nay chỉ còn rải rác trên một vài tỉnh xứ Gia-nã đại.

Đối với tôi, Nễ-Lang có thiện cảm, và lần lần chuyện trò thân mật. Tuy nhiên, anh ta không bao giờ để ý đến câu chuyện của mọi người, anh ta chỉ thích thú kể lại những cuộc săn cá và những cuộc ném lao của anh ta mà thôi.

Sở dĩ tôi nói nhiều về Nễ-Lang, một người mới vừa quen biết, là vì chúng tôi sau này trở thành đôi bạn thiết cốt, một mối tình phát sanh và kết cấu trong một cảnh ngộ hãi hùng. Ô! Nễ-Lang! Một cái tên bất diệt của lòng tôi. Tôi muốn được

sống thêm trăm tuổi nữa để giữ mãi những kỷ niệm của anh ta vào lòng.

Và, hiện nay, quan niệm của Nễ-Lang như thế nào trước vấn đề con thủy quái? Tôi xin thú thực rằng anh ta không tin có con Độc-giác-ngư. Quan niệm anh ta đứng ngoài sự tin tưởng chung của đại đa số. Hơn nữa, anh ta còn có ý thức bất mãn với cuộc mạo hiểm này. Tuy nhiên, một ngày nào đó, tôi sẽ có dịp nói đến việc này.

Một chiều, vào ngày 30 tháng bảy, nghĩa là sau ngày khởi hành của chúng tôi ba tuần lễ, trời yên bể lặng, con tàu vượt qua Mũi Bạch (Cap Blanc) với tốc độ ba mươi dặm, qua khỏi đông chí tuyến và eo bê Ma-Dơ-Lăng (Magellan), chúng tôi chỉ còn tám hôm nữa, con tàu Lanh-Công sẽ quấy nước trên mặt Thái-bình-dương.

Ngồi trên sàn tàu, tôi và Nễ-Lang đưa mắt nhìn mặt biển sâu ngòm mà lòng mỗi người như đang theo đuổi một cái gì huyền bí, xa xôi.

Thấy vẻ mặt tư lự của Nễ-Lang, tôi bắt đầu gợi câu chuyện con thủy quái, và hỏi:

– Nễ-Lang ạ! Tại sao anh không tin có con quái vật mà hiện chúng ta đang theo đuổi? Anh có một lý lẽ nào để chứng minh việc nghi ngờ ấy không?

Nễ-Lang nhìn tôi một lúc, đập bàn tay vào vùng trán rộng của anh ta có lẽ theo thói quen nhắm đôi mắt lại một lúc hình như để suy nghĩ trước khi trả lời:

– Có lẽ! Ông Long-Đắc ạ!

– Anh là một tay đánh cá nghề nghiệp, thường gần gũi với những loài cá có

vú, tại sao anh lại không tin rằng có một loại cá khổng lồ xuất hiện trong trường hợp này.

Nễ-Lang mỉm cười, nhìn tôi, đáp:

– Ông lầm rồi, ông Giáo sư ạ! Người ta thường tưởng rằng những ngôi sao chổi đặc biệt có thể vượt qua quãng không gian, hoặc những quái tượng thời cổ sơ vẫn còn tồn tại mãi trong lòng đất: nhưng thực ra không một nhà thiên văn học, hoặc một nhà địa chất học nào công nhận việc hão huyền như vậy. Đối với các nhà săn cá voi cũng thế. Tôi đã từng theo đuổi rất nhiều cá voi, đã từng phóng lao giết một số lớn: tuy nhiên, dù chúng có mạnh đến đâu, hoặc có những loại sừng, loại gạc cứng đến bậc nào cũng không thể đâm thủng nổi vỏ con tàu bằng kẽm được.

– Anh Nễ-Lang ạ! Người ta thường kể cho tôi nghe những loại Độc-giác-ngư có sừng cứng lắm, có thể đâm thủng vỏ tàu kia mà!

– Những vỏ tàu bằng gỗ thì có thể được. Nhưng tôi cũng chưa trông thấy bao giờ. Theo tôi, tôi không tin rằng loài cá voi, cá nhà táng, hoặc Độc-giác-ngư có thể gây thiệt hại như vậy.

– Nhưng anh hãy nghe tôi nói đây, anh Nễ-Lang...

– Không, không, ông muốn nói gì cũng được, nhưng đừng nói với tôi việc...

– Có thể là một con mực khổng lồ không?

– Không. Loài mực còn kém thua. Con mực chỉ là loại sò ốc. Thật nó không chắc, làm sao nó có thể có một bề dài

năm trăm bước như loài có xương sống được.

Bằng vẻ mặt ngạo nghễ, Nễ-Lang nhìn tôi hỏi:

– Thế ra ông muốn nói con thủy quái kia là một cá voi khổng lồ chứ gì?

– Đúng vậy, anh Nễ-Lang ạ! Căn cứ theo thực tế, tôi định ninh như vậy. Hẳn nó thuộc vào loại cá có vú, có những thứ tự vệ rắn chắc, và một sức mạnh phi thường, như loại cá voi, cá nhà tảng, hoặc cá heo, chẳng hạn.

Nễ-Lang lắc đầu. Với vẻ mặt lạnh lùng, anh ta mỉm cười buông ra một tiếng:

– Hừ!!!

Tôi vẫn kiên nhẫn nói tiếp:

– Anh nên biết rằng nếu quả có một con vật nào đó xuất hiện trên mặt biển, mà con vật ấy là một con vật sống dưới mặt nước hai dậm, thì cơ thể con con vật ấy phải rắn chắc lắm.

Nễ-Lang hỏi:

– Tại sao lại phải rắn chắc?

– Vì nếu cơ thể không rắn chắc thì không làm sao chịu nổi sức ép của bề dày khối nước được.

Nễ-Lang nhấp nháy đôi mắt nhìn tôi, hỏi:

– Thực thế sao?

– Thực vậy. Chỉ cần một vài con số thì anh nhận thấy ngay.

–Ồ! Bằng con số! Người ta tìm cái biết của họ bằng những con số!

– Không. Nễ-Lang ạ! Bằng thực tế chứ không phải bằng con số. Anh bình tĩnh nghe tôi nói đây. Chúng ta thử lấy sức ép của khí trời so sánh bằng sức ép của khối nước chiều cao ba mươi hai bước² – Nếu là nước biển thì chiều cao ít hơn vì nước biển trọng lượng nhiều hơn nước ngọt – Thế thì, lúc anh lặn xuống nước, cứ bao nhiêu lần ba mươi hai bước, cơ thể anh phải chịu bao nhiêu lần sức ép ngang với sức ép của khí trời. Cứ thế mà tính thì ba trăm hai mươi bước sức ép bằng mười lần sức ép của khí trời, và một trăm lần sức ép của khí trời bằng sức ép của ba ngàn hai trăm bước, tức là bề sâu độ hai dặm rưỡi. Tính như thế để anh thấy rằng nếu anh có thể lặn xuống biển với bề sâu ấy thì cứ mỗi phân vuông trên cơ thể anh, anh phải chịu sức ép một ngàn kí-lô. Anh Nễ-Lang ạ, anh có

² Pied (foot, feet) = 30,48 cm.

biết trên người anh có bao nhiêu phân vuông không?

– Tôi không biết được, ông Long-Đắc ạ!

– Độ chừng mười bảy ngàn phân vuông.

– Nhiều như thế nào?

– Và mỗi phân vuông, sức ép của khí trời nặng hơn một kí-lô-gam. Ngay lúc bây giờ đây, mười bảy ngàn phân vuông trong người anh đang bị sức ép của khí trời là mười bảy ngàn năm trăm sáu mươi tám kí-lô.

– Thế sao tôi không cảm thấy gì cả?

– Phải, anh không cảm thấy gì cả, và anh không bị đè dẹp bởi sức ép ấy là vì không khí được vào trong người anh với

sức tương đương. Sức ép bên ngoài và sức ép bên trong, hai bên quân bình nên anh không cảm thấy mệt nhọc gì cả. Tuy nhiên nếu anh lặn xuống nước thì lại là một việc khác.

Nễ-Lang chú ý ngồi nghe, và reo lên:

– A! Phải! tôi hiểu rồi! Bởi vì lúc lặn xuống nước, nước bao quanh tôi, và không vào trong người tôi được.

– Đúng rồi. Anh Nễ-Lang ơi! Vậy thì cứ ba mươi hai bước dưới mặt nước, anh bị sức ép mười bảy ngàn năm trăm sáu mươi tám kí-lô: và ba trăm hai mươi bước, sức ép mười lần hơn tức là một trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm tám mươi kí-lô: và, ba ngàn hai trăm bước, sức ép một trăm lần hơn, tức là mười bảy trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm kí-lô: và, ba mươi hai ngàn bước, sức ép ngàn

lần hơn, tức là mười bảy triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn kí-lô. Thế nghĩa là anh sẽ bị xẹp lép như những chiếc đĩa trong máy hơi nước vậy.

Nễ-Lang trợn đôi mắt nhìn tôi, thờ dài nói:

– Ghê nhỉ!

– Thế thì, những con vật khổng lồ sống dưới mặt nước biển, thân hình nó hàng triệu phân vuông, phải chịu sức ép hàng tỷ kí-lô, vậy bộ xương và cơ thể của nó phải như thế nào mới chịu nổi chứ?

Nễ-Lang nói:

– Cơ thể nó phải đúc bằng tôn dày độ tám lóng tay như những chiếc ngư lôi hạm vậy.

– Thật thế, anh Nễ-Lang ạ! Nếu không có một con vật to tướng và sức mạnh như thế làm sao có thể đâm thủng vỏ tàu cho được.

Nễ-Lang choáng váng trước những con số khổng lồ ấy. Tuy nhiên không muốn tìm hiểu hơn nữa, anh ta gật đầu lia lịa, nói:

– Phải... thực ra... cũng có thể...

– Anh đã nhận lời tôi nói là có lý chưa?

– Nhà vạn-vật-học ơi! Ông nói cũng có lý phần nào thực, nghĩa là nếu có một con vật nào sống dưới đáy biển thì con vật ấy phải có sức mạnh như ông nói vậy.

– Nhưng nếu con vật ấy không có, thì tai nạn của con tàu Cô-Ta anh cắt nghĩa làm sao?

Nễ-Lang lúng túng, nói:

– Có lẽ là...

– Được, anh cứ nói đi, anh Nễ-Lang!

– Bởi vì... việc đó không thể có!

Nễ-Lang không tin sự thực có chiếc tàu bị đâm thủng. Nhưng đó chẳng qua là tách bướng bỉnh của anh ta, thế thôi. Vết thương của con tàu Cô-Ta còn sờ sờ ra đó, ai mà chối cãi đi đâu được. Vết thương kia không phải tự nhiên mà có, mà cũng chẳng phải do một tảng đá ngầm gây nên, hiện trạng đó phải là một thứ mũi nhọn nào của một vật.

Theo tôi, đó phải là một giống vật có xương sống, thuộc loại có vú, và là một thứ cá chưa từng thấy.

Con tàu Lanh-Công có tìm thấy con vật ấy không, hẳn còn chờ ở sự may rủi.

CHƯƠNG 5

CUỘC LIÊU LĨNH

Qua một thời gian vượt biển, con tàu Lanh-Công không gặp một trở ngại nào cả. Tuy nhiên, một cơ hội đưa đến, khiến cho mọi người có dịp trông thấy tài năng tuyệt vời của Nễ-Lang.

Ngày 30 tháng sáu, con tàu đang ở giữa bể khơi vùng Mã-Lũng (Malonnes) bỗng gặp một số tàu đánh cá voi của

người Mỹ. Đoàn tàu này không dính dứ gì về công cuộc theo đuổi con thủy quái. Nhưng thuyền trưởng Mông-Rô (Monroe) điều khiển một trong những con tàu ấy, biết Nễ-Lang hiện có mặt trên chiếc tàu Lanh-Công, yêu cầu giúp sức hạ con cá voi mà ông ta vừa trông thấy.

Viên chỉ huy Phan-Úc muốn thử tài của Nễ-Lang nên cho phép anh ta được sang giúp con tàu của Mông-Rô.

Thế là Nễ-Lang có cơ hội để thử tài.

Hai con cá voi đang vươn mình lên khỏi theo mặt sóng, Nễ-Lang cầm ngọn lao phóng tới trúng ngay quả tim, một con giãy đành đạch. Và chỉ trong chốc lát, anh ta rượt theo hạ tiếp một con nữa rất dễ dàng.

Ồ! Tài phóng lao của Nễ-Lang siêu

vời thực! Ai dám bảo rằng anh ta không dám đương đầu với con thủy quái trong lúc chạm trán.

Con tàu của chúng tôi lại lên đường, rẽ nước tiến dọc theo hướng đông nam bờ biển Mỹ châu.

Ngày 3 tháng bảy chúng tôi qua khỏi eo biển Ma-dơ-lăng (Magellan) và đến mũi Đồng-trinh (cap des Vierges).

Các thủy thủ cho rằng con thủy quái khổng lồ kia không thể nào vào được nơi chật hẹp này, nên thuyền trưởng Phan-Úc cho lệnh mở hết tốc độ chạy về phía mũi Hòn (Horn).

Ngày 6 tháng bảy, vào khoảng ba giờ chiều, con tàu Lanh-Công tiến về hướng nam, với tốc độ mười lăm dặm, vượt qua những hoang đảo, rồi thẳng đường rẽ sang hướng Tây-Bắc.

Và, ngày hôm sau đó, con tàu Lanh-Công rẽ nước trên mặt Thái-bình-dương.

Các thủy thủ nhao nhố bảo nhau:

– Hãy nhìn cho kỹ! Hãy nhìn cho kỹ!

Đôi mắt mọi người đều mở trao trao dính liền với mặt sóng. Đêm cũng như ngày những cặp viễn vọng kính được ghìm sẵn nơi mắt. Có lẽ số tiền thưởng hai ngàn đô la có mãnh lực làm cho mọi người quên cả nhọc mệt đi chăng.

Tôi, tôi không bị số tiền thưởng ấy cám dỗ, song cũng không lúc nào lơ đãng. Trừ một vài phút trong bữa ăn, và vài giờ trong giấc ngủ, mặc dầu mưa nắng, không bao giờ tôi rời khỏi sân tàu. Lúc thì dựa mình vào lan can trước mũi tàu, lúc thì chống tay ở cạnh sườn đang lái, trở mắt nhìn những bọt sóng tung

lên trắng xóa ngút tận chân mây.

Và, cứ thỉnh thoảng, lòng tôi rộn lên giữa tiếng ồn ào của mọi người khi trông thấy một con cá voi phơi mình xám ngắt trên mặt sóng. Mỗi lần như thế sân tàu lao nhao, nào thủy thủ, nào sĩ quan, tim họ đập mạnh, mắt họ tròn xoe, trông rất thích thú. Tôi nhìn mãi, hai con mắt muốn mờ đi, thế mà Côn-Sơn, lúc nào cũng như lãnh đạm, thỉnh thoảng đứng sát vào bên tôi nhắc đi nhắc lại câu nói:

– Nếu ông không muốn làm nhọc con mắt thì cứ để sau này sẽ xem.

Thật vậy, những “cuộc” hội họp không đem lại một ích lợi nào cả. Con tàu chuyển mình đuổi theo một con vật nào đó, thì con vật ấy chỉ là một con cá voi thường, hoặc một con cá nhà táng, thuộc vào loại nhỏ. Và, chỉ trong loáng

mắt, nó vẫy đuôi biến mất giữa những tiếng nguyên rủa của mọi người.

Mặc dầu vậy, nhưng vào tiết tháng bảy, nơi đây khí trời thanh bạch, mặt nước trong xanh, trông rất đẹp mắt.

Nễ-Lang luôn luôn vẫn giữ thái độ nghi ngờ. Anh ta không thèm ngó ngang đến mặt biển, cả những phút hồi hộp, nhộn nhịp của mọi người cũng thế. Mỗi ngày tám tiếng đồng hồ, anh ta nằm mãi trong phòng để ngủ, hoặc xem sách.

Thấy thế, nhiều lần tôi phàn nàn cử chỉ của anh ta.

Anh ta đáp:

– Ô! chẳng có quái gì cả, ông Long-Đắc ạ! Hơn nữa, người gặp nó nơi Thái-bình-dương cách đây đã hai tháng rồi, nếu quả có nó, thì nó cũng đã đi một nơi

khác. Chúng ta chỉ làm một chuyện cầu may mà thôi.

Câu nói của anh ta chí lý. Tôi không biết phải trả lời làm sao. Thực ra, chúng tôi ngong ngóng ngày đêm cũng chỉ là việc cầu may. Nhưng biết làm cách nào hơn.

Ngày 20 cho đến ngày 27 tháng bảy, con tàu chúng tôi vượt qua đường xích đạo ở kinh tuyến một trăm phần mười, và bắt đầu chuyển hướng về phía tây, vào trung tâm Thái-bình-dương. Thuyền trưởng Phan-Úc nghĩ rằng muốn gặp con thủy quái cần phải mạo hiểm ở những vùng bể khơi, tránh những giải đất hiền và những hòn cù lao kề cận. Ý kiến đó được mọi người tán thành, vì vậy con tàu chúng tôi được đốt thêm lửa và mở rộng về hướng Bô-Mô-Tu, tiến vào Trung-Hải.

Tuy nhiên, con tàu vừa ra khơi được mấy hôm, thì thật là một trò cười không thể nói được. Người ta bỏ ăn, bỏ ngủ. Mọi người đều nao nao lo âu. Mỗi ngày chừng lối hai mươi lần, họ nhìn nhau thủ thỉ những mối nguy biến có thể xảy tới.

Đã ba tháng trời, con tàu Lanh-Công chạy khắp trên mặt Bắc-băng-dương qua đến Thái-bình-dương, đuổi theo những con cá voi thỉnh thoảng xuất hiện, lúc nào cũng với một tốc độ siêu vờ; như thế, hiện nay nếu rủi ro bề nào, máy móc bị trục trặc, thì số người giữa cảnh bát ngát bao la xa bờ xa bến kia hiện có bảo tồn sanh mạng được không?

Mối lo âu tràn ngập nỗi lòng. Và sự nản chí dần dần xâm chiếm trong óc mọi người. Họ cho là họ đã làm một điều

dại dột, theo đuổi một câu chuyện hão huyền.

May thay, con tàu Lanh-Công không phải như ý tưởng tượng của họ, lúc nào nó cũng tỏ ra xuất sắc và không đem lại một triệu chứng nào hư hỏng cả. Nguồn hy vọng lại trở về với mọi người. Viên thuyền trưởng Phan Úc hứa thêm ba ngày nữa, nếu trong ba ngày mà không tìm ra con thủy quái ông ta sẽ cho tàu quay về bờ biển Âu châu.

Hôm đó vào ngày 2 tháng mười một. Bắt đầu từ ngày đó sự uể oải trong đoàn thủy thủ không còn nữa. Ai nấy đều nhao nhao, đôi mắt há hốc, ném xuống mặt biển những tia hy vọng cuối cùng để đạt lấy mục đích. Những cặp viễn vọng kính được lau chùi trở lại rất cẩn thận.

Hai ngày trôi qua, con tàu Lanh-

Công xả bớt hơi nước, chạy từ từ. Người ta dùng đủ cách để làm cho mọi người chú ý, và tự kích thích nhau bằng cách chuẩn bị hẳn hoi để đối phó với con thủy quái. Một số lớn giáo mác được sắp sẵn, các xuồng nhỏ trên tàu đều chuẩn bị để phòng khi chiếc Lanh-Công bị hỏng.

Nhưng, mãi đến chiều ngày 4 tháng chạp mà vẫn không tìm thấy tăm dạng con thủy quái đâu cả.

Hôm sau, ngày 5 tháng chạp, ngày của thời hạn chót. Thuyền trưởng Phan-Úc giữ lời hứa, truyền cho thủy thủ quay mũi tàu về hướng đông-nam, với ý định dứt khoát rời bỏ vùng Thái-bình-dương.

Lúc bấy giờ con tàu chúng tôi đang ở vào vĩ độ 31° 15' về hướng bắc và kinh độ 136° 42' về hướng đông, cách đất liền Nhật-bản chừng lối hai trăm dặm.

Màn đêm bắt đầu buông xuống. Một vùng mây xám lướt thướt ở chân trời, phủ kín mặt trăng. Mặt biển nhuộm màu xám nhạt. Từng đợt sóng, nhấp nhô ra vào mũi tàu trắng xóa.

Giữa lúc đó, tôi chống tay trên bao lơn trước mũi tàu, Côn-Sơn đứng sát cạnh tôi, đôi mắt mờ màng nhìn về phía trước. Đoàn thủy thủ ngất ngưỡng đưa lưng trên các dây buồm, đứng ngắm chân trời đêm lúc mở, lúc tỏ. Các sĩ quan, ghé mắt vào những chiếc ống dòm, đang trầm lặng trong bóng tối xa xăm. Cứ thỉnh thoảng, giữa hai vùng mây kéo qua, ánh trăng nhô ra, làm cho mặt biển đổi màu vàng nhạt.

Thấy vẻ mặt tư lự của Côn Sơn, tôi đoán biết anh ta đang có điều gì lo lắng. Và đây là lần đầu tiên, tôi thấy anh ta nghĩ ngợi.

Tôi nói đùa:

– Được lắm! Anh Côn Sơn! Một dịp chót để đoạt hai ngàn đô la.

Côn-Sơn quay nhìn tôi, đáp:

– Thưa ông, tôi chẳng bao giờ nghĩ đến số tiền thường ấy cả. Dầu cho chánh phủ Mỹ có hứa đến trăm ngàn đô la, số tiền ấy cũng không mất.

– Anh nói đúng đấy! Đây chẳng qua là một việc hảo huyền thể thôi. Trong câu chuyện này chúng ta thiếu suy nghĩ. Mất thì giờ lại thêm nhiều chuyện lo lắng mà không ích gì! Đáng lẽ chúng ta về Pháp đã sáu tháng rồi!

– Và sống trong ngôi nhà xinh đẹp của ông! Trong viện bác-vật của ông! Tôi đã sắp xong những chất hóa thạch của ông!...

– Phải, thực là sơ xuất! Theo tôi tưởng, việc này tôi sẽ bị người ta mai mỉa.

Côn-Sơn bùi ngùi, nói:

– Tôi cũng nghĩ như vậy nhưng chẳng biết có đúng không?

– Đúng lắm.

– Khi đã có vinh dự là một kẻ trí thức như ông thì người ta thường nói đến...

Côn-Sơn nói chưa dứt câu, bỗng trên tàu có tiếng la hét chúa. Đó là tiếng của Nễ-Lang:

– Ô kìa! Con thủy quái kia kìa, nó đang tiến về phía chúng ta!

CHƯƠNG 6

DỪNG HẾT TỐC LỰC

Nghe tiếng la, mọi người hấp tấp đổ xô về phía Nễ-Lang. Từ thuyền trưởng, sĩ quan đến thủy thủ, không ai còn bình tĩnh được nữa. Họ buông cả nhiệm vụ chạy ùa đến.

Giữa lúc đó bóng tối bao trùm cả mặt biển. Tôi chẳng hiểu đôi mắt của Nễ-Lang làm thế nào mà trông thấy tài tình như thế. Tim tôi đập thành thịch.

Quả thật, Nễ-Lang không lầm, Chúng tôi trông theo ngón tay anh ta chỉ, ai nấy đều nhận ra một hiện tượng kỳ lạ đang xuất hiện cách con tàu Lanh-Công độ vài tằm. Dưới mặt biển, hình như có vật gì to tướng đang quấy nước, làm cho mặt nước sáng chói nổi lên một vệt hình thuẫn và dài thườn thượt. Giữa vùng gợn nước bao la ấy, một vệt khói vun vút phun lên, tan dần trong không khí.

Một sĩ quan la to:

– Đó chỉ là sự kết hợp của một vùng lân tinh làm sáng chói trong lúc ban đêm, thế thôi.

Tôi cãi lại:

– Không phải đâu, ông ạ! không bao giờ chất lân tinh có một sức sáng như

thế được. Ánh sáng ấy phải là thứ ánh sáng của điện khí... Vả lại... Các ông xem kia! Nó cử động! Nó có thể lui, tới! Và kia! Nó tiến về phía chúng ta!

Mọi người trên tàu đều thất kinh la lên một lượt. Thuyền trưởng Phan-Úc hô to:

– Hãy im lặng! Mở máy cho con tàu chạy lùi lại!

Thủy thủ nghe lệnh vội vã quay tàu lại. Các chong chóng trở ngược chiều, và con tàu chạy quanh nửa vòng.

Thuyền trưởng hô:

– Đưa tay lái về bên mặt, cho con tàu chạy tới.

Lệnh vừa ban bố, con tàu Lanh-Công mở hết tốc lực, cố xa rời con thủy quái.

Tuy nhiên, con tàu Lanh-Công chạy chừng nào, thì người ta lại thấy con thủy quái kia mỗi lúc một gần thêm. Tốc độ của con thủy quái gấp hai lần tốc độ của con tàu.

Chúng tôi ai nấy đều lặng câm, mặt mày len lét, ngực thở hỗn hển, kinh ngạc nhiều hơn là sợ sệt. Nhưng lạ thay, con thủy quái kia chỉ muốn làm một trò đùa thế thôi. Nó chạy quanh con tàu Lanh-Công một vòng, với tốc độ chừng mười bốn gút, nhả ánh sáng bao trùm cả mặt sóng như một chất bụi dạ quang, rồi từ từ biến dạng, để lại một vết dài sáng quắc, nhạt dần như làn khói của một con tàu tốc hành vậy.

Tưởng thế là hết. Chúng tôi ngo ngác nhìn nhau chưa kịp nói lời nào, thì bỗng phía chân trời xa, tiếp liền với mặt biển, con thủy quái kia lại xuất hiện vươn

mình chạy về phía con tàu Lanh-Công bằng một tốc độ phi thường. Vừa đến nơi, cách con tàu Lanh-Công chừng vài dặm, bỗng nhiên ánh sáng: của con thủy quái tắt hẳn đi, chỉ còn thấy một bóng đen ngòm, lù lù lướt trên mặt nước.

Trên tàu, chúng tôi ai nấy đều kinh khủng nghĩ rằng giờ phút quyết liệt sắp đến, và vận mạng chúng tôi còn mất chỉ trong chốc lát.

Thuyền trưởng Phan-Úc, tuy vẻ mặt vẫn bình thản như thường song trong lòng không khỏi lo lắng. Tôi đưa mắt nhìn ông ta hỏi ý kiến.

Ông ta đáp:

– Ông Long-Đắc ạ! Tôi chưa biết con vật khổng lồ ấy thuộc về loại gì, vì vậy tôi không muốn cho con tàu của tôi mạo

hiểm trong đêm tối. Và lại chúng ta đánh với cái mà chúng ta chưa biết nó là vật gì thì làm sao để phòng cho được. Hẳn để ban ngày chúng ta sẽ liệu.

Tôi hỏi:

– Thưa thuyền trưởng, ngài không tin đó là một con vật hay sao?

– Không, ông ạ! Tôi cũng cho đó là một giống Độc-giác-ngư khổng lồ song là loại Độc-giác-ngư có điện lực.

– Theo tôi tưởng, chúng ta không nên đến gần nó vì thường những loại điện ngư, và những loại ngư lôi đều có sức mạnh đáng sợ.

– Đúng thế, và trước nhứt chúng ta nên đề phòng.

Thuyền trưởng nói xong cho lệnh con tàu Lanh-Công tránh xa con thủy quái, nhưng với tốc độ bình thường, vì ông ta biết rằng dẫu có chạy mau đến đâu đối với con thủy quái kia cũng chẳng ăn thua gì.

Đàng kia, con thủy quái cũng từ từ lướt mình đuổi theo, không chạy mau, nhưng hình như nó có ý định quyết không bỏ qua cuộc đụng độ.

Suốt đêm, trên con tàu, ai nấy đều lóng nhóng, không dám chớp mắt một chút nào.

Vào lối nửa đêm, bỗng con thủy quái kia biến mất – Nói cho đúng hơn, chúng tôi không còn trông thấy ánh sáng của nó nữa, thế thôi! – Mà như thế tức là nó đã sợ nên biến đi chẳng? Chắc không một ai hy vọng như vậy.

Rồi, vào lối một giờ sáng, một tiếng rít ghê hồn rú lên, rào rạc như tiếng nước thoát ra ở một vòi nước lớn.

Thuyền trưởng Phan-Úc, Nễ-Lang và tôi, lúc bấy giờ đang đứng trên sân tàu, đôi mắt đăm đăm nhìn về phía bóng tối dày đặc ấy.

Thuyền trưởng Phan-Úc hỏi Nễ-Lang:

– Nễ-Lang, có bao giờ anh nghe loài cá voi rít lên những tiếng như thế không?

– Thưa ông, tôi thường được nghe lắm, nhưng không có con cá voi nào giống như con cá voi này. Vì, mỗi khi tôi trông thấy nó, tức khắc được hưởng hai ngàn đô la.

– Đúng rồi, anh đáng được hưởng số tiền thưởng ấy. Tuy nhiên theo sự nhận

xét của anh, tiếng rít vừa rồi có giống như tiếng của loài cá voi phụt nước lên mặt biển không?

– Thưa ông, giống lắm. Song tiếng rít này mạnh và lớn hơn nhiều. Vì vậy, chúng ta có thể bị lầm lẫn...

Nói đến đây, Nễ-Lang ngừng lại một chút, rồi ngược mặt nhìn thuyền trưởng, nói tiếp:

– Nếu quả là loài cá voi thì ngày mai ông cho phép tôi nói chuyện với nó vài lời.

Thuyền trưởng ngơ ngác hỏi:

– Anh có thể nói chuyện với nó, và nó bằng lòng nghe lời anh nói hay sao?

Nễ-Lang nhún vai đáp với giọng khùng khỉnh:

– Thì cứ cho tôi đến gần nó cách vài tấc, tay tôi có cầm một mũi lao thì tự nhiên nó phải nghe lời tôi khó gì!

– Được lắm, nhưng anh có cần tôi chuẩn bị cho anh chiếc xuồng có trang bị vũ khí đánh cá hay không?

– Thưa ông, dĩ nhiên là phải vậy.

– Việc làm này rất quan hệ, ảnh hưởng đến tánh mạng cả mọi người trên tàu!

– Và cả tánh mạng của tôi nữa.

Đáp xong, Nễ-Lang vẫn bình thản, đứng nhìn mặt biển, không tỏ ra một chút gì lo lắng trước nhiệm vụ trọng đại của anh ta cả.

Vào lối hai giờ sáng, ánh sáng con thủy quái kia lại xuất hiện như cũ, cách

con tàu Lanh-Công chừng năm dặm. Mặc dầu cách xa như vậy, mặc dầu lúc ấy gió biển thổi dạt dào, người ta vẫn nghe rõ tiếng đập đuôi và tiếng thở hỗn hển của con thủy quái. Hình như lúc đó, con thủy quái ngoi lên trên mặt biển để lấy hơi. Không khí cuốn vào buồng phổi nó ồ ạt như tiếng hơi nước bốc vào những ống thật của những máy hơi nước khổng lồ, hàng ngàn mã lực vậy.

Mọi người thức trong cảnh hồi hộp cho đến sáng. Họ chuẩn bị tác chiến! Những dụng cụ săn cá được sắp sẵn ra trước bao lơn tàu, những mũi lao dài thườn thượt có thể phóng xa vút tầm mắt: những viên đạn bắn vệt trời, đuôi dài được nạp sẵn vào nòng súng. Nễ-Lang đôi mắt sáng ngời, cầm sẵn mũi lao, cánh tay đầy gân guốc.

Vào lúc sáu giờ sáng, ánh bình minh bắt đầu ló dạng. Mặt biển rõ dần. Ánh sáng con thủy quái đổi ra màu trắng nhạt rồi biến hẳn.

Bảy giờ sáng, mặt trời vừa mọc, những tia lửa đỏ ửng hồng. Lẽ ra, lúc đó là lúc mặt biển sáng hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, hôm ấy bị một lớp sương mù xông lên, lấp cả chân trời, làm cho một mối điều hiu, buồn bã.

Những ông viên-vọng-kính được mang ra sử dụng, song cũng không tài nào chọc thủng được lớp sương mù nặng trĩu ấy.

Tôi đứng mãi trên sân tàu với đoàn sĩ quan đương trực. Tất cả đều chồm mình về phía trước mũi thuyền, và lưng của mỗi người như dài thêm ra một chút.

Vào lúc tám giờ, màn sương mù ôm kín cả mặt sóng, không còn phân biệt được nơi nào nữa. Tuy nhiên, ánh sáng mặt trời rõ dần, những tia nắng bắt đầu ló dạng, và cuối cùng quét sạch cả lớp bụi mờ.

Bồng Nễ-Lang hét to:

– Kìa con thủy quái đang xuất hiện đằng sau con tàu của chúng ta kìa!

Ai nấy vội vã quay đầu lại.

Cách con tàu Lanh-Công một dặm rưỡi, một vật đen ngòm, dài và xám, nổi lên trên mặt biển bề cao độ một thước, đang hùng hổ vẫy đuôi quấy nước. Tôi chưa từng thấy một vật gì có một sức mạnh làm xao động mặt biển như thế. Đằng sau con thủy quái, nước cuốn thành một vệt dài, như một mũi tên khổng lồ, bọt tung lên trắng xóa.

Con tàu Lanh-Công tiến dần về phía con thủy quái mỗi lúc một gần. Tôi để ý nhận xét thì thấy hai tờ phúc trình của hai chiếc tàu Sa-Nông và Hăng-Vi-Ta trước đây nhận xét về tầm thước có hơi quá sự thật. Chiều dài con thủy quái ấy chỉ độ chừng một trăm năm mươi bước thôi. Còn bề rộng, con thủy quái kia không nổi hẳn lên trên mặt nước, nên khó mà đoán được. Tuy nhiên, theo sự phỏng định của tôi thì cũng chỉ chừng bằng một phần ba của bề dài.

Trong lúc tôi đang để ý cân nhắc về hình tượng, thì con thủy quái phụt lên hai vòi nước, bề cao độ bốn mươi thước, theo lối phụt nước của những loài cá có vú.

Tôi quyết định: đây hẳn là một loài vật có xương sống, thuộc loại có vú như loài cá voi, cá kinh, cá nhà táng. Mỗi loại

chia ra làm nhiều giống, mỗi giống chia ra làm nhiều thứ, mỗi thứ có nhiều sự biến tướng khác nhau. Tuy nhiên, nếu không hạ được con thủy quái này thì thực khó mà định được.

Mọi người trên tàu đang nóng lòng chờ lệnh.

Thuyền trưởng, sau khi chăm chú nhìn con thủy quái một lúc, rồi gọi viên kỹ sư đến hỏi:

– Chúng ta có đủ hơi nước không?

Viên kỹ sư đáp:

– Thưa Thuyền trưởng, có đủ ạ!

– Tốt! Thế thì anh cho đốt lửa thêm, và dùng hết tốc lực!

Ba tiếng hoan hô nổi lên tán thành mệnh lệnh này. Giờ quyết liệt đã đến.

Chỉ vài phút sau, hai ống khói tàu phụt lên không trung những ngum khói đen ngòm, và con tàu rùng mình lướt tới, với một tốc độ chưa từng thấy.

Đàng kia, con thủy quái trông thấy thế, vội bỏ chạy, nhưng nó chạy bằng một tốc độ không quá tốc độ của con tàu Lanh-Công. Vì vậy qua bốn mươi lăm phút đuổi theo, con tàu và con thủy quái kia vẫn giữ một khoảng cách y như cũ.

Thuyền trưởng Phan-Úc tức giận, mặt đỏ gay, đưa tay lên vò chòm râu cầm rối mem, và gọi:

– Nễ-Lang đâu?

Nễ-Lang lập tức bước đến, nói:

– Thưa Thuyền trưởng cần tôi?

– À! Theo ý anh phải làm sao bây giờ?

– Thưa Thuyền trưởng, nếu còn có thì được nên tăng thêm tốc lực. Về phần tôi, tôi sẽ ngồi trước mũi tàu, lúc nào con tàu đuổi kịp vừa tầm. Tôi sẽ dùng mũi lao phóng vào con thủy quái.

– Được rồi! Anh Nễ-Lang, anh cứ thi hành nhiệm vụ anh đi.

Nói xong, Thuyền trưởng Phan-Úc quay lại kêu viên kỹ sư, bảo:

– Hãy đốt thêm hơi nước.

Nễ-Lang cầm mũi lao ngồi trước mũi tàu, lò lửa được đốt thêm. Cánh quạt xoay bốn mươi ba vòng mỗi phút, và đồng hồ chỉ tốc độ lên đến mười tám dặm một giờ.

Tuy nhiên, qua một tiếng đồng hồ, con tàu Lanh-Công vẫn không gần con thủy quái hơn một chút nào! Lòng phần

nộ tràn ngập cả con tàu, từ thầy lẫn thợ. Họ không tiếc lời nguyên rửa con thủy quái, trong lúc đó, con thủy quái kia vẫn ngạo nghễ lù lù trên mặt sóng. Thuyền trưởng Phan-Úc lần này không bút râu nữa, ông ta nghiêng răng, gọi viên kỹ sư hỏi:

– Anh đã cho hơi nước lên đến mức tối đa chưa?

– Thưa Thuyền trưởng, đã đến mức tối đa rồi ạ!

- Các nắp hơi đã đầy chưa?

– Sáu lần sức ép của khí trời.

– Hãy thêm lên cho đến mười lần sức ép.

–Ồ! Lệnh một Thuyền trưởng đã ban bố, còn ai dám bàn tán!

Tôi ghé tai nói nhỏ với Côn-Sơn, tên đầy tớ trung thành đang đứng bên tôi:

– Anh có biết rằng chúng ta sắp sửa phải nhảy xuống biển không?

Côn-Sơn đáp:

– Tùy ông định liệu.

Tuy nhiên, thực may mắn làm sao! Con tàu vẫn bình yên.

Các nắp hơi đầy nhóc, lỗ lửa đỏ bừng. Tốc độ con tàu vượt hẳn lên. Các cột buồm rung rinh tận gốc. Ống khói tàu hình như quá chật, không đủ sức nhả những ngum khói đen đặc nghịt.

Đôi mắt viên kỹ sư dính liền với cây kim chỉ tốc độ.

Thuyền trưởng Phan-Úc hỏi:

– Tốc độ bao nhiêu?

– Thưa thuyền-trưởng, mười chín dặm một phần ba.

– Hãy đốt thêm lửa lên.

Viên kỹ sư tuân lệnh. Kim áp-lực-kế chỉ mười lần sức ép. Tuy nhiên, hình như con thủy quái kia vẫn đang chạy với tốc độ mười chín dặm một phần ba, nên khoảng cách vẫn không thấy thay đổi chút nào.

Thật là một cuộc đuổi bắt kỳ lạ!

Và, còn lạ lùng hơn nữa là sau đó vài giờ, có lúc con thủy quái kia chạy chậm lại. Mỗi lần như thế có tiếng Nễ-Lang reo lên:

– Chúng ta đuổi kịp rồi!

Rồi, trong lúc anh ta chuẩn bị phóng mũi lao thì con thủy quái kia chạy vọt tới tốc độ ba mươi dặm một giờ, bỏ con tàu Lanh-Công xa lắc. Cuối cùng, mặc dầu con tàu của chúng tôi đang chạy với tốc độ tốt bậc như thế, con thủy quái kia đánh một vòng quanh chiếc tàu, xem như chiếc tàu của chúng tôi đang đứng nguyên một chỗ vậy. Mọi người trên tàu hoảng hốt, đồng hét lên một tiếng.

Thuyền trưởng Phan-Úc không còn nhịn nhục được nữa, lăm bắm:

– A! Con vật này chạy nhanh hơn con tàu Lanh-Công! Được rồi! bây sẽ xem thử có thoát khỏi tầm súng của ta không?

Nói xong, quay lại hô:

– Hãy nạp đạn vào súng đại bác, và bắn mau!

Chiếc đại bác được một viên thủy thủ mạnh mẽ nhứt nạp đạn và nhắm con thủy quái bắn tới. Viên đạn không trúng đích, vượt lên trên lưng con thủy quái cách vài bước.

Thuyền trưởng Phan-Úc bực bội hét:

– Hãy trao cho người nào tài năng hơn! Năm trăm đô la sẽ thưởng cho ai bắn trúng con thủy quái ấy!

Một người lính pháo thủ già, hàm râu xám ngắt – tôi còn nhớ rõ đôi mắt trầm lặng, gương mặt lạnh lùng, bước đến bên khẩu đại bác, ngắm nghía một lúc, trước khi cho nhả đạn. Tiếng súng vừa nổ, một tràng pháo tay nổi dậy, lẫn với tiếng hoan hô tỏ mở. Viên đạn bay đến, đúng vào con thủy quái.

Tuy nhiên, lạ lùng làm sao! viên đạn

không ghim vào con thủy quái mà lại nhảy dội lên, lướt qua mặt sóng, rồi mất hút tận đằng xa, cách đó hai dặm.

Viên pháo thủ già cau mày lắm bầm:

– À! ra con thủy quái này mình nó có bọc sắt.

Thuyền trưởng Phan-Úc hét lên:

– Con vật khốn nạn!

Đoạn ông ta quay về phía tôi nói:

– Tôi đuổi theo nó cho đến lúc nào con tàu của tôi vỡ nát ra từng mảnh mới thôi!

Tôi gạt đầu phụ họa:

- Phải, ông nói có lý.

Cuộc săn đuổi lại tiếp tục.

Người ta hy vọng con thủy quái sẽ đuối sức. Vì, dù mạnh đến đâu sức của con vật cũng không thể chịu nổi sức bền bỉ của một máy hơi nước.

Nhưng sự hy vọng ấy không đem lại một kết quả nào. Suốt cả buổi chiều con tàu Lanh-Công vượt hàng năm trăm cây số trên mặt biển, mà con thủy quái kia vẫn chạy cầm chừng, không tỏ ra chút gì mệt nhọc cả.

Mãi cho đến tối, màn đêm phủ dần trên mặt biển, đoàn thủy thủ ai nấy mệt lả người, thế mà con tàu Lanh-Công vẫn với một tốc độ siêu vời không yếu đi một mảy.

Tôi nghĩ thầm: “Mặc dầu con tàu chúng tôi tốt thực, song lúc này là lúc con thủy quái rời bỏ chúng tôi, và chúng tôi sẽ không bao giờ trông thấy nó nữa.

Cuộc săn đuổi của chúng tôi chỉ thế thôi.”

Tuy nhiên, tôi đã lầm!

Vào lối mười giờ năm mươi phút, ánh điện khí nổi lên một vùng sáng rực, cách con tàu Lanh-Công không quá ba dặm. Ánh sáng vẫn rực rỡ như đêm trước.

Có điều lạ là con thủy quái kia nằm yên không cử động nữa. Có lẽ nó chạy suốt ngày nên mệt nhọc, và hiện giờ nó đang ngủ chăng? Nhưng dù sao đó cũng là một cơ hội tốt để cho Thuyền trưởng Phan-Úc hành động.

Ông ta ra lệnh cho con tàu Lanh-Công rón rén đi tới, cố không làm nào động để con thủy quái kia khỏi thức dậy.

Người ta giết những con cá voi đang ngủ giữa bể khơi rất thường. Chính Nễ-Lang cũng đã có giết một con như vậy.

Nễ-Lang cầm mũi lao bước xuống ngồi nơi mũi tàu. Con tàu chúng tôi từ từ tiến tới, và cách con thủy quái vài tầm, Thuyền trưởng ra lệnh tắt máy, chỉ để con tàu chạy bằng trớn của nó mà thôi.

Ai nấy hình như nín thở. Trên sân tàu im phăng phắc. Chúng tôi còn cách con thủy quái không quá trăm bước. Ánh sáng của nó chói ngời như muốn lóa mắt mọi người.

Giữa lúc đó, tôi nghiêng mình về đằng trước, nhìn xuống mũi tàu, thấy Nễ-Lang một tay móc vào chiếc nịch da, một tay cầm mũi lao chờ sẵn.

Lúc còn cách con thủy quái chừng hai mươi bước, Nễ-Lang vung tay phóng tới thực mạnh. Tôi nghe một tiếng động chát chúa như tiếng hai vật bằng sắt chạm nhau.

Bỗng ánh sáng con thủy quái vụt tắt, và hai vòi nước phụt lên, đổ xối vào sân tàu như hai dòng nước suối làm cho mọi người chúng tôi trên sân tàu đều té nghiêng ngửa.

Kế đó, một tiếng động mạnh phát ra ở đằng lái, chẳng biết con tàu chúng tôi đã đụng vào vật gì. Và ngay lúc đó, tôi té ùm xuống biển.

CHƯƠNG 7

MỘT LOẠI CÁ VOI CHƯA TỪNG THẤY

Mặc dầu bị té xuống biển một cách bất ngờ, song tôi là một tay bơi thuộc vào hạng khá, vì vậy tôi vẫn còn có đủ bình tĩnh để suy xét.

Ban đầu, tôi chìm xuống độ hai mươi bước. Nhưng chỉ trong chốc lát, tôi dùng hai gót chân đạp mạnh, trồi đầu lên khỏi mặt nước.

Đoạn tôi đưa mắt nhìn bốn phía, cốt tìm con tàu Lanh-Công, với ý nghĩ: chẳng biết mọi người có trông thấy tôi không? Chẳng biết con tàu Lanh-Công có bị đắm không? Chẳng biết Thuyền trưởng Phan-Úc có bỏ xuống biển cho tôi một chiếc xuồng hay không? Tôi có hy vọng được cứu thoát hay không?

Màn đêm dày đặc! Tôi thoáng thấy một khối đen ngòm chạy biển về hướng đông, và hai dấu đèn hiệu lơ mờ mỗi lúc một xa dần. Thôi! Thế là con tàu của tôi đã bỏ tôi rồi! Tôi cảm thấy mình không thể nào thoát khỏi tay tử thần nữa.

Tôi chơi với lao mình về hướng con tàu, gọi to:

– Cứu tôi với! Cứu tôi với!

Quần áo tôi vương vীu, làm cho tôi cử động rất mệt nhọc.

Tiếng kêu cứu cuối cùng vừa ra khỏi cổ, thì miệng tôi đầy ọc nước, và tay chân tôi không còn vùng vẫy được nữa. Tôi lần lần chìm xuống.

Bỗng tôi cảm thấy như có một bàn tay khỏe mạnh, nắm lấy áo tôi, lôi tôi lên mặt biển, và tai tôi nghe giọng nói quen thuộc:

– Ông hãy vịn lấy vai tôi mà bơi.

– A! Té ra là tiếng nói của Côn-Sơn.

Tôi nắm tay tên đầy tớ trung thành của tôi, nói hỗn hển:

– Anh đấy sao? Anh Côn-Sơn!

Côn-Sơn đáp:

– Thưa ông, chính tôi đây.

– Anh cũng bị té xuống nước như tôi, trong lúc con tàu bị đụng sao?

– Thưa ông, không. Vì tôi là kẻ phục vụ cho ông nên trong trường hợp nào tôi cũng phải theo ông.

Ồ! Chỉ có những kẻ trung thành mới xem những hành động đó là thường sự.

Tôi hỏi tiếp:

– Còn con tàu Lanh-Công?

Côn-Sơn đưa mắt nhìn quanh, rồi đáp:

– Tôi tưởng chúng ta không còn trông cậy vào con tàu ấy nữa.

– Tại sao thế?

– Vì, lúc tôi sắp nhảy xuống biển, tôi nghe các thủy thủ la: “Chong chóng và bánh lái bị gãy rồi.”

– Gãy rồi à?

– Phải, thưa ông, có lẽ bị chạm vào hàm răng của con thủy quái.

– Thế thì chúng ta nguy mất !

Côn-Sơn trầm tĩnh đáp:

– Có lẽ! Nhưng ít ra chúng ta cũng còn sống được hai tiếng đồng hồ nữa, và trong hai giờ đồng hồ ấy biết đâu sẽ có nhiều thay đổi bất ngờ.

Thái độ can đảm và bình tĩnh của Côn-Sơn đã trấn an tôi một phần nào. Tôi cố hết sức để vùng vẫy trên mặt nước. Nhưng áo quần của tôi nặng quá, rất khó mà bơi lội.

Côn-Sơn thấy vậy nói:

– Ông cứ để tôi cởi mở áo quần của ông cho.

Nói xong, Côn-Sơn thò tay vào túi

áo, lấy con dao nhỏ, mò mẫm xẻo từng mảnh vải, vớt đi.

Thoát ra khỏi mấy lớp áo quần, người tôi thấy nhẹ nhàng, khỏe khoắn. Và, đến lượt tôi, tôi cũng phải làm theo phương pháp ấy để cởi mở cho Côn-Sơn.

Đoạn hai chúng tôi dìu nhau bơi trên mặt nước.

Tuy nhiên, hoàn cảnh chúng tôi không kém phần hiểm nghèo. Vì, theo lời của Côn-Sơn, con tàu Lanh-Công đã bị gãy bánh lái và chong chóng rồi, làm sao có thể đến cứu chúng tôi được nữa. Chúng tôi chỉ còn hy vọng gặp được một chiếc xuồng nào trên con tàu Lanh-Công thả xuống nơi đó mà thôi. Chúng tôi cố sức kéo dài cái thời gian hy vọng ấy bằng cách vận dụng hết sức lực để chiến đấu với tử thần.

Côn-Sơn và tôi mỗi người thay phiên nhau nghỉ để dưỡng sức khỏe. Cứ cách độ năm sáu phút, một trong hai chúng tôi nằm ngửa ra, vòng tay lên ngực, chân duỗi thẳng, để cho người khác vừa bơi, vừa đẩy đi. Và cứ thế thay đổi mãi. Nhưng, hy vọng của lòng người không bờ bến, mà sức con người lại có hạn, nên chỉ trong vài tiếng đồng hồ, chúng tôi lần lần kiệt sức.

Chiếc tàu Lanh-Công và con thủy quái chạm nhau vào lối mười một giờ khuya. Tôi tỉnh ra, cho đến sáng, tôi phải bơi đến tám tiếng đồng hồ. Ôi! Số phận mỏng manh làm sao! Chi có điều may mắn là mặt biển phẳng lặng không có sóng to. Thỉnh thoảng tôi đưa mắt nhìn qua màn đen, ánh trăng nhuộm vàng có mặt nước, tựa hồ như chúng tôi đang bơi trong bể nước vàng vậy.

Vào khoảng một giờ sáng, tay chân tôi cứng đờ, không còn làm sao cựa quậy được nữa. Côn-Sơn phải đỡ lấy tôi và tánh mạng của hai tôi chỉ còn trông cậy vào sức khỏe của Côn-Sơn mà thôi.

Qua một lúc, tôi nghe hơi thở của Côn-Sơn dồn dập và ngắn dần. Tôi hoảng hốt, hét lên:

– Hãy buông tôi ra! Hãy buông tôi ra! Côn-Sơn!

Côn Sơn hỗn hển nói:

– Buông ông ra? Không đời nào! Nếu có chết thì tôi là người chết trước ông!

Giữa lúc đó, một vùng mây xám kéo về phía trời đông, phủ kín cả mặt trăng, làm cho lòng tôi càng thêm khủng khiếp. Nhưng chẳng bao lâu, vùng mây lướt qua khỏi ánh sáng tỏ rạng như thường. Tôi cố

ngoi đầu lên mặt nước nhìn quanh bốn phía một lần chót nữa trước khi tuyệt vọng. Bỗng tôi thấy con tàu Lanh-Công, ở cách xa tôi năm dặm. Cố gắng lắm, tôi chỉ trông thấy nó như chấm đen lơ mờ. Và, xung quanh tôi, tuyệt nhiên không có một chiếc xuồng nào cả.

Tôi muốn kêu lên. Nhưng kêu để làm gì với một khoảng cách mênh mông như thế! Hà miệng ra chỉ để làm cho nước dễ chun vào bụng mà thôi!

Bỗng, tôi nghe tiếng Côn-Sơn gọi to:

– Cứu chúng tôi! Hãy cứu giùm chúng tôi!

Tôi lảng lạng nín thở để nghe thử may ra có tiếng trả lời nào chẳng. Lỗ tại tôi đã bị ù, song hình như tôi thoáng nghe có tiếng ai đáp lại tiếng kêu cứu của Côn Sơn.

Tôi hỏi:

– Anh có nghe gì không?

– Có! có!

Và, Côn-Sơn gắng sức kêu lên một lần nữa.

Lần này, chúng tôi quả quyết không lầm. Một tiếng người đáp lại tiếng kêu của Côn-Sơn. Nhưng người nào vậy? Có lẽ một kẻ nào trên con tàu Lanh-Công đã bị rơi xuống biển như chúng tôi chẳng? Hay một chiếc xuồng của tàu Lanh-Công cho đến cứu chúng tôi?

Côn-Sơn rán sức đỡ lấy vai tôi, trong lúc ấy tôi cố ngoi đầu lên khỏi nước, nhưng sức tôi đã kiệt, không cất đầu lên nổi nữa.

Tôi thì thảo hỏi:

– Anh có trông thấy gì không?

Cũng bằng hơi thở thì thảo, Côn Sơn đáp lại:

– Tôi có thấy... có thấy... Nhưng đừng nói chuyện. Hãy giữ lấy sức!

Chẳng biết Côn-Sơn đã trông thấy gì. Trong ý tôi có cảm giác như con thủy quái kia trở lại để kết liễu cuộc đời bạc mạng của chúng tôi vậy! Nhưng tôi lại nghĩ: “Không lẽ! Vả lại, tiếng đáp lại lời kêu cứu của Côn Sơn là tiếng người, kia mà!”

Cứ thỉnh thoảng Côn-Sơn ngoi đầu lên, nhìn về phía trước mặt kêu cứu. Và tiếng người đáp lại mỗi lúc một gần hơn.

Tuy nhiên, tai tôi không còn nghe được gì nữa cả. Sức tôi đã đến lúc kiệt quệ. Tay tôi không những không còn còn

cử động được, mà cũng không còn có thể bầu vào một vật gì được nữa. Miệng tôi há hốc, để mặc cho nước biển chun vào. Khấp mình tôi lạnh toát. Tôi ngoi đầu lên lần cuối cùng rồi chìm xuống. Giữa lúc ấy, một vật gì rất cứng chạm vào người tôi, và tôi cảm thấy tôi được lôi lên mặt nước. Lần hồi tôi tỉnh lại, mở mắt ra, thì thảo hỏi:

– Côn-Sơn!

Có tiếng Côn Sơn đáp:

– Thưa ông gọi tôi?

Ánh trăng đã chênh chếch về hướng tây, luồng ánh sáng chiếu xuyên qua mặt sóng. Tôi thoáng thấy người bên tôi không phải là Côn-Sơn, mà là Nễ-Lang, tôi thất kinh la hoảng:

– Nễ-Lang!

Nễ-Lang đáp:

– Thưa ông, chính tôi đây.

– Anh cũng bị té xuống biển như tôi sao?

– Phải, và may mắn hơn ông, tôi được bước chân lên trên một hòn cù lao nổi!

– Hòn cù lao nổi à?

– Phải, cái mà ông gọi là con Độc-giác-ngư khổng lồ đó!

– Thế nào? Anh nói rõ cho tôi nghe, anh Nễ-Lang.

– Nhờ vậy mà tôi mới biết tại sao mũi lao của tôi không găm vào mình nó, mà lại chạy trượt ngoài da.

– Tại sao? Nễ-Lang! Hãy nói đi!

– Bởi vì con vật này bằng sắt!

Câu nói của Nễ-Lang làm cho tôi ngơ ngác, hỏi:

– Thế ra tôi và anh hiện đứng trên lưng con thủy quái ấy sao?

– Đúng vậy.

– Còn Côn Sơn đâu!

Côn Sơn nghe hỏi đến mình, vội lên tiếng:

– Thưa ông, tôi đây ạ!

Thì ra trong lúc hai người đang chơi với, sắp hiến thân cho tử thần, được Nễ-Lang trông thấy, lôi cả hai, đặt lên lưng con thủy quái, nơi mà anh ta vừa gọi là hòn cù lao nổi.

Tôi lấy chân di mạnh xuống lưng con thủy quái thì quả đúng như lời Nễ-Lang đã nói, vật đó bằng một chất cứng chứ không phải mềm như da thịt của những loài có vú dưới biển.

Tôi tự nghĩ: “Có lẽ là một con vật có vỏ cứng như loài rùa, loài hến chẳng?”

Nhưng không, chính tại tôi còn nhớ rõ tiếng dội khi Nễ-Lang ném mũi lao tới. Tiếng dội ấy là tiếng của hai vật bằng sắt chạm nhau kia mà!

Không còn nghi ngờ gì nữa! Hẳn là một loại tàu ngầm của một bàn tay bí mật nào đã sáng chế theo hình tượng một con vật khổng lồ.

Sau một vài phút suy đoán, Nễ-Lang, Côn-Sơn và tôi đều nghĩ như thế.

Tôi hỏi Nễ-Lang:

– Thế thì trong ruột của vật này thế nào cũng phải có một bộ máy và một đoàn người để điều khiển nó chứ?

Nễ-Lang đáp:

– Chắc chắn là vậy rồi! Song tôi ở trên lưng nó đã hơn hai giờ mà vẫn không thấy động tịnh gì cả.

– Con tàu này nó không chạy sao?

– Không, ông Long-Đắc ạ! Tôi có thấy mấy cánh quạt nó cử động, nhưng nó vẫn đứng nguyên một chỗ.

– Thế mà nó lại có một tốc độ phi thường như chúng ta đã thấy.Ồ! Vậy thì tốc độ ấy thế nào cũng phải do một bộ máy, và ít ra cũng phải do một hoa tiêu điều khiển. Hẳn chúng ta khỏi chết rồi!

Nễ-Lang lòng vẫn còn nghi ngại.

Giữa lúc đó, hình như để chứng minh sự nhận xét của tôi là đúng, một tia nước nóng phụt ra đằng sau vật ấy, rồi một vật gì như một loại chong chóng quay mạnh, đẩy vật ấy từ từ đi tới. Chúng tôi hoảng vía, mỗi người cố bám vào những chỗ gồ của vật ấy, nổi lên khỏi mặt nước độ tám mươi phân tây.

May thay! Nó không chạy mau lắm!!!

Nễ-Lang lẩm bẩm:

– Ủ! Mày chạy mau đến bậc nào, chúng ta cũng không sợ bằng mày lặn xuống nước.

Thật vậy, lúc bấy giờ, tuy là khỏi chết, nhưng mạng chúng tôi rất mỏng manh. Cần nhất là phải làm sao liên lạc cho được với những kẻ đang điều khiển guồng máy của vật khổng lồ ấy. Tôi cố

sức tìm xem trên mặt vật ấy có một cánh cửa nào ăn thông vào bên trong không, nhưng tuyệt nhiên, đâu đâu cũng nhẵn thín, không một dấu vết gì cả.

Và lại, lúc đó trăng vừa lặn. Chúng tôi đứng trước một bóng tối dày đặc khó mà phân định cho nổi.

Mỗi người chúng tôi ôm chặt vào vật mà chúng tôi gọi là tàu ngầm, để chờ trời sáng sẽ hay. Không ai còn hy vọng con tàu Lanh-Công đến cứu mình nữa.

Chiếc tàu ngầm đưa chúng tôi về hướng tây với tốc độ mười hai dặm một giờ. Cánh quạt đều đều quấy nước. Thỉnh thoảng phụt lên những tia nước sáng lóng lánh.

Vào khoảng bốn giờ sáng. Chiếc tàu ngầm tăng thêm tốc lực lôi chúng tôi đi

khá mạnh, và dòng nước như muốn đẩy chúng xuống bể sâu. May thay Nễ-Lang bắt gặp được một vật máy móc gì gắn dính liền trên vỏ tàu, và chúng tôi cố sức bầu vào đấy rất chặt.

Lẽ ra, trước cảnh tượng ấy, óc tôi phải suy đoán rất nhiều, nhưng vì sức tôi đã kiệt, suốt đêm dờ sống dờ chết, nên cũng chỉ nằm thừ ra đó mà thôi. Điều mà bắt tôi phải suy nghĩ là cái sống hiện tại: Chẳng biết trong con tàu ngầm ấy có những giống người nào? Làm sao để liên lạc với họ? Họ đã dùng loại máy móc gì để có thể đạt được một tốc độ phi thường như vậy?

Bình minh vừa ló bóng. Màn sương mù buổi sáng bao phủ cả mặt sóng xanh. Tuy nhiên, chỉ trong chốc lát ánh mặt trời lóe lên thì mọi nơi đều thanh bạch. Giữa lúc tôi để ý nhận xét phần trên của

vỏ tàu — bằng một loại vỏ sắt dày — thì con tàu từ từ lặn xuống.

Chúng tôi ai nấy biến sắc, đưa mắt nhìn nhau, thấu hiểu việc hiểm nghèo sắp tới.

Nễ-Lang dậm mạnh chân xuống vỏ tàu, nguyên rủa:

– Đồ khốn nạn! Hãy mở cửa ra mau, quân cướp biển!

Tuy giọng của Nễ-Lang hét lên to thật song bị chìm lấy giữa những tiếng xạc xào của những cánh quạt của con tàu.

May thay! Con tàu bỗng nhiên dừng lại, không lặn sâu xuống nữa, và bên trong lớp vỏ sắt ấy, có tiếng khua động, rồi một miếng sắt được giở lên, có bóng một người đàn ông xuất hiện.

Vừa trông thấy chúng tôi, người ấy hét lên một tiếng kinh khủng và chạy biến vào trong.

Vài phút sau, tám người đàn ông lực lưỡng, mặt mày trùm kín, tiến ra nơi cánh cửa lúc ban nãy, bắt chúng tôi, lôi vào bên trong cái guồng máy khổng lồ ấy.

CHƯƠNG 8

CHUYỂN ĐỘNG TRONG YẾU TỐ CHUYỂN ĐỘNG

Bị bắt một cách chớp nhoáng, chúng tôi không có thì giờ nào để xét định cả. Tôi chẳng hiểu họ bắt chúng tôi vào trong đó để làm gì. Tuy nhiên, cả người tôi đều rờn óc. Tôi định ninh rằng họ là những quân cướp biển thuộc giống người man rợ nào đó.

Chúng lôi tôi vào khỏi cửa hầm thì

cánh cửa đã đóng sầm lại, bốn bề tối mịt. Vì con mắt từ ngoài sáng vào trong tối, nên không trông thấy gì nữa cả. Chân tôi phải leo xuống một cái thang bằng sắt. Nễ-Lang và Côn Sơn ở đằng sau cũng níu lấy tôi mà xuống theo.

Xuống đến chân thang, chúng mở ra một cánh cửa gần đây, đẩy chúng tôi vào trong rồi đóng lại.

Chúng tôi ở đây một mình. Nhưng đây là đâu? Tôi không tài nào hiểu nổi. Bốn bề đen ngịt, một màu đen dày đặc, mà sau đó mấy phút đồng hồ, mắt tôi vẫn như người mù, không tìm thấy được một tia sáng.

Nễ-Lang cau có, la ối óng:

– Thật là quân khốn nạn! Chúng nó quả là giống ăn thịt người rồi!

Không còn nghi ngờ gì nữa! Song tôi nói chắc rằng dù chúng có ăn thịt tôi, tôi cũng hả dạ. Côn-Sơn, với giọng trầm tĩnh, xen vào:

– Hãy bình tĩnh đã, anh Nễ-Lang ơi! Không nên giận dữ trước khi chúng hành sự. Vả lại chúng ta chưa phải đang ở trong một lò quay mà!

Nễ-Lang phì môi, nói:

– Không đâu! ăn thịt người chúng cần gì phải quay. Chúng chỉ nhốt trong cái lồng này thôi! A! May thay, lưỡi dao găm của tôi còn đây, chưa mất. Tôi sẽ sử dụng nó một cách xứng đáng. Thằng ăn cắp nào mó đến mình tôi thì...

Tôi vội vã nói với Nễ-Lang:

– Không nên giận dữ như thế, anh Nễ-Lang ạ! Anh chớ nên chống đối một

cách vô ích như vậy. Biết đâu họ sẽ nghe theo chúng mình. Trước nhất, chúng ta phải nhận xét xem chúng ta hiện ở nơi đâu đã!

Nói xong, tôi lần mò bước tới. Đi được năm bước, trước mặt tôi là một bức tường sắt, có vắn vào đầy những con bù lon khá lớn.

Tôi lùi trở lại, chạm phải một chiếc bàn bằng gỗ, xung quanh có để nhiều ghế đẩu. Bên dưới có trải một lớp đệm dày nên đi ít nghe tiếng động. Các vách tường xung quanh đều bằng sắt và không có dấu một khung cửa hay một cánh cửa sổ nào. Côn-Sơn đi một vòng ngược chiều với tôi, và gặp tôi ở giữa phòng. Theo đó, tôi phỏng định căn phòng ấy bề dài chừng hai mươi bước, và bề rộng độ mười bước. Còn chiều cao mặc dầu Nễ-

Lang, anh chàng cao lêu nghêu ấy cũng không với tới.

Độ nửa giờ sau, trong lúc căn phòng chúng tôi đang tối mịt, bỗng nhiên, sáng rực. Một thứ ánh sáng le lói đến nỗi chúng tôi phải nhắm mắt lại. Qua vài phút, quen dần, tôi mới mở mắt ra được, và trông thấy ánh sáng ấy phát ra quanh chiếc tàu ngầm mà mọi người đã trông thấy.

Nễ-Lang la lớn:

– A! Tốt! Hết tối rồi lại sáng.

Miệng nói, mà tay anh vẫn luôn luôn cầm con dao thủ thế.

Tôi nói:

– Phải, sáng rồi! Nhưng số phận chúng ta còn đen tối lắm.

Côn-Sơn đưa mắt nhìn tôi, nói:

– Xin ông cứ kiên nhẫn đã!

Trước luồng ánh sáng ấy, trong phòng không còn một cái gì che mắt chúng tôi được nữa. Giữa phòng chỉ có một cái bàn và năm chiếc ghế bằng gỗ. Cánh cửa vào cũng bằng sắt, đóng kín mít không có một kẽ hở. Không có mọi tiếng động nào bên ngoài có thể lọt vào tai chúng tôi được. Và hình như bên ngoài đâu đấy đều lặng im. Chẳng biết con tàu hiện giờ đang chạy, đang nổi trên mặt biển, hay đang lặn xuống bể sâu? Thực khó biết được.

Tuy nhiên, chiếc vòng bán nguyệt kia bức sáng lên, không lẽ không có lý do.

Tôi hy vọng sẽ có người vào hỏi chúng tôi. Vì, nếu họ quên chúng tôi, chiếc đèn kia không sáng lên làm gì.

Giả thiết, tôi không lầm. Bên ngoài có tiếng mở khóa, rồi cánh cửa mở ra, hai người tiến vào. Một người lùn, bắp thịt nở nang, hai vai rộng, tay chân lực lưỡng, tóc đen và dài, làn râu mép dày cộm, đôi mắt sáng quắc, tỏ vẻ thông thái. Với dáng điệu ấy tôi đoán chừng như một người Pháp. Song tôi cũng khó mà tin chắc, vì, ông ta luôn luôn nhìn tôi với một cái nhìn bờ ngỡ, lạ lùng.

Người thứ hai, có nhiều nét đặc biệt hơn: Đôi mắt đen lay láy, với cái nhìn trầm tĩnh và lạnh nhạt, tỏ ra một người tự tin – Làn da hơi tái, biểu lộ một đức tánh kiên nhẫn, và trầm lặng – Bắp thịt của đôi chân mày lúc nào cũng cử động, chứng tỏ một sức cương nghị – Và, hơi

thở khoan thai, tỏ ra một kẻ nhiều can đảm.

Người này độ chừng bốn, năm mươi tuổi – rất khó định – Khổ người cao, trán rộng, mũi thẳng, hai tay thon và dài, nói chung là hình dáng của một kẻ có một tiềm tàng và trí thức.

Cả hai người đều đội mũ lông rái biển, và đi giày da hải cẩu. Quần áo toàn bằng loại vải đặc biệt giúp cho việc cử động rất dễ dàng.

Trong hai người đó, người cao hơn có lẽ là vị chúa tàu. Ông ta nhìn chúng tôi bằng con mắt dò xét, nhưng chẳng nói một lời nào.

Đoạn, quay qua người bạn trao đổi vài câu bằng thứ tiếng riêng, một thứ tiếng dịu dàng và trong trẻo, mà chúng tôi không một ai hiểu nổi.

Qua một lúc, ông ta quay nhìn tôi. Trong cái nhìn ấy hình như ông ta muốn hỏi tôi điều gì vậy.

Bằng tiếng Pháp, tôi trả lời rằng tôi không hiểu ngôn ngữ của ông ta.

Tuy nhiên, vẻ mặt ông ta ngơ ngác, hình như ông ta cũng không hiểu ngôn ngữ của tôi.

Thật bối rối làm sao!

Côn Sơn nói:

– Ông nên kể qua hoàn cảnh của chúng ta. Tôi đoán chắc các ông ấy cũng sẽ hiểu được đôi phần. Nghe lời Côn Sơn, tôi tiếp tục kể về những sự rủi ro của chúng tôi vừa qua, giới thiệu tên họ của mỗi người chúng tôi, và cuối cùng yêu cầu họ cho chúng tôi biết họ muốn bắt chúng tôi để làm gì.

Người có đôi mắt sáng và trầm lặng, đứng chăm chú nghe với cử chỉ có vẻ lễ độ lắm! Tuy nhiên, qua nét mặt, tôi có cảm giác là ông ta không hiểu tôi nói gì cả.

Khi tôi dứt lời, ông ta không đáp lại một tiếng nào.

Ôi! Biết làm sao bây giờ! Tôi tự nghĩ:

– “Bây giờ chỉ có cách dùng tiếng Anh, vì thứ tiếng này thông dụng hơn, may ra có làm cho họ hiểu một đôi tiếng chẳng. Tôi biết tiếng Anh, và cả tiếng Đức nữa. Nhưng về tiếng Đức thì chỉ biết đọc trôi chảy chứ chưa có thể nói thông suốt được. Ô! dầu sao đi nữa, cũng phải tìm cách làm cho họ hiểu mình chứ.”

Tôi nói với Nễ-Lang:

– Bây giờ đến lượt anh, anh dùng

tiếng Anh nói với họ thử, may ra có kết quả chăng?

Nễ-Lang không đợi bảo đến lần thứ hai, bước đến nói lại cũng với bao nhiêu ý của tôi đã nói, và cuối cùng anh ta phàn nàn thêm về việc đói khát.

Thực vậy, đã trên hai mươi bốn tiếng đồng hồ, chúng tôi không được ăn uống gì cả. Lời phàn nàn của Nễ-Lang cũng là một điều cấp thiết.

Nhưng, dầu có cấp thiết đến đâu mà họ không hiểu thì cũng không ích gì. Sau lời nói của Nễ-Lang hai người kia vẫn với vẻ mặt lạnh lùng, không có chút gì đổi khác cả.

Côn-Sơn thấy vậy nói với tôi:

– Thưa ông, xin phép ông cho tôi được thí nghiệm lần cuối cùng.

Tôi hỏi:

– Anh định làm sao?

– Tôi nói bằng tiếng Đức.

– Anh biết tiếng Đức à?

– Vâng, tôi nói thạo như một người Đức chính cống.

– Thế thì tốt lắm! Anh cứ nói đi!

Côn-Sơn, với giọng trầm tĩnh, kể lại lần thứ ba hoàn cảnh của chúng tôi vừa xảy ra. Và, mặc dầu giọng nói của anh ta có vẻ hùng hồn, song cũng không đem lại một kết quả nào cả.

Côn-Sơn vừa dứt lời, hai người trao đổi nhau bằng vài tiếng riêng biệt, rồi bỏ ra, Cánh cửa phòng đóng chặt trở lại, và trong phòng ngập tràn nỗi thất vọng.

Nễ-Lang hậm hực, chửi rửa luôn miệng:

– Thực là khốn kiếp! Người ta nói với chúng nó cả tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức, thế mà chúng nó không hiểu được một tiếng nào! Quân chó má!

Thấy Nễ-Lang quá nóng tính, tôi tỏ ý can gián:

– Hãy trầm tĩnh, Nễ-Lang! Nóng giận có ích gì đâu.

Nễ-Lang trở đôi mắt sáng quắc như muốn chọc thủng bức tường sắt, và nhìn tôi nói:

– Nhưng, người ta bắt chúng mình phải chết đói trong cái lồng này sao?

Côn-Sơn nhún vai nhìn Nễ-Lang có ý trêu tức:

– Ô! Có chết đói cũng còn lâu!

Tôi nói:

– Này các bạn! đừng nên vội thất vọng. Trong cái rủi ro, biết đâu chúng ta có thể tìm được những việc bất ngờ. Các bạn hãy thử cùng tôi nhận xét xem viên Thuyền trưởng và đoàn tùy tùng này thuộc về giống người nào.

Nễ-Lang bấu môi nói:

– Tôi đã có nhận xét rồi đấy. Chúng nó là những quân mọi rợ.

– Được, nhưng mọi rợ ở xứ nào?

– Ở xứ mọi rợ!

– Nễ-Lang ạ! Tôi tưởng nguồn gốc của hai người này khó mà hiểu được. Có lẽ họ không phải là người Anh, cũng không phải là người Pháp, cũng

không phải là người Đức. Theo nhận xét của tôi viên thuyền trưởng hẳn là một giống người thuộc về miền Nam. Trong người của họ mang ít nhiều tính chất của những dân tộc như Tây-ban-nha, Thổ-nhĩ-kỳ, A-rập, hoặc Ấn-độ chẳng hạn. Tuy nhiên, xét về hình thức khó mà quyết đoán được. Còn về ngôn ngữ thì không thể nào hiểu nổi.

Côn-Sơn nói:

– Không biết được hết các thứ tiếng thực là điều bực mình. Lẽ ra, trong hoàn cầu phải có một ngôn ngữ phổ thông duy nhất mới được.

Nễ-Lang càu nhàu, cãi lại:

– Duy nhất mà làm gì! Anh không biết rằng họ đặt ra thứ tiếng riêng của họ, để họ làm tai ngơ, mặt điếc, không chịu

cho chúng ta ăn uống hay sao? Thử hỏi, khắp các hang cùng ngõ hẻm trên mặt đất này, chúng ta cứ há miệng ra, nhai hàm răng, nhem nhép đôi môi, như thế dù cho bọn dã man đến đâu cũng phải hiểu rằng: “Tôi đói! Tôi cần ăn! hãy cho tôi ăn!”

Côn-Sơn mỉm cười nói:

– Biết đâu trong vũ trụ còn có giống người ngu dốt, không hiểu nổi cử chỉ đòi ăn của anh.

Côn Sơn nó vừa dứt tiếng thì cánh cửa lại mở. Một tên bồi tàu bước vào, đưa cho chúng tôi mấy bộ áo quần – theo lối y phục đi biển – bằng loại vải gì tôi không rõ được.

Chúng tôi vội vã tiếp lấy, mặc vào.

Giữa lúc đó, tên bồi tàu bước ra

ngoài, và đem vào đặt trên bàn ba bộ muông, nĩa ăn.

Vẻ mặt tên bồi tàu vẫn lăm lăm, lì lì như câm như điếc, không nói năng gì cả.

Côn-Sơn nhìn Nễ-Lang, nói:

– Kia, anh thấy gì trên bàn đó không? Cái đó mới là quan hệ, và dễ thông cảm nhứt.

Nễ-Lang vẫn càu nhàu:

– Hừ! anh biết ở đây người ta ăn gì không? Gan rùa, da cá mập, bít-tết hải cẩu!

Côn Sơn cười xòa:

– Cú để xem rồi sẽ thấy.

Những đĩa đồ ăn lần lượt đặt lên bàn, có đây những chiếc nắp bằng bạc.

Chúng tôi xúm lại ngồi ăn.

Cả một sự bất ngờ mà chúng tôi không ai đoán trước được. Đồ ăn toàn là những món cao lương mỹ vị, nấu nướng rất khéo léo. Trong các thức ăn, tôi chỉ nhận ra món cá hầm, còn ngoài ra, chẳng biết thuộc vào thức ăn gì. Tuyệt nhiên không có bánh mì và rượu, nhưng lại có nước, một thứ nước rất trong và mát – thứ này Nễ-Lang không thích. Đến những đồ dùng để ăn uống như muông, nĩa, cái nào cái nấy rất đẹp, và có vẻ sang trọng. Trên cán mỗi thứ đều có in một hàng chữ nổi: “Chuyển động trong yếu tố chuyển động”.

Câu này hẳn là yếu tố trong guồng máy của chiếc tàu ngầm này. Nhưng còn ở giữa hàng chữ ấy có chữ N, theo tôi dự đoán, chắc là tên của thuyền trưởng.

Nễ-Lang và Côn Sơn không thèm suy nghĩ gì cả, cứ lo ăn uống thôi. Và tôi, tôi cũng không tài nào chậm trễ được.

Khi bao từ chúng tôi đã thỏa mãn, lúc bấy giờ mỗi người chúng tôi đều cảm thấy buồn ngủ. Côn-Sơn lên tiếng trước tiên:

– Thôi phải ngủ một giấc đã!

Nễ-Lang nói tiếp:

– Ủ! phải đấy! Ngủ thôi!

Hai bạn tôi nói xong nằm dài xuống tấm đệm dưới sàn phòng, và chẳng bao lâu đã ngủ thiếp đi.

Về phần tôi, tuy suốt đêm mệt nhọc, nhưng không thể nào ngủ ngay được, vì trước mi mắt tôi hiện ra rất nhiều hình ảnh. Những cơn ác mộng đến quấy rầy

tôi. Tôi cảm thấy con tàu đang chui xuống dưới đáy biển sâu, và ở đấy, một thế giới kỳ lạ mà tôi chưa bao giờ từng thấy. Rồi cuối cùng, bộ óc tôi như bị mệt mỏi, tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

CHƯƠNG 9

CƠN GIẬN CỦA NỄ-LANG

Chúng tôi ngủ đã bao lâu, không rõ, nhưng hình như lâu lắm là phải, vì khi thức dậy, tôi cảm thấy trong người tôi hoàn toàn khỏe khoắn, không còn mệt nhọc gì nữa.

Tôi thức dậy trước tiên. Hai bạn tôi vẫn còn ngủ khì.

Qua một lúc, tôi để ý nhận xét căn phòng. Không có gì thay đổi cả. Cửa vẫn

đóng kín mít. Chỉ có khác là tên bồi tàu thừa lúc chúng tôi ngủ, trở vào dọn dẹp các thức ăn và lau bàn ghế sạch sẽ. Cảnh tượng ấy làm cho tôi phát sanh ra một ý nghĩ ngại ngùng. Chẳng biết người ta có ý định nhốt mãi chúng tôi trong cái lồng sắt này không.

Bỗng tôi cảm thấy ngực tôi khó thở. Không khí trong phòng trở nên nặng nề. Mặc dầu căn phòng rộng rãi nhưng hình như không còn đủ dưỡng khí nữa.

Thực thế, trong những giờ qua chúng tôi đã dùng tất cả dưỡng khí chứa trong cái lồng sắt ấy rồi: vì trung bình mỗi người chúng tôi mỗi giờ phải tiêu thụ một trăm lít không khí, và số không khí trong phòng hiện giờ đã thành thán khí không thể thở được nữa.

Vậy thì, điều cần yếu là phải làm sao

đổi không khí trong phòng chúng tôi mới được.

Việc này làm cho óc tôi nảy ra một ý nghĩ. Chẳng biết viên chỉ huy sử dụng con tàu ngầm này bằng cách nào? Ông ta có thứ máy móc nào làm ra dưỡng khí chẳng? Hay là trong trường hợp này ông ta lại phải liên lạc với mặt biển để thu nhận khí trời? Có lẽ là vậy. Ông ta phải cho con tàu trở lên mặt biển để lấy không khí như loài cá voi chẳng hạn.

Tuy nhiên, nếu con tàu ông ta sử dụng không khí bằng cách đó thì cũng phải làm gấp, nếu không, có thể nguy hiểm đến tánh mạng.

Trong lúc lồng ngực tôi đang như muốn ngạt thở, thì bỗng một luồng không khí bên ngoài thổi vào, làm cho hơi thở của tôi nhẹ nhõm, và tôi cảm thấy

căn phòng của tôi lay động.

A! Té ra con tàu chúng tôi đang ngoi lên mặt biển để lấy không khí! Trên trần phòng, một cánh cửa há hốc, thấy trời xanh, và không khí vào đầy mát rượi.

Tôi hả miệng, đưa ngực tới hàng trước, thở rất khoan khoái.

Giữa lúc ấy Nễ-Lang và Côn-Sơn cùng thức dậy một lúc. Hai người dụi mắt, nhìn tôi.

Với sự lễ phép thường lệ, Côn-Sơn hỏi:

- Thưa, ông ngủ ngon giấc chứ?
- Khá ngon giấc! Còn anh, Nễ-Lang?
- Ô! Tôi thì tôi ngủ lu bù! Nhưng hình như chúng ta đang thở hơi gió biển?

Một thủy thủ có bao giờ làm được điều ấy. Tôi chậm rãi kể lại cho Nễ-Lang nghe những gì đã xảy ra trong lúc anh ta đang ngủ.

Nễ-Lang nhún vai, nói:

– A! Như thế thì con tàu này cứ thỉnh thoảng phải ngoi lên mặt biển để thở! Và cũng vì vậy mà chúng ta mới bắt gặp nó trên mặt biển.

– Đúng vậy! Nễ-Lang ạ!

– Nhưng, không biết bây giờ là lúc nào nhỉ? Ít ra cũng đã là giờ ăn cơm tối rồi chứ?

– Ô! phải nói là giờ ăn cơm sáng chứ! Vì, chúng ta ở đây ít ra cũng đã hai ngày rồi!

Côn-Sơn nhướng đôi mắt, hỏi:

– Thế ra chúng ta đã ngủ đến hai mươi bốn tiếng đồng hồ sao?

Tôi đáp:

– Thì tôi cũng chỉ dự đoán thế thôi.

Nễ-Lang nói:

– Cơm tối hay cơm sáng gì cũng được, miễn là tên bồi phòng phải mang đến đây ngay.

Tôi nhìn Nễ-Lang, mỉm cười, nói:

– Chúng ta cứ kiên nhẫn chờ đợi. Tôi đoán chắc là họ không bỏ chúng mình chết đói đâu. Căn cứ vào bữa ăn vừa rồi thì biết.

Nễ-Lang lắc đầu, bĩu môi, nói:

– Thì muốn ăn thịt người, ít ra chúng cũng phải nuôi con mồi cho mập chứ!

Tôi cãi lại:

– Không đâu! Nhứt định chúng ta không phải rơi vào tay bọn ăn thịt người.

– Chưa chắc! một khi chúng ta chưa biết họ là ai thì chưa thể nào định quyết được.

– Đừng nên nghĩ thế, Nễ-Lang ạ! Nhứt là không nên gây hiềm khích với họ. Vì, như vậy không ích lợi gì cho hoàn cảnh chúng ta.

Nễ-Lang ngáp một hơi dài thườn thượt, nói:

– Muốn sao thì muốn. Nhưng bây giờ tôi đang đói, phải cho tôi ăn đã.

– Chúng ta cần phải phục tùng theo luật lệ trên con tàu này chứ. Theo ý tôi, có lẽ bao tử chúng ta đòi ăn quá sớm.

Côn-Sơn, với giọng bình thản, xen vào:

– Ô! cứ để đến giờ ăn, tự nhiên người ta sẽ đem đến cho chúng ta.

Nễ-Lang trở mắt nhìn Côn-Sơn, cãi lại:

– Tôi biết anh mà! Lúc nào anh cũng điềm tĩnh. Anh liệu tánh điềm tĩnh của anh có thể làm cho người ta dung tha anh không? Hay là phải chết đói trước khi van xin họ.

Côn-Sơn hỏi:

– Van xin để làm gì?

– Để họ dung tha chứ để làm gì nữa! Tôi nói chắc với anh, nếu bọn cướp biển – Tiếng cướp biển này tôi xin phép dùng theo nghĩa kính trọng hơn để khỏi mất

lòng ông Long-Đắc đã không bằng lòng gọi chúng là quân ăn thịt người – Nếu bọn cướp biển tưởng rằng nhốt mãi trong cái lồng sắt ghệt thờ này mà không nghe một lời nguyên rủa nào của tôi, thì hẳn chúng đã lầm! Anh Côn-Sơn! Anh có tin rằng chúng nhốt mãi chúng ta nơi đây không?

– Thực tình mà nói, thì tôi không có cảm giác như anh. Song nếu họ nhốt mãi thì anh sẽ làm gì?

– Sẽ làm gì à? Tôi sẽ thừa cơ hội thực hiện ý định của tôi.

Thấy Nễ-Lang quá bức tức, tôi xen vào nói:

– Anh Nễ-Lang ạ! Chưa biết người ta sẽ đối đãi với chúng mình như thế nào mà anh nóng nảy như vậy, chẳng đem lại

ích lợi gì cả. Một lần nữa tôi khuyên anh nên trầm tĩnh một chút. Đừng làm gì cả khi chưa cần phải làm.

Nễ-Lang đáp:

– Không. Ông giáo sư ơi! Tôi tưởng trái lại, cần phải hành động như thế nào chứ!

– Để làm gì?

– Để giải thoát chúng ta.

– Giải thoát một ngục tù trên đất liền còn khó thay, huống hồ là một nhà lao dưới nước. Điều đó không thể nào thực hiện nổi.

Côn-Sơn nói:

– Anh Nễ-Lang! Tại sao anh lại chống đối với người đáng bức đàn anh của mình? Tôi tưởng người Mỹ không

bao giờ nên có những thái độ như vậy.

Câu nói ấy làm cho Nễ-Lang im bật.

Một cuộc vượt ngục trong trường hợp đó không thể nào có cơ hội được. Nễ-Lang mặc dầu một người Mỹ lai Pháp, nhưng cũng có đủ thông minh để nhận thấy như thế.

Do đó, sau vài phút nghĩ ngợi, Nễ-Lang dịu giọng, quay qua hỏi tôi:

– Ông Long-Đắc, ông không muốn tìm cách để vượt ngục sao?

– Không, anh ạ!

– A! Nếu thế thì cũng nên thu xếp cách nào để sống nơi đây chứ.

Côn-Sơn mỉm cười nói:

– Còn xếp đặt thế nào nữa. Ở trong lồng tàu này không hơn ở trên mũi tàu hoặc dưới găm tàu sao?

Nễ-Lang cau mày đáp:

– Nhưng phải không còn những bọn chúa ngục, những bọn gác cửa kia chứ!

– Anh nói sao, anh Nễ-Lang? Anh nghĩ đến việc chiếm đoạt con tàu này à?

– Đúng vậy.

– Không thể được.

– Tại sao lại không thể được? Biết đâu chúng ta lại chẳng có một cơ hội thuận tiện đưa đến! Nếu ở trên tàu này chừng độ hai mươi người, tôi quả quyết rằng hai người Pháp, một người Gia-nã-đại như chúng mình, đủ sức thực hiện dự tính đó.

Muốn làm cho Nễ-Lang an lòng, tôi thấy cần phải nhận lời đề nghị của anh ta hơn là phản đối, vì vậy, tôi nhẹ giọng, nói:

– Hãy cứ để lúc nào có cơ hội thuận tiện đã, Nễ-Lang ạ! Bây giờ tôi yêu cầu anh cứ phải kiên nhẫn đã. Người ta thành công trong mưu chước chứ không phải thành công ở sự nóng nảy. Anh hãy hứa với tôi đi, đừng bao giờ nóng giận nữa.

Bằng một giọng có vẻ bình tĩnh, Nễ-Lang nói:

– Tôi hứa, với ông như thế, ông Long Đắc ạ! Từ nay tôi không nói một lời nào bướng bỉnh nữa, và cũng sẽ không có một cử chỉ nào nóng giận nữa đâu. Dẫu người ta bắt tôi nhịn đói, tôi cũng nằm im mà chịu vậy!

Tôi nhìn Nễ-Lang đầy vẻ trù mến, nói:

– Được anh hứa như thế, tôi không còn gì sung sướng hơn, anh Nễ-Lang ạ!

Câu chuyện chúng tôi đến đây chấm dứt. Mỗi người chúng tôi theo đuổi một ý nghĩ riêng.

Về phần tôi, tôi thú thực rằng, ý tưởng của Nễ-Lang không đem đến cho tôi một ảo ảnh nào. Tôi không hy vọng ở cái cơ hội thuận tiện mà Nễ-Lang vừa nói. Dẫu sao trong tàu này cũng không thể với một số ít người mà điều khiển được. Chống chọi với họ không phải là dễ. Và lại, muốn làm gì đi nữa, trước nhất phải được ra vào tự do đã, mà chúng tôi làm sao có thể tự do ra vào được. Khuôn cửa đóng kín mít như thế kia, viên Thuyền trưởng tỏ ý đề phòng rất cẩn mật, đòi

nào ông ta lại để cho chúng tôi có cơ hội hành động trên con tàu này.

Nhưng, bây giờ, nếu chúng tôi không bạo động, phục tùng theo mệnh lệnh, thì một ngày nào đó họ có thể chúng tôi lên đất liền không? Thật khó mà đoán được. Bao nhiêu lý luận của tôi đưa tôi đến chỗ nan giải.

Chỉ có Nễ-Lang, trong óc anh ta tràn trề hy vọng tự giải thoát lấy mình. Thỉnh thoảng, tôi nghe những tiếng nguyên rủa lảm bảm trong cổ họng anh ta, và cử chỉ anh ta trở nên hung dữ. Anh ta đứng dậy, đi rảo xung quanh phòng, đôi mắt đỏ ngầu như một con thú dữ nhốt trong cũi sắt vậy. Cứ chốc chốc, anh ta đến, đá vào vách sắt.

Hơn nữa, thì giờ lặng lẽ trôi qua, cơn đói chúng tôi mỗi lúc một tăng thêm, thế

mà tên bồi phòng vẫn không thấy đến. Nếu họ là những kẻ có thiện ý đối với chúng tôi, thì sao họ lại bỏ quên chúng tôi lâu như thế được.

Nễ-Lang, vì bao tử của anh ta đòi hỏi quá mạnh làm cho anh ta như điên như dại, la hét, gào thét vang cả căn phòng, nhưng không ích gì, Bốn vách tường sắt như câm như điếc. Bên ngoài không một tiếng động. Đâu đó im lặng, một thứ im lặng hãi hùng.

Hai tiếng đồng hồ nữa trôi qua, hai tiếng đồng hồ chúng tôi sống trong thấp thỏm, giày vò. Tôi không còn hy vọng chờ đợi nữa. Ý định dùng thiện cảm để chinh phục viên Thuyền trưởng lần lần phai mờ trong óc tôi. Trước đây tôi quan niệm viên Thuyền trưởng là một kẻ cao thượng, hiền từ, quý phái, nhưng lúc bấy giờ những hình ảnh ấy tiêu tan đâu mất,

nà trước mắt tôi trở lại thấy ông ta là một người độc ác, sâu hiểm, một kẻ nhìn đời bằng con mắt oán hờn. lãnh đạm trước mọi đau thương, một con người đứng ngoài vòng nhân tình thế sự.

Tuy nhiên, dầu sao đi nữa, cái con người ấy lại có thể nhẫn tâm, nhốt chúng tôi vào cái lồng sắt này, để giết chúng tôi bằng một cách kinh khủng vậy sao? Bao nhiêu ý nghĩ rùng rợn xoay mãi trong óc tôi, giữa lúc ấy Côn-Sơn vẫn ngồi bình tĩnh, và Nễ-Lang vẫn cứ găm thét không ngớt.

Bỗng bên ngoài có tiếng động. Tiếng bước chân dồn dập trên sàn sắt. Tiếng chìa khóa rồn rảng. Cánh cửa mở, và tên bồi phòng bước vào.

Tôi chưa kịp đề phòng thì Nễ-Lang đã nhảy vọt tới, vạt tên bồi phòng đè xuống

bóp cổ. Côn-Sơn và tôi vội vã chạy đến gỡ hai bàn tay của Nễ-Lang ra. Hai bàn tay của Nễ-Lang cứng như sắt. Lúc gỡ ra được thì tên bồi phòng suýt tắt thở.

Bỗng sau lưng tôi có một giọng nói vang đến, bằng tiếng Pháp, làm cho chúng tôi ai nấy đều kinh ngạc:

– Hãy bình tĩnh Nễ-Lang. Và, ông Giáo sư, yêu cầu ông hãy nghe tôi nói đây.

CHƯƠNG 10

CON NGƯỜI CỦA BIỂN CẢ

Cính viên Thuyền trưởng đã nói câu nói ấy.

Nễ-Lang nghe tiếng vội vàng đứng phắt dậy. Tên bồi tàu được lệnh của chủ, lão đảo bước ra ngoài. Côn-Sơn mặc dầu trầm tĩnh đến đâu cũng không khỏi ngạc nhiên. Còn tôi, tôi đứng nhìn trần trối, đầy vẻ kinh ngạc.

Viên Thuyền trưởng bước vào, đứng

dựa lưng nơi góc bàn, hai tay vòng trước ngực, nhìn chúng tôi, hết người này đến người khác, không nói gì cả.

Ông ta còn chờ gì mà không nói? Hay ông ta đang hối tiếc câu nói bằng tiếng Pháp mà ông ta vừa thốt ra? Chúng tôi đoán như thế.

Sau một lúc yên lặng, bầu không khí trong phòng như nặng trĩu, viên Thuyền trưởng bắt đầu nói bằng một giọng trầm tĩnh và sâu sắc:

– Các ngài ạ! tôi nói được cả tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng Đức. Đáng lẽ tôi tiếp xúc với các ngài ngay lúc mới gặp nhau ban đầu, song, trước tiên tôi muốn tìm hiểu các ngài đã. Qua các lời trình bày, tôi được biết, hoàn cảnh bất ngờ đã đưa đến cho tôi được gặp ông Long-Đắc, Giáo sư vạn-vật-học ở viện Bác-vật Ba-

lê; Côn-Sơn người đầy tớ của ông ta và Nễ-Lang, người Gia-nã-đại, thiện nghệ về môn ném lao, ở trên con tàu Lanh-Công của Hiệp chủng quốc.

Ông ta nói đến đây dừng lại. Tôi sẽ nghiêng mình tỏ vẻ công nhận lời nói ông ta là đúng. Thực ra, nếu không làm như thế, tôi cũng không biết phải làm gì hơn.

Giọng nói của ông ta rất đanh thép, cú pháp rất rành rẽ, gọn gàng tỏ ra một kẻ thông thạo về Pháp ngữ. Tuy nhiên tôi không có ý nghĩ ông ta là kẻ đồng hương với tôi.

Qua một lúc, ông ta nói tiếp:

– Ông Long-Đắc ạ! Có lẽ ông cảm thấy rằng tôi đã bỏ quên ông chăng? Không. Chỉ vì tôi được biết lý lịch của

ông, và muốn cân nhắc kỹ lưỡng xem cần phải đối xử với ông như thế nào. Tôi rất do dự. Điều làm cho tôi thắc mắc là ông đã có những hành động phá rối cuộc sống của tôi...

Tôi vội ngắt lời nói. Tôi đáp:

– Thưa ông, đó chẳng qua là một việc làm không cố ý.

Với giọng nói có hơi gắt gỏng, ông ta nói tiếp:

– Không cố ý ư? Con tàu Lanh-Công đuổi tôi khắp các mặt biển mà là không cố ý ư? Ông đi trên con tàu đó là một việc không cố ý ư? Những viên đại bác bắn vào con tàu tôi cũng là không cố ý ư? Nễ-Lang phóng mũi lao vào con tàu tôi là cũng không cố ý ư?

Những câu hỏi đó hàm chứa một cái gì giận dữ. Nhưng dầu sao tôi cũng phải tìm một lý lẽ để trả lời.

Tôi đáp:

– Thưa ông, chắc ông không rõ rằng hiện nay trên hai lục địa Âu-Mỹ đang xôn xao về chiếc tàu ngầm của ông. Những cuộc đụng chạm vừa rồi trên mặt biển do chiếc tàu của ông mà ra, làm cho mọi người không thể hiểu nổi. Họ cố khám phá một hiện tượng kỳ lạ, mà chỉ có ông mới hiểu được. Hơn nữa, ông nên nghĩ rằng, con tàu Lanh-Công đi tìm khắp trên mặt Thái-bình-dương với ý nghĩ là diệt trừ một giống thủy quái nào đó để tiện việc lưu thông trên mặt biển mà thôi.

Viên Thuyền trưởng mỉm một nụ cười, hỏi lại:

– Ông Long-Đắc! Ông quả quyết rằng con tàu Lanh-Công đã bắn đại bác vào chiếc tàu tôi với ý nghĩ là bắn một con thủy quái?

Câu hỏi này làm cho tôi lúng túng. Vì, thực ra, viên Thuyền trưởng Phan-Úc đã nóng tính, định giết một con vật khổng lồ bằng thứ vũ khí dùng để tiêu diệt tàu bè. Do đó, khó mà biện bạch được. Thấy tôi ngập ngừng, ông ta nói tiếp:

– Ông nên biết rằng tôi có quyền đối xử với ông như một kẻ thù.

Tôi đứng lặng thinh, không thềm biện bạch. Vì, biện bạch để làm gì khi mà sức mạnh có thể đàn áp được lẽ phải!

Viên Thuyền trưởng nói tiếp:

– Tôi do dự rất nhiều! Phải. Không có

gì bắt buộc tôi phải đối xử tử tế với ông cả. Nếu cần tàn nhẫn với ông, tôi không đến đây làm gì. Tôi bỏ các ông trở lại trên mũi tàu, và cho chiếc tàu lặn xuống. Thế là xong! Tôi có quyền làm như thế chứ?

Tôi đáp:

– Vâng, ông có quyền làm như thế thật, song là quyền của một kẻ tàn nhẫn chứ không phải quyền của một kẻ nhân đạo.

Viên Thuyền trưởng nói tiếp với giọng gắt gỏng:

– Ngài Giáo sư ạ! Tôi không phải là một kẻ nhân đạo! Đã từ lâu, tôi tách rời xã hội loài người với một lý do mà chỉ lòng tôi mới cảm thông nổi. Tôi đã không sống trong xã hội loài người thì việc gì tôi phải chịu sự ràng buộc của nó.

Tôi yêu cầu ông đừng bao giờ nói đến nhân đạo trước mặt tôi.

Sau câu nói ấy, đôi mắt viên Thuyền trưởng sáng quắc, chứa đựng một cái gì vừa căm hờn, vừa tự đắc. Tôi tự nghĩ:

– Hẳn trong cuộc sống của người này đã trải qua một dĩ vãng phi thường. Không những ông ta tự mình tách rời luật lệ của xã hội, mà còn tách rời cả cảm giác thiên nhiên nữa. Thật thế, một cuộc sống hùng cứ, riêng biệt như vậy cái gì bắt buộc ông ta phải lệ thuộc? Có kẻ nào dám theo ông ta xuống tận đáy biển không? Có con tàu nào dám đương đầu với chiếc tàu ngầm của ông ta trên mặt biển không? Hẳn là không! Xã hội loài người không có một quyền lực nào bắt ông ta phải lệ thuộc. Chỉ có Trời! Và nếu một lương tâm nào còn sót lại trong lòng ông ta thì đó là luật lệ đối với ông ta vậy.

Những ý nghĩ ấy qua trong óc tôi, trong lúc ông ta đứng im, vẻ mặt có đôi phần tư lự. Qua một đôi phút trầm lặng. Ông ta nói tiếp:

– Phải, tôi do dự rất nhiều! Nhưng cuối cùng tôi thấy cần phải có một đôi chút lòng bác ái của thiên nhiên. Số mạng đã đưa các ông đến đây, vậy thì, tôi sẽ cho các ông được tự do ở đây, miễn là ông tuân theo một điều kiện, và ông hứa với tôi luôn luôn phục tùng theo điều kiện ấy.

Tôi nói:

– Thưa ông, cứ nói. Tôi thiết tưởng điều kiện ấy không khó khăn gì đối với những kẻ chân thật như chúng tôi.

– Được, điều kiện như vậy: có thể trong một vài trường hợp bất ngờ nào

đó, buộc lòng tôi phải giữ các ông lại trong phòng này độ vài giờ, hoặc vài ngày chẳng hạn. Trong trường hợp đó tôi muốn các ông không bạo động, phải tuyệt đối phục tùng. Ngoài ra, tôi để các ông được hoàn toàn tự do. Bởi vì, tôi không muốn cho các ông thấy những cái không có quyền thấy. Điều kiện đó các ông có thỏa thuận chẳng?

Qua lời nói của ông ta, tôi tự nghĩ: “A! té ra trên con tàu này lại có những cái bí mật, mà những kẻ chưa tách rời luật lệ xã hội loài người, chưa được xem. Cái đó hẳn không phải là cái không quan hệ”.

Tôi đáp:

– Được, chúng tôi thỏa thuận, song tôi xin phép ông cho tôi hỏi một điều.

– Được, ông cứ nói.

– Ông nói rằng chúng tôi sẽ được tự do trên con tàu của ông?

– Phải, tự do hoàn toàn.

– Vậy thì, tôi xin phép ông cho tôi biết chúng tôi được tự do như thế nào?

– Được tự do đi lại, xem xét mọi vật, kể cả những gì xảy ra trên tàu này, – Chỉ trừ một đôi trường hợp đặc biệt – hoặc có thể tự do tiếp xúc với bạn bè tôi, hay với tôi cũng được.

Tôi nói:

– Nhưng, xin lỗi ông, tự do như vậy chẳng khác nào như những tù nhân được tự do đi lại trong ngục thất. Chúng tôi thấy chưa đủ.

– Phải như thế nào mới là đủ?

– Chúng tôi không bao giờ được trở về xứ sở, với bạn bè, với cha mẹ chúng tôi sao?

– Có lẽ như vậy, ông ạ! Vả lại, trở về với những gông cùm xiềng xích trên mặt đất, mà loài người cho là tự do, thì phỏng có ích gì!

Nễ-Lang hậm hực, xen vào nói:

– Thế thì, chẳng bao giờ chúng tôi được phép xin xỏ điều gì để tự giải thoát chúng tôi sao?

Viên Thuyền trưởng lạnh lùng nhìn Nễ-Lang đáp:

– Tôi bất chấp những lời xin xỏ!

Câu nói ấy làm cho con người bình tĩnh đến đâu cũng phải tức bực Tôi nói:

– Thưa ông, ông đã cạy vào địa vị

của ông mà áp-bức chúng tôi! Như thế quá độc ác!

– Không. Ông lầm! đó chính là sự khoan hồng! Các ông là những tù nhân của tôi, bị tôi bắt sau một cuộc đấu chiến. Tôi giữ các ông lại, trong lúc tôi chỉ cần nói lên một tiếng, các ông phải bỏ xác dưới đáy biển. Các ông đã xâm phạm đến tôi, các ông đã bất ngờ đến một nơi bí mật, mà không có một kẻ nào trên mặt đất có thể đến được, một bí mật của tất cả đời sống tôi! Thế mà các ông lại còn hy vọng trở về mặt đất, nơi mà đối với tôi, nó không còn có quyền biết đến nữa ư?Ồ! không bao giờ được! Tôi giữ các ông nơi đây không phải vì các ông, mà chính là vì tôi!

Câu nói của viên Thuyền trưởng có vẻ danh thép và quyết đoán, chứa đầy cảm phần.

Tôi thấy không còn có thể dùng lời lẽ để cảm phục được, nên nói:

– Thưa ông, như thế nghĩa là ông chỉ cho phép chúng tôi lựa chọn cái chết và cái sống, thế thôi?

– Vâng, chỉ thế thôi.

Tôi quay lại nói với Nễ-Lang và Côn-Sơn:

– Các bạn ạ! Với lời độc đoán, chúng ta không còn gì để nói nữa. Tiếc rằng chúng ta không được một lời nào có thể dùng làm sợi dây thân mật liên kết giữa chúng ta và vị chủ tàu.

Viên chủ tàu mỉm cười, đáp:

– Không phải thế, ông ạ! Ít ra cũng có một phần nào chứ.

Ngừng một lát, ông ta dịu giọng nói tiếp:

– Bây giờ ông cho phép tôi được nói tất cả những gì mà tôi định nói với ông. Ông Long-Đắc! Tôi biết ông lắm. Nếu không thì ông, hay ít ra cũng các bạn ông, không thể nào được gần gũi với cuộc sống của tôi. Ông sẽ tìm thấy trong sổ sách vở tôi dùng để nghiên cứu có quyển sách của ông đã viết về những bí hiểm dưới đáy biển. Quyển sách ấy, ông đã vượt ngoài phạm vi khoa học hiện hữu trên mặt trái đất. Tuy nhiên, đó chỉ là một sản phẩm tưởng tượng mà ông chưa hề biết, hoặc trông thấy bao giờ. Tôi tin chắc rằng ông sẽ không hối tiếc thời gian mà ông sống trên con tàu tôi. Vì ông sẽ được xem những nơi kỳ ảo. Từ sự ngạc nhiên này đến sự ngạc nhiên khác sẽ làm cho trí óc tò mò của ông

thêm phần thích thú. Ông sẽ không bao giờ chán ngán trước những khung cảnh lạ lùng luôn luôn thay đổi trước mắt ông. Tôi sẽ tổ chức một lần nữa, cuộc vòng quanh thế giới dưới đáy biển, để nghiên cứu thêm những gì tôi chưa được hiểu tường tận, và ông sẽ là một người bạn trong công cuộc nghiên cứu của tôi. Bắt đầu từ nay, ông sẽ bước vào một quan điểm mới. Ông sẽ trông thấy những cái mà loài người chưa một ai trông thấy. Và, quả tinh cầu của chúng ta đang ở, cũng sẽ vì tôi mà không thể giấu được những cái huyền bí của nó nữa.

Ồ! những lời nói của viên Thuyền trưởng đối với tôi là cả một hiệu lực tuyệt đối. Ông ta đã đánh ngay vào nhược điểm của tôi, kêu gọi lòng hiếu kỳ của tôi, làm cho tôi không còn nghĩ đến sự tự do của tôi bị mất nữa. Vả lại, tôi hy

vọng vào tương lai. Thời gian nào đó, tôi sẽ có cơ hội để chiến thắng hoàn cảnh hiện tại.

Do đó, tôi vui vẻ đáp:

– Thưa ông, dầu rằng ông đã rời bỏ cuộc sống của xã hội loài người tôi vẫn tin rằng lòng nhân ông không thể từ bỏ được. Chúng tôi là những kẻ đắm tàu, được ông cứu vớt giúp đỡ. Ông ấy chẳng bao giờ chúng tôi dám quên. Về phần tôi, nếu công việc nghiên cứu khoa học có đem lại cho tôi một ích lợi nào thì cái đó hẳn sẽ đền bù lại sự mất tự do của tôi.

Với câu nói ấy, tôi định ninh rằng viên Thuyền trưởng sẽ bước đến, hân hoan bắt tay tôi. Nhưng không! ông ta vẫn đứng im. Đáng trách thay!

Khi con người khó hiểu ấy, sắp bước ra khỏi phòng, tôi vội vàng hỏi:

– Thưa ông, tôi còn một lời cuối cùng nữa.

– Ông cứ nói.

– Chúng tôi được phép gọi quý danh là gì nhỉ?

– Các ông cứ gọi tôi là Thuyền trưởng Nam-Mộ (Nemo). Và đối với các ông, tôi sẽ xem như hành khách trên con tàu Nam-Tị-Lũy. (Nautilus).

Nói xong, Thuyền trưởng Nam Mộ gọi tên bồi tàu vào, và nói vài câu bằng loại ngôn ngữ riêng biệt của ông ta. Chúng tôi không hiểu gì cả.

Đoạn, quay qua phía Nễ-Lang và Côn-Sơn, nói:

– Bữa ăn đã sắp sẵn trong phòng riêng của các anh. Các anh hãy theo người này đến đó dùng bữa.

Nễ-Lang gật đầu đáp:

– Điều đó khỏi phải từ chối!

Côn-Sơn và Nễ-Lang hăng hái bước ra khỏi chiếc lồng sắt đã giam giữ họ hơn ba mươi tiếng đồng hồ.

Đợi cho hai người kia đi khuất, Thuyền trưởng Nam-Mộ nói với tôi:

– Ông Long-Đắc! Bữa ăn sáng của chúng ta đã sẵn sàng. Tôi xin phép đưa ông đến đó.

– Xin tuân lệnh Thuyền trưởng.

Tôi bước theo Thuyền trưởng Nam Mộ ra khỏi phòng, qua một dãy hành lang ánh đèn điện sáng chói. Đi độ mười

hai thước, một cánh cửa phòng mở ra, tôi theo ông ta bước vào. Đó là một phòng ăn, trang bày với vẻ nghiêm trang. Hai đầu phòng hai cái kệ cao bằng gỗ sến có chạm trổ và cẩn gỗ mun. Trên kệ lóng lánh những chén bát, ly, nĩa bằng sành, bằng đất sứ, bằng chai, đủ loại.

Giữa phòng kê một cái bàn. Trên bàn la liệt các món ăn, đã được sắp đặt rất chu đáo.

Thuyền trưởng Nam-Mộ chỉ tay vào một chiếc ghế, nói:

– Mời ông ngồi đây, và cứ thực tình ăn uống, đừng ngại ngần gì cả.

Bữa ăn gồm có nhiều món, hầu hết là những món hải vị. Ngoài ra, có một đôi món thuộc về loại nào tôi không được rõ.

Thú thực rằng đồ ăn rất thịnh soạn, song mùi vị đặc biệt, tôi chưa quen, nên không thấy ngon.

Thuyền trưởng Nam-Mộ để ý nhìn tôi. Tôi không nói gì cả, nhưng hình như ông ta hiểu ý, vội nói ngay:

– Những món ăn này phần nhiều ông không được biết. Tuy nhiên, ông cứ việc dùng, đừng e ngại gì cả. Toàn là những món ăn trong sạch và nhiều chất bổ. Đã từ lâu, tôi không thèm dùng đến những món ăn trên mặt đất, thế mà tôi vẫn mạnh khỏe như thường. Cả đoàn người của tôi ở đây cũng vậy, người cũng lực lưỡng, và họ cũng không dùng một thức ăn nào khác hơn tôi.

Tôi hỏi:

– Tất cả các thức ăn này toàn là những thức ăn ở dưới biển cả sao?

– Đúng vậy! Ông Giáo sư ạ! Mặt biển đã cung cấp cho tôi tất cả mọi thứ cần dùng. Lúc thì tôi dùng kéo lưới, lúc thì tôi tổ chức những cuộc săn đuổi, có lúc tôi lại vào trong những khoảng rừng dưới đáy biển để bắt thú rừng. Ở đó hình như một cái kho vô tận mà vũ trụ đã tạo ra đủ thứ cần thiết.

Tôi ngạc nhiên, nhìn Thuyền trưởng Nam-Mộ hỏi:

– Thưa ông, tôi biết rằng ông đã dùng đủ loại lưới để bắt những thứ cá ngon lành trong bữa ăn này nhưng tôi không hiểu tại sao dưới đáy biển lại có thú rừng, và trong bữa ăn này lại có những món thịt?

– Phải, đó là những món ăn bằng thịt, song tôi đã nói với ông rằng tôi không dùng thịt của những thú vật trên mặt đất kia mà!

Tôi chỉ vào một đĩa thịt còn lại mấy lát, hỏi:

– Thứ này cũng không phải là thịt các thú vật trên mặt đất sao?

– Ông Giáo sư ạ! Đó là thịt của một thứ rùa biển. Cũng như món gan cá nhà táng này ông có thể lầm là thịt heo nấu ra-gu. Người đầu bếp của tôi rất khéo léo, có thể giữ lại được các món ăn tươi. Ông cứ thử nếm đủ tất cả các món ăn này đi. Đây là một thứ hải sâm, còn kia là món sữa tươi cá voi. Và, đường của chúng ta đang dùng đây là thứ cây rong mã vĩ ở Nam Hải. Sau hết, ông thử dùng loại mứt bạch-đầu-ông³ này, nó có chất ngọt và thanh chẳng khác nào như những trái cây tươi vậy.

³ Anémones: bạch-đầu-ông. một thứ cây dưới biển, cơm ngọt, cũng là một vị thuốc bắc.

Trong lúc tôi đang tò mò, nếm mỗi món ăn mỗi chút để phân định mùi vị, thì thuyền trưởng Nam-Mộ, tiếp tục nói:

– Ông Long-Đắc ạ! Không những mặt biển đã cung cấp cho tôi các thức ăn mà thôi, mà còn cung cấp cho tôi các thức mặc nữa. Thứ vải ông đang mặc do là một thứ ty túc [Bvssus: ty-túc, thứ lụa trong nước dãi của loại sò ốc.] do loài sò ốc dệt nên, và tôi đã sưu tầm nó nơi Địa-trung-hải. Còn thứ xà bông thơm mà ông sẽ dùng đến, để tắm rửa mỗi buổi sáng trong phòng riêng của ông là một chất lấy một loại cây biển. Giường nằm của ông sẽ là một loại cây mềm và dẻo. Ngòi viết của ông sẽ dùng bằng răng cá voi. Nói chung, tất cả đồ dùng của tôi hiện tại, toàn là những vật do mặt biển cung cấp cả.

– Ô! Thuyền trưởng rất thích bể khơi!

– Phải! Tôi thích nó lắm! Biển là tất cả cho đời sống của tôi! Biển chiếm bảy phần mười trên mặt địa cầu. Không khí trong lành và mát mẻ. Nó là một bãi sa mạc vô tận, tuy nhiên, loài người sống với nó không phải quạnh hiu. Nó tượng trưng cho sức mạnh và tình thương, chứa đựng một sức sống dồi dào, đúng như lời các thi sĩ đã nói. Thật thế, ông Giáo sư ạ! Vũ trụ sanh ra ba loại thực vật, khoáng vật và động vật. Về loại động vật chia ra làm bốn giống động thực-vật (zoophyt), ba giống có đốt, năm giống sò ốc, ba giống có xương sống, có vú, bò sát, và nhiều loại cá khác nhau. Người ta tính có đến mười ba ngàn loại. Nhưng đối với nước ngọt chỉ chứa đựng một phần mười, còn bao nhiêu thuộc về biển cả. Người ta không sợ sức lớn lao và mạnh bạo của biển cả, nhưng thực ra biển cả không đến nỗi tàn nhẫn như họ tưởng.

Trên mặt biển, còn có những sóng to, gió dữ gây tang tóc cho loài người, nhưng cách ba mươi bước dưới mặt nước, rất yên tĩnh, ở đây không còn có một sức mạnh nào đáng sợ, mà chỉ có những cái tốt lành. Ông ạ! Chúng ta nên sống trong lòng biển! Nơi đó rất tự do, không còn phải lệ thuộc ai, hoặc bận tâm đến cuộc sống của loài người nữa!

Qua những câu nói ấy, vẻ mặt Thuyền trưởng Nam-Mô biểu lộ một hân hoan vô bờ bến. Có phải ông ta đã để lộ chân tướng thiên nhiên của con người ông không? Có phải ông ta là một người ưa nói không.

Tuy nhiên, chỉ trong vài phút, nét mặt hân hoan ấy lần lần biến mất và khuôn mặt lạnh lùng lại trở về như thường lệ với con người lãnh đạm của biển cả. Ông ta nhìn tôi, nói:

– Bây giờ, nếu ông muốn đi xem các cơ cấu trên con tàu Nam-Tị-Lũy tôi sẽ đưa ông đi.

CHƯƠNG 11

CON TÀU NAM TỊ LŨY

Thuyền trưởng Nam-Mô đứng dậy bước đi, tôi nối gót theo sau.

Qua khỏi khung cửa có hai lần khóa, đến một căn phòng cũng rộng rãi như phòng ăn vừa rồi. Nơi đây để đầy cả sách vở. Tôi vòng quanh theo các giá sách tiến về phía bên trong, thấy một chiếc đi-văng khá rộng. Một bên đó là một chiếc bàn, trên bàn có để vài tờ báo đã

cũ. Bàn ghế đều chạm trổ đủ kiểu. Giữa phòng trên nóc trần, bốn chiếc vòng bán nguyệt nhỏ ánh sáng xuống căn phòng, thứ ánh sáng đèn điện le lói. Tôi vừa đưa mắt nhìn quanh, đây vể lưư luyến. Giữa lúc ấy Thuyền trưởng Nam-Mộ bước lên nằm dài trên đi-văng, tôi nhìn ông ta nói:

– Ô! Thực là một thư viện đầy giá trị, giá trị hơn cả những thư viện to tát trên đất liền. Tuy nhiên, điều đáng chú ý nhất là làm sao Thuyền-trưởng lại có mang theo xuống đáy bể được!

– Ông nhận thấy nơi đây có yên tĩnh và thanh vắng hơn các thư viện trên mặt đất không? Nơi Viện Bác-vật của ông làm sao có được sự thanh tịnh như vậy?

– Thưa ông, không bao giờ có. Và lại viện Bác-vật tôi thiết tưởng còn nghèo

nàn hơn ở đây. Hình như ông có đến sáu, bảy ngàn quyển sách...

– Không, đến mười hai ngàn, ông Long-Đắc ạ! Đó là một sợi dây liên hệ duy nhất của tôi đối với xã hội loài người. Tuy nhiên từ ngày con tàu Nam-Tị-Lũy của tôi được đặt xuống mặt biển đến nay, tôi không còn mua thêm một quyển sách, một tờ báo nào nữa. Tôi coi như loài người không còn viết gì hơn nữa. Thư viện này tôi để cho ông được tự do sử dụng, nếu ông xét thấy cần thiết cho ông.

Tôi tỏ lời cảm ơn Thuyền trưởng và bước đến xem xét từng chồng sách. Những loại sách về khoa học, về luân lý, về văn chương rất nhiều, bằng đủ thứ tiếng, nhưng tôi không tìm thấy một quyển nào thuộc về loại kinh tế học. Hình như loại

sách ấy không thích hợp với con tàu này. Đáng chú ý hơn nữa, các loại sách đều để lộn xộn, chứng tỏ rằng viên Thuyền trưởng này không chú trọng nghiên cứu loại nào, mà chỉ lấy ra xem theo sự may rủi, gặp quyển nào cũng được.

Trong các sách ấy, tôi nhận thấy có cả kim lẫn cổ, nghĩa là từ những tác phẩm của các danh nhân đương thời, qua đủ bộ môn: Thi thơ, tiểu thuyết, khoa học, v.v... Đặc biệt là loại khoa học, chiếm đa số. Loại này gồm có những sách về máy móc, về thuật xạ kích, về thủy đạo học, và khí tượng học, về địa lý học, về địa chất học, v.v... ngoài ra còn có một số về vạn vật học cũng không kém phần quan trọng,

Nhìn vào thư viện, tôi cảm định được chiều hướng và khả năng trí thức của Thuyền trưởng. Và, căn cứ theo lời

ông ta nói, tôi phỏng định rằng con tàu Nam-Tị-Lũy vừa hoàn thành không quá ba năm, và ông ta tách rời khỏi đất liền cũng không quá thời gian ấy, vì có những quyển sách xuất bản vào năm 1865 vẫn được ông ta góp nhặt trong tủ sách này.

Tuy biết vậy, song việc ấy tôi còn có rất nhiều thì giờ để tìm hiểu thêm. Tôi không muốn làm chuyện chậm trễ cuộc xem xét trên con tàu Nam-Tị-Lũy, nên lễ phép, nghiêng mình, nói:

– Thưa Thuyền trưởng, ngài cho phép tôi được tự do nghiên cứu ở thư viện này thực là cả một vinh hạnh vì đây chính là một kho tàng khoa học.

Thuyền trưởng Nam-Mộ nói:

– Nơi đây chẳng những là thư viện, mà cũng là nơi để hút thuốc nữa.

Tôi hỏi lớn:

– Một nơi để hút! Vậy, dưới tàu này cũng có thuốc hút sao?

– Đúng vậy.

– Thưa ông, thế thì tôi tưởng ông có liên lạc với xứ Hà-vang (Havane).

– Không đâu, ông Long-Đắc ạ! Tuy thuốc hút Hà-vang ngon thật, song thuốc này không phải là thuốc Hà-vang mà vẫn ngon không kém. Nếu ông là người sành hút, tất ông sẽ biết.

Vừa nói, Thuyền trưởng vừa móc túi lấy đưa cho tôi một điếu thuốc.

Tôi tiếp lấy. Điếu thuốc này giống như những điếu thuốc ở Luân Đôn, nhưng vẫn bằng loại lá màu vàng.

Tôi châm lửa đốt, và hút vài hơi rất

thích thú, vì đã hơn hai ngày, tôi chưa được hút.

Sau khi thưởng thức, và phân định mùi vị, tôi nói:

– Ngon thật! song không phải là thuốc lá!

Thuyền trưởng đáp

: – Không. Loại thuốc lá này không phải như thuốc lá ở Hà-vang mà cũng không phải như thuốc lá ở miền Đông, nó là một loại rong biển, chứa rất nhiều chất ni-cô-tin, đặc biệt là muốn dùng bao nhiêu cũng có. Hút thứ này ông có mơ tưởng đến thuốc lá Hà-vang không?

– Không. Thưa Thuyền trưởng từ nay tôi không còn có thể ca tụng thuốc lá Hà-vang nữa.

– Vậy thì xin ông cứ hút loại thuốc đặc biệt này đi, và ông cũng không cần phải bận tâm tìm hiểu nguồn gốc của nó nữa. Vì loại thuốc này không bị một cơ quan thương chánh nào kiểm soát và hạn chế cả.

Nói xong, Thuyền trưởng Nam-Mở mở cánh cửa ăn thông qua phòng bên cạnh.

Đó là một căn phòng rộng dùng làm viện bảo tàng, bề dài độ mười thước, bề rộng độ sáu thước, và bề cao độ năm thước. Trên trần phòng, chạm trổ theo lối cổ A-rập, có gắn những chiếc đèn điện, ánh sáng dịu dàng chiếu xuống làm tăng thêm vẻ trang nghiêm và lộng lẫy của những vật trưng bày theo các vách tường bằng sắt chẳng khác nào một kho tàng của thiên nhiên do một bàn tay

khéo léo và một bộ óc tò mò đã có công sưu tầm và sắp xếp.

Một bên, chừng lối ba mươi bức họa, đóng khung như nhau, treo cách khoảng đều nhau trên những tấm khảm rất quý giá. Những lối họa ấy do các danh họa, thế giới trình bày, và đã đạt đến một giá trị khá cao mà tôi đã từng thấy trong các cuộc triển lãm đặc biệt ở Âu-châu

Nhìn qua lối trưng bày và giá trị của các họa phẩm, tôi rất kinh ngạc, chẳng biết viên Thuyền trưởng con tàu Nam-Tị-Lũy là người như thế nào cả.

Ông ta mỉm cười, nhìn tôi hỏi:

– Sự trang bày trong phòng này không được mỹ thuật lắm, xin ông hãy nhìn nó bằng đôi mắt dễ dãi cho.

Tôi đáp:

– Thưa Thuyền trưởng, trong lúc tôi chưa được hân hạnh tìm hiểu ông là ai, tôi có thể quan niệm ông là một nghệ sĩ không?

– Ông ạ! tôi chỉ là một viên chủ tàu, và cũng chỉ có thế thôi. Trước kia, hồi còn trẻ tuổi, tôi thích sưu tầm những công trình do tay người sáng tác. Tôi chỉ là một kẻ có tham vọng tìm tòi, lục lọi, do đó tôi mới có được một số ít tác phẩm giá trị. Đó cũng là những kỷ niệm cuối cùng của tôi đối với mặt đất, và những kỷ niệm ấy hình như hiện nay nó cũng đã chết mất trong đáy lòng của tôi rồi. Trước mắt tôi, những nhà nghệ sĩ hiện thời tôi xem như những kẻ đã quá cố, những kẻ đã cách tôi hàng ngàn thế kỷ, đối với tôi, họ là những kẻ không còn thời gian.

Tôi ngạc nhiên, chỉ vào những nhạc phẩm của các nhạc sĩ đương thời treo trên một khung khảm và hỏi:

– Và các nhà nhạc sĩ này cũng thế sao?

Thuyền trưởng Nam-Mộ nói:

– Các nhạc sĩ ấy tôi vẫn xem như những bậc tiền bối, bởi vì đối với những người đã chết, không còn thời gian nữa, mà chính tôi là kẻ đã chết, ông ạ! Cũng như những người bạn của ông đã bị vùi sâu dưới ba tấc đất vậy.

Nói xong, vẻ mặt Thuyền trưởng như lắng chìm sâu trong một giấc mộng xa vời. Ông ta chống tay trên chiếc bàn khảm ngọc, và yên lặng. Trong sự yên lặng ấy tôi cảm thấy như ông ta không còn trông thấy tôi đứng trước mặt nữa, và quên tất cả hiện tại.

Để tôn trọng những phút trầm tư mặc tưởng ấy, tôi vội bước tránh ra một bên, và tiếp tục xem những vật trưng bày trong phòng.

Bên kia, trong một ô vuông, toàn là những vật lạ của thiên nhiên gồm có các thứ cây, các thứ ốc, và nói chung, là những sản phẩm của biển, mà do chính tay thuyền trưởng Nam-Mộ đã sưu tầm lấy. Giữa phòng, một vòi nước, ánh điện chiếu, rục rở phun vào một cái bể cạn bằng vỏ một con ốc, thứ vỏ ốc không lồ, chu vi độ sáu thước. Vỏ ốc này còn to hơn những vỏ ốc của xứ cộng hòa Vơ-ni (Venise) đem dâng cho vua Phing-Xoa thứ nhứt, mà hiện nay tại đền Thánh Sun-Bít (Saint Sulpice) ở Ba-lê đang dùng làm hai chiếc bình đựng nước Thánh.

Xung quanh bể cạn có lồng những khung kính, và trưng bày các giống vật ở

bể mà con mắt của các nhà bác-vật chưa bao giờ từng thấy,

Bộ môn thực vật học gồm có những giống kiểu mẫu chia ra làm hai loại: loại thủy mẫu (Polypes) và loại cực bì (Échino-dermes).

Bộ môn động vật học gồm có các loại sò ốc, không biết bao nhiêu mà kể. Toàn là những vật quý báu có một giá trị tuyệt đối.

Đặc biệt hơn nữa, trong những khung riêng, từng đồng ngọc trai đủ màu, chói ngời dưới ánh sáng, như hàng vạn ngôi sao nhấp nháy giữa đêm thanh. Trong số ấy có nhiều viên ngọc to bằng quả trứng chim bồ câu. Mỗi viên như thế trị giá hơn ba triệu đồng. Nói tóm lại, cả cái kho tàng ấy không biết phải trị giá bao nhiêu cho xứng đáng. Thuyền trưởng Nam-Mộ

chẳng biết đã phải tốn kém bao nhiêu để đạt được một kho tàng quý giá vậy? Tôi mãi đang vẩn vơ trong trí nghĩ, thì bỗng có tiếng ông ta hỏi:

– À! Ông đang ngắm nghía các con ốc của tôi đó sao? ông Giáo sư! Thật ra các vật đó cũng có thể làm cho một nhà bác vật thích thú phần nào. Tuy nhiên, đối với tôi là cả một cực nhọc vì chính tay tôi đã tìm tòi khắp các vùng biển khơi.

– Thưa Thuyền trưởng, tôi hiểu lắm! Tôi thông cảm cả một nguồn vui giữa đồng tài sản to tác này.

Ông chính là người đã tự mình gây dựng lấy sự nghiệp, Khắp Âu châu, không có một viện bảo tàng nào sánh kịp những vật mà ông đã sưu tầm trong biển cả. Nhưng, dù có thích đến đâu tôi cũng

không dám nghĩ đến, vì tôi không muốn đi sâu vào những cái bí hiểm trong cuộc sống của ông. Tuy nhiên, tôi lại không thể nào không thú nhận rằng con tàu Nam-Tị-Lũy này, với sức mạnh của máy móc, với sức công dụng của nó, đã làm cho tánh tò mò của tôi không thể nào chịu nổi. Tôi thấy nhiều dụng cụ máy móc gắn trên vách tường, mà tôi không hiểu gì cả. Chẳng biết tôi có đặc ân được ông cho biết chút ít chăng?

Thuyền trưởng Nam-Mộ đáp:

– Ông Long-Đắc, tôi đã nói ông sẽ được tự do hoàn toàn trên con tàu này, thế thì, không một bộ phận nào của con tàu Nam-Tị-Lũy mà ông không có quyền xem xét. Tôi sẽ chiều ý ông đưa ông đi xem mọi thứ.

– Thưa Thuyền trưởng! Tôi không còn biết lời nào để cảm ơn ông cho xứng đáng, chỉ xin hứa rằng tôi sẽ không bao giờ lợi dụng lòng tốt của ông đòi hỏi những việc quá đáng. Trong việc này, nếu ông cho phép, tôi xin được xem qua một ít cơ cấu bên ngoài của con tàu này mà thôi.

– Được. Ông cứ yên tâm! Những máy móc gì trong phòng tôi, tôi chỉ cần cắt nghĩa sơ qua công dụng của nó là ông hiểu ngay. Bây giờ tôi đưa ông qua xem xét căn phòng tôi dành riêng cho ông trên con tàu này đã.

Tôi bước theo Thuyền trưởng Nam-Mộ, qua một cánh cửa, đi thẳng về phía trước mũi tàu.

Đây không phải là một buồng tàu như ở các tàu thường, mà là một căn phòng rất lịch sự, đủ tiện nghi, có cả phòng tắm, giường nằm và các dụng cụ bằng gỗ.

Trong lúc tôi chưa kịp tỏ lời cảm ơn, thì thuyền trưởng Nam Mộ đã mở ra một cánh cửa, ăn thông sang một phòng bên cạnh, và nói:

– Phòng của ông ăn thông sang phòng của tôi, và phòng của tôi ăn thông qua căn phòng mà chúng ta vừa mới rời khỏi đó.

Tôi bước vào gian phòng của Thuyền trưởng.

Phòng này trông có vẻ trang nghiêm hơn là lịch sự. Một bên đặt một chiếc giường bằng sắt một bên kê một

chiếc bàn làm việc và một ít đồ dùng rửa mặt bằng gỗ. Ánh đèn điện trong phòng không sáng lắm

Thuyền trưởng Nam-Mộ chỉ một chiếc ghế, bảo tôi:

– Xin mời ông ngồi đó.

Tôi ngồi xuống ghế. Và ông ta bắt đầu nói.

CHƯƠNG XII

HOÀN TOÀN BẰNG ĐIỆN LỰC

Vừa chỉ tay lên các máy gắn trên tường, Thuyền trưởng Nam-Mộ vừa nói:

– Ông ạ! Đây là những máy móc tôi dùng để điều khiển con tàu Nam-Tị-Lũy. Nhờ các thứ ấy mà tôi ngồi trong phòng này biết rõ hiện giờ con tàu đang ở đâu, đi về hướng nào. Những bộ phận này, chắc ông đã biết, như: hàn thử biểu

dùng để xem xét nhiệt độ trong con tàu. Phong vũ biểu dùng để dò xét khí hậu, và sự thay đổi của thời tiết; Tháp-kế-biểu dùng để biết sự khô, ướt của bầu trời. Địa bàn dùng để biết phương hướng. Kính lục phân dùng để xem cao độ của mặt trời. Kinh vĩ dùng để tính kinh độ và cuối cùng nhưng cặp kính viễn vọng đêm và ngày để xem các vật trên mặt biển.

Tôi nói:

– Đó toàn là những dụng cụ cần thiết của một nhà hàng hải. Tôi đã được biết công dụng của nó rồi. Song, còn những bộ phận kia có lẽ mới là những cơ quan trọng yếu của con tàu Nam-Tị-Lũy: ví dụ như tấm mặt đồng hồ có cây kim nhỏ đang cử động đó, phải là một máy áp kế không?

– Đúng vậy. Đó là một máy áp kế ăn

thông với nước biển dùng để biết sức ép bên ngoài, và đồng thời cũng để biết con tàu đang ở vào bề sâu bao nhiêu, cách mặt biển.

– Thế thì đó là một thứ ống dò, làm theo kiểu mới?

– Không, đây là một loại ống dò về nhiệt kế, ghi nhận từng nhiệt độ của mỗi lớp nước.

– Thưa ông, còn những bộ phận khác? Tôi không hiểu được công dụng của nó.

Thuyền trưởng Nam-Mộ nói:

– Với những bộ phận này, tôi cần có đôi lời giảng giải. Xin ông hãy để ý nghe tôi nói.

Thuyền trưởng nói đến đây lặng thinh một lúc, rồi mới tiếp tục:

– Đây là một động lực khá mạnh, “để điều khiển và rất nhậm lẹ nó có một công dụng đặc biệt, và là chủ chốt trong guồng máy con tàu của tôi. Tất cả đều phải dùng đến nó. Nó là điện khí.

Tôi ngạc nhiên hỏi to:

– Điện khí!

– Thưa ông, đúng vậy!

– Nhưng điện khí làm sao lại có được sức mạnh phi thường như thế?

– Ông Long-Đắc ạ! Điện lực của tôi dùng không phải như điện lực của loài người hiện có trên mặt đất. Đó chính là điểm mà tôi muốn nói với ông vậy.

– Thưa ông, không phải tôi nghi ngờ

mà chính là tôi đã ngạc nhiên trước sức công dụng của nó! Tôi muốn hỏi một điều, song sợ phạm vào điều bí mật mà ông không muốn rồi.

– Được, xin ông cứ hỏi.

– Những nguyên liệu ông dùng để sản xuất ra điện lực, tôi tưởng rằng không liên lạc với mặt đất, ông không thể nào cung cấp cho đủ được. Thí dụ như chì chẳng hạn, ông tìm đâu ra để dùng, mỗi khi cần phải đổi mới một bộ phận của nó.

Thuyền trưởng Nam-Mô mỉm cười đáp:

– Nếu tôi muốn dùng những nguyên liệu ấy không khó gì, vì ở dưới biển có đủ các thứ mỏ chì, sắt, bạc, vàng. Tuy nhiên, ở đây tôi chỉ dùng những phương

tiện của mặt biển có sẵn để làm ra điện lực mà thôi.

– Những phương tiện của mặt biển đã có sẵn? Vâng, thưa ông, các phương tiện ở mặt biển không thiếu. Thực ra, tôi có thể dùng một dòng điện lực trong nước biển, qua các nhiệt độ của từng lớp nước, nhưng ở đây tôi lại có một phương pháp khoa học hơn.

– Phương pháp nào vậy?

– Ông thừa hiểu sự cấu tạo của nước biển. Cứ một gam nước biển, người ta lấy ra được tám mươi sáu phần rưỡi nước, và hai phần hai phần ba chất chlorure de sodium: ngoài ra còn có một số ít chất chlorure de magnésium và potassium, chất bromure de magnésium, chất sulfate và chất carbonate de chaux. Như thế, ông thấy rằng chất chlorure de sodium

chiếm một tỉ lệ đáng kể. Chính tôi đã lấy chất sodium ấy ở trong nước biển để chế ra điện khí của tôi.

– Chế ra điện khí bằng chất sodium?

– Phải, ông ạ! Dem nó trộn với chút mercure, nó thành một chất hỗn hợp thay thế cho chất chì trong nguyên lý điện từ của ông Bông-Sen (Bunsens). Chất mercure không bao giờ hư hao, chỉ có chất sodium là bị tiêu hao đi rất nhiều. Nhưng lại có nước biển, một kho vô tận cung cấp thứ ấy chẳng bao giờ hết. Tôi có thể nói rằng loại pin sodium mạnh gấp hai lần loại pin chì.

– Thưa ông, tôi không thông cảm được công dụng của thất sodium rồi. Và nước biển không thiếu gì thứ ấy. Song tôi vẫn thắc mắc, vì muốn có chất sodium ít ra ông cũng phải lọc nó ra khỏi

nước biển. Nếu tôi không lầm thì sự bào chế ấy không thể nào đủ cung cấp cho các máy móc trên con tàu Nam-Tị-Lũy được.

– Không phải như ông nghĩ đâu, ông Giáo sư ạ! Tôi đâu có lọc bằng pin, tôi chỉ dùng sức nóng của than đá mà thôi.

– Loại than đá lấy ở các mỏ trên mặt đất?

– Không. Than đá lấy ở đáy biển.

– Ông có thể khai thác những mỏ than đá dưới đáy biển sao?

– Ông Long Đắc ạ! ông ngạc nhiên là phải. Nhưng rồi ông sẽ thấy công việc của tôi làm. Tôi chỉ cần ông kiên nhẫn một chút, vì ông có đủ thì giờ để kiên nhẫn kia mà! Bây giờ, ông chỉ nên ghi lấy điều này: Mặt biển là của riêng tôi:

Nó cung cấp cho tôi điện lực và điện lực cung cấp cho con tàu Nam-Tị-Lũy mọi thứ cần dùng, như sức nóng, ánh sáng, và mọi cử động, v.v... nói chung là cả nguồn sống trên con tàu.

– Nhưng nó không thể cung cấp được không khí để thở?

–Ồ! Tôi có thể làm ra không khí để dùng. Tuy nhiên việc ấy chỉ tốn công vô ích, vì tôi có thể nổi lên mặt biển lúc nào cũng được. Nếu ngày nào đó, tôi phải cho sàn tàu lặn xuống dưới đáy bể sâu, chừng ấy tôi sẽ tính.

– Thưa Thuyền trưởng. Tôi rất khâm phục công trình sáng tạo của ngài và tôi thiết tưởng công trình đó, một ngày nào, trên mặt đất người ta cũng sẽ tìm thấy qua công dụng của điện lực,

Thuyền trưởng Nam-Mộ lạnh lùng đáp:

– Tôi không biết người ta có sẽ tìm được hay không. Nhưng dầu sao, ông cũng là người đầu tiên biết được công dụng của điện lực. Chính nhờ nó mà tôi có đủ sức nóng, ánh sáng, không cần đến mặt trời. Bây giờ, ông xem chiếc đồng hồ này. Nó hoàn toàn chạy bằng hơi điện, và không khi nào hư hỏng. Tôi chia làm hai mươi bốn giờ như đồng hồ ở xứ Ý-đại-lợi, vì đối với tôi, không có ngày, không có đêm, không mặt trời, mặt trăng, chỉ có sức sáng của điện khí mà thôi. Kìa, ông xem đây! Bây giờ là lúc mười giờ sáng.

– Đúng là cơ xảo thật.

– Còn đây. Mặt kim đồng hồ này dùng để chỉ tốc độ của con tàu. Một sợi dây ăn thông đến cánh quạt, hệ giống

máy cử động bao nhiêu thì cây kim này chỉ lên số cao bấy nhiêu. Hiện tại con tàu chúng ta đang chạy mười lăm dặm một giờ, với tốc độ bình thường.

– Thưa Thuyền trưởng, tôi đã thấu rõ tài năng cái ông. Ông đã dùng điện lực thay thế cho cả gió, nước, và hơi nước.

– Chưa hết, ông Long-Đắc ạ! Nếu ông muốn xem tường tận hơn ông hãy theo tôi ra phía đằng lái, còn có nhiều máy móc đáng kể.

Tôi tỏ ý hài lòng. Vì đằng trước con tàu tôi đã được xem tất cả rồi. Trên tàu gồm có mấy phòng như: phòng ăn dài năm thước, ngăn cách với phòng đọc sách cũng dài năm thước. Rồi đến phòng khách dài lối năm thước nối liền với phòng của Thuyền trưởng, dài năm thước, sát với căn phòng của tôi, dài hai

thước rưỡi. Cuối cùng một phòng chứa hơi dài chừng năm thước rưỡi. Tất cả các vách tường đều bằng sắt có khoét cửa và trám kín bằng cao su. Do đó, hơi và nước từ phòng này không thể sang phòng khác được. Cứ theo bề dài của các căn phòng cộng lại, tôi tính ra con tàu Nam-Tị-Lũy dài chừng ba mươi lăm thước.

Tôi đứng dậy bước theo Thuyền trưởng Nam-Mộ vào giữa gầm tàu. Ở đó, có hai phòng kín chứa nước. Bên cạnh có một cái thang bằng sắt đầu móc trên một ô vuông, ăn thông lên mặt ngoài con tàu.

Tôi hỏi Thuyền trưởng cái thang ấy dùng để làm gì. Ông ta đáp:

– Thang này dùng để leo qua chiếc ca-nô.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

– Ông lại còn có một chiếc ca-nô nữa sao?

– Đúng vậy. Chiếc ca-nô ấy nhẹ nhàng, chắc chắn, dùng để ngao du trên mặt biển, hoặc để đánh cá.

– Nhưng, nếu lúc nào ông muốn dùng đến chiếc ca-nô, tất nhiên ông phải cho con tàu này nổi lên trên mặt nước đã chứ?

– Không cần. Chiếc ca-nô này dính liền với bộ phận bên trên của vỏ tàu, và có khoét hai cái lỗ vừa một người chun vào. Lúc nào tôi muốn sử dụng chiếc ca-nô, tôi chỉ cần leo qua thang này, trèo vào chiếc ca-nô, dùng khí ép khóa hai cánh cửa của chiếc ca-nô và chiếc thuyền này. Đoạn bấm nút khởi hành, tức thì chiếc ca-nô nổi lên trên mặt sóng. Lúc bấy giờ tôi trương buồm lên và đi dạo khắp nơi.

– Nhưng, sau khi đi dạo xong, ông làm thế nào trở lại con tàu này?

– Tôi không trở lại, mà chính con tàu Nam-Tị-Lũy phải nổi lên để rước tôi.

– Theo mệnh lệnh của ông?

– Phải.

– Ông làm thế nào để truyền lệnh?

– Tôi liên lạc bằng điện. Tôi chỉ cần đánh một bức điện tín là đủ.

Tôi cả lời khen ngợi:

– Ô! Như thế thì thực không còn gì giản tiện hơn!

Sau khi qua khỏi căn phòng có dựng chiếc thang sắt, chúng tôi bước vào một căn phòng bề rộng độ hai thước. Côn-Sơn và Nễ-Lang đang ăn uống ở đấy, cả

hai mặt mày tươi như hoa, đang chuyện trò ríu rít.

Thuyền trưởng chào qua mọi người rồi với tay mở cánh cửa phía sau cùng, cửa này ăn thông ra phía căn nhà bếp, dài độ ba thước. Nơi đây là chỗ tập trung điện lực nhiều nhất. Các dây điện chằng chịt được chuyển vào các chiếc lò máy. Người ta nấu ăn bằng điện, người ta đun nước bằng điện. Nói chung là người dùng mọi sức nóng hoàn toàn bằng điện.

Sau căn phòng nhà bếp là nhà tắm. Hai cái vòi nước to tướng được đặt lên một bể cạn. Một vòi nước lạnh và một vòi nước nóng luôn luôn sẵn sàng để tùy thích người dùng. Bên đó có phòng các nhân viên thủy thủ trên tàu. Căn phòng này vì cửa đóng nên tôi không được rõ, đoàn người giúp việc của ông ta ở trong đó độ bao nhiêu.

Cuối cùng là phòng đặt máy móc. Cánh cửa vừa mở, mắt tôi như chói lòa. Bao nhiêu ánh điện từ bên trong lóe ra hực hỡ. Phòng này dài độ hai mươi thước, chia ra làm hai phần. Một bên là những máy móc thuộc về điện, một bên là các bộ phận cử động của con tàu.

Vừa mới bước vào, tôi cảm thấy khó chịu, vì trong phòng bốc ra thứ mùi gì khó thở.

Thuyền trưởng Nam-Mộ hiểu ý, nói:

– Đó là một thứ mùi hôi của chất sodium thoát ra sau khi đã sử dụng. Nhưng đó chỉ chút ít thôi. Cứ mỗi sáng tôi cho con tàu lên mặt biển để thay hơi, đuổi tất cả các hơi ngạt ra ngoài.

Tôi đứng ngắm các máy móc. Thuyền trưởng lặng yên một lúc rồi nói tiếp:

– Ông trông đây: Tôi dùng lối máy móc theo phương pháp Bông-Sơn (Bunsen) chứ không dùng theo phương pháp Rem-Co (Ruhmkorff). Các bộ phận này mạnh lắm, và ít rườm rà. Và phần cử động do điện lực tạo nên. Chính nhờ ở sức điện mà các cây đòn bẩy này cử động, chuyển vào các trục bánh xe, quay tròn các cánh quạt, mỗi cánh quạt đường kính hơn sáu thước và mỗi giây đồng hồ quay hai mươi vòng.

– Thế thì tốc-độ của con tàu mỗi giờ trung bình độ bao nhiêu?

– Năm mươi dặm một giờ.

Nghe Thuyền trưởng Nam-Mộ nói tôi ngơ ngác, không làm sao hiểu nổi. Tại sao điện lực lại có thể có một sức mạnh phi thường như thế? Chẳng biết ông ta có một bí quyết nào khác hơn để tăng

cường độ của điện lực lên đến một sức mạnh tuyệt vời không? Tuy lòng tôi thúc mác, song tôi không dám tỏ ra tò mò. Tôi hỏi:

– Thưa Thuyền trưởng mặc dầu tôi chưa hiểu tường tận song trước con tàu Lanh-Công tôi đã được mục kích tốc độ của con tàu Nam-Tị-Lũy này rồi. Thực tế không còn chối cãi vào đâu nữa. Tuy nhiên, đạt một tốc độ phi thường chưa đủ, còn phải đạt được cả mức sử dụng của nó nữa. Thuyền trưởng làm thế nào để điều khiển con tàu chạy về phía mặt, phía trái, trên cạn dưới sâu? Thuyền trưởng làm thế nào cho con tàu lặn xuống mà chịu nổi sức ép nặng nề của nước biển? Thuyền trưởng làm thế nào để cho con tàu nổi lên mặt sóng? Và Thuyền trưởng làm thế nào để giữ con tàu đứng yên một

chỗ? Chẳng hay những bí quyết ấy tôi có thể được hiểu chẳng?

Thuyền trưởng Nam-Mộ đưa mắt nhìn tôi. Và qua một phút do dự, ông ta nói:

– Những cái đó không có gì là bí hiểm cả. Tôi có thể cho ông biết, vì tôi tin rằng chẳng bao giờ ông được rời khỏi con tàu của tôi. Bây giờ chúng ta trở lại phòng khách, nơi đó là chỗ tôi làm việc thường ngày, và tôi sẽ cho ông biết mọi bí quyết trên tàu Nam-Tị-Lũy.

Jules Verne

vingt mille lieues sous les mers

illustré par Sébastien Pelon

